

# **PHẬT PHÁP**

---

# **BOUDDHADHARMA**

**MÙA VỤ LAN BẢO HIẾU / Pitié filiale Ullumbana**

Số/Nº : 46-07/2013



Nam Mô Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát.  
Namo Bodhisattva Ksitigarbha.



lễ Phật Đản 2557-2013



# KINH HÒA NGHIÊM

## ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng  
Hán dịch: Thật Xoa Nan Đà  
Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

**T**ịch Tĩnh Cảnh Thiên Vương, được môn giải thoát, điều phục tất cả tâm sân hận của chúng sinh thế gian.

Vị Tịch Tĩnh Cảnh Thiên Vương thường ở trong cảnh giới định, điều phục được tất cả tâm sân hận của chúng sinh thế gian, khiến cho họ biến thành tâm từ bi, biến thành tâm hỷ xả.

Người có tâm sân hận thì thuộc về đường A Tu La. A Tu La thích đấu tranh, luôn luôn tranh thắng, tranh đệ nhất. Trên trời có A Tu La, ở nhân gian cũng có A Tu La. A Tu La trên trời thường tác chiến với chư Thiên. A Tu La nhân gian thường phát sinh đại chiến, dẫn đến nước này đánh với nước kia, chủng tộc này đánh với chủng tộc kia, tôn giáo này đánh với tôn giáo kia, tương lai địa cầu và tinh cầu cũng sẽ chiến tranh với nhau. Những chiến tranh xảy ra đều do A Tu La tác quái. A tu La có hai loại âm và dương. A Tu La thuộc dương tức là quân đội trên thế gian; A Tu La thuộc âm là những kẻ trộm cướp bắt lương. Phàm là kẻ làm ác giết người, đều là A Tu La, hoặc chúng sinh nào thích đấu tranh cũng đều gọi là A Tu La.

Trong loài súc sinh và ngựa quý cũng có A Tu La. Tâm sân hận của chúng rất lớn, chúng hổ tương xâm phạm, hổ tương nhiễu loạn, chẳng được yên ổn. Vị Thiên Vương này điều phục được tâm sân hận chuyển thành tâm từ bi. Nếu ai ai cũng có tâm từ bi thì sẽ không có sát sinh, không chiến tranh. Đó là cảnh giới môn giải thoát vị Thiên Vương này đắc được.

**Diệu Luân Trang Nghiêm Tràng Thiên Vương, được môn giải thoát, vô lượng vô biên chư Phật tùy sự**

**nghĩ nhớ mà đến.**

Vị Diệu Luân Trang Nghiêm Tràng Thiên Vương, đắc được thân Phật trong mười phương không cách chi tính đếm được, chư Phật tùy sự nghĩ nhớ mà phóng quang, đều đến đạo tràng. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói :

“Hiện tiền nhớ Phật niệm Phật,  
Tương lai nhất định thấy Phật.”

Bạn nhớ nghĩ mười phương chư Phật, thì mười phương chư Phật cũng nghĩ nhớ bạn. Nếu bạn không nghĩ nhớ chư Phật, thì chư Phật cũng không nghĩ nhớ bạn, bất quá đó là một phương diện, cần phải hai phương diện thì mới cảm ứng đạo giao được. Sở cầu của chúng sinh là cảm, Phật và Bồ Tát ban cho là ứng.

Phật thì luôn luôn nghĩ nhớ tất cả chúng sinh, cho nên phát nguyện độ chúng sinh. Nếu Phật không nghĩ nhớ chúng sinh, thì không thể phát nguyện độ chúng sinh. Chúng sinh nghĩ nhớ Phật, thì nên cúng dường Phật, gàn gũi Phật, cung kính Phật, lễ bái Phật, hô tương nghĩ nhớ, thì sẽ có cảm ứng, sẽ tiếp được quang minh của Phật. Ai nghĩ nhớ Phật thì Phật hiện ra trong tâm người đó. Vị Thiên Vương này đắc được môn giải thoát này.

**Hoa Quang Huệ Thiên Vương được môn giải thoát, tùy tâm niệm chúng sinh, hiện khắp thành Chánh Giác.**

Vị Hoa Quang Huệ Thiên Vương này, đắc được tùy tâm niệm của chúng sinh mà hiện ra khắp chư Phật, để giáo hóa chúng sinh tu hành tất cả hạnh môn. Tất cả chúng sinh có những tâm niệm gì, Phật đều biết đều thấy, cho nên dùng đủ loại pháp môn để giáo hóa chúng sinh khiến cho thành

Chánh Giác. Chánh giác tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tiếng Phạn là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đó là môn giải thoát của vị này đắc được.

## **Nhân Đà La Diệu Quang Thiên Vương, được môn giải thoát, pháp tự tại đại oai lực, vào khắp tất cả thế gian.**

Nhân Đà La dịch là « thiên chủ », làm Thiên chủ trên cung trời Đao Lợi. Trong Kinh A Di Đà xưng là Thích Đề Hoàn Nhân, trong Kinh Lăng Nghiêm xưng là Nhân Đà La Gia. Vị Nhân Đà La Diệu Quang Thiên Vương này, là Thiên Vương Tha Hóa Tự Tại, vị này đắc được đại oai đức thần thông lực, thâm nhập khắp tất cả thế gian, vì chúng sinh thuyết pháp, và có một thứ pháp tự tại, tức là lúc Phật thuyết pháp thì chẳng có đến đi, pháp được nói ra là vô lượng vô biên. Đó là môn giải thoát pháp tự tại của vị này đắc được.

## **Bấy giờ, vị Tự Tại Thiên Vương, nương oai lực của Đức Phật, quán sát khắp tất cả chúng Tự Tại Thiên, mà nói bài kệ rằng.**

Lúc đó, vị Tự Tại Thiên Vương này, nương sức thần thông đại oai đức của Đức Phật, mà quán sát khắp tất cả Thiên chúng trời Tha Hóa Tự Tại, dùng kệ để diễn nói lại những gì đã nói ở trên, khiến cho các Thiên chúng càng hiểu thêm đạo lý Phật pháp.

## **Thân Phật đến khắp cùng pháp giới Ứng khắp chúng sinh đều hiện tiền Đủ loại giáo môn hóa quần sinh Tự Tại Thiên Vương ngộ môn này.**

"Thân Phật đến khắp cùng pháp giới". Pháp giới lớn bao nhiêu, thì thân Phật lớn bấy nhiêu. Pháp giới nhỏ bao nhiêu, thì thân Phật nhỏ bấy nhiêu. Thân Phật và pháp giới đồng nhau. Pháp giới tuy lớn, nhưng không hơn thân Phật.

"Ứng khắp chúng sinh đều hiện tiền". Mỗi chúng sinh đều đắc được quang minh của Phật chiếu đến, đều đắc được Phật thị hiện ở trước họ. Tâm của Phật và tâm chúng sinh có sự cảm ứng. Pháp thân của Phật giống như tấm gương trong sáng, tất cả chúng sinh đều hiển hiện ở trong gương.

"Đủ loại giáo môn hóa quần sinh". Phật nói đủ thứ giáo môn, bao quát tất cả Phật giáo và chẳng phải

Phật giáo. Tất cả tôn giáo đều bao quát ở trong Phật giáo, chẳng có một tôn giáo nào thoát ra khỏi ngoài phạm vi Phật giáo. Phật luôn luôn giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh phát tâm bồ đề, cầu vô thượng đạo, đắc vô thượng giác.

"Tự Tại Thiên Vương ngộ môn này". Khiến tất cả chúng sinh ở trong các pháp đắc được tự tại, đắc được giải thoát, đắc được khai ngộ, đắc được trí huệ. Vị Thiên Vương này, đắc được môn giải thoát tự tại khai ngộ, khai ngộ tự tại.

## **Tất cả dục lạc trong thế gian Vui Thánh tịch diệt là tối thắng Trụ ở trong pháp tánh rộng lớn Diệu Nhân Thiên Vương quán thấy được.**

"Tất cả dục lạc trong thế gian". Sự khoái lạc trong thế gian là gì ? Người thích uống rượu, thì cho rằng uống rượu là sự hưởng thụ khoái lạc nhất của con người. Khi uống rượu thì cảm thấy tự tại, uống say thì cảm thấy không tự tại. Người thích đánh bạc, thì cho rằng đánh bạc là thú vui nhất của con người, khi thắng thì cảm thấy tự tại, còn thua thì cảm thấy không tự tại. Đó là khổ hay là sướng ? Người thích thi đấu thì cho rằng thắng lợi là sung sướng nhất, nhưng khi thất bại thì không đau khổ chẳng ! Tóm lại việc khoái lạc nhất trên thế gian tức là nhân đau khổ nhất.

"Vui Thánh tịch diệt là tối thắng". Vậy sự an vui nhất là gì ? Tức là an vui xuất thế gian mới là an vui chân chánh, mới là an vui thù thắng, Niết Bàn bốn đức là vui tối thắng nhất.

"Trụ ở trong pháp tánh rộng lớn". Có niềm vui tịch diệt của bậc Thánh này rồi, thì mới trụ ở trong pháp tánh rộng lớn chẳng có ngăn mé.

"Diệu Nhân Thiên Vương quán thấy được". Vị Diệu Nhân Thiên Vương quán sát cảnh giới này và đắc được môn giải thoát này.

## **Như Lai xuất hiện khắp mười phương Theo tâm chúng sinh mà thuyết pháp Tất cả nghi hoặc đều dứt trừ Môn giải thoát này Diệu Tràng chứng.**

“Nhu Lai xuất hiện khắp mười phương.” Phật xuất hiện ra đời là đến khắp mười phương pháp giới, do đó : “vô tại vô bất tại, vô sở bất tại.” Lại có thể nói tận hư không khắp pháp giới.

“Theo tâm chúng sinh mà thuyết pháp.” Phổ biến ứng khắp căn cơ của chúng sinh, vì họ mà thuyết pháp. Người đáng dùng quyền giáo độ được, thì Phật vì họ mà nói pháp quyền giáo; người nên dùng thật giáo độ được, thì Phật vì họ mà nói pháp thật giáo. Người căn tính đại thừa, thì Phật vì họ mà nói pháp đại thừa, người căn tính tiểu thừa, thì Phật vì họ mà nói pháp tiểu thừa. Người không gieo căn lành, thì Phật vì họ nói pháp gieo căn lành. Người đã trồng căn lành, thì Phật vì họ nói pháp thành thực căn lành. Người đã thành thực căn lành, thì Phật vì họ mà nói pháp giải thoát. Phật thì quán sát căn tính của chúng sinh để vì họ thuyết pháp.

“Tất cả nghi hoặc đều dứt trừ.” Nếu chúng sinh có tâm nghi hoặc, thì Phật vì họ nói pháp, khiến cho họ dứt trừ tất cả nghi hoặc, mà sinh ra tâm chánh tín.

“Môn giải thoát này Diệu Tràng chứng.” Diệu Tràng Quan Thiên Vương đắc được môn giải thoát này.

## **Chư Phật khắp nơi diễn diệu âm Trong vô lượng kiếp nói diệu pháp Chỉ dùng một lời diễn nói hết Dũng Mãnh Huệ Thiên thấy môn này.**

“Chư Phật khắp nơi diễn diệu âm.” Mười phương chư Phật ở trong khắp mười phương thế giới. Bất cứ trong thế giới nào, cũng đều có chư Phật ở trong đó, diễn nói diệu âm. Diệu âm của chư Phật diễn nói khắp tận cùng hư không khắp pháp giới. Bất cứ có âm thanh, hoặc không âm thanh, có hình, hoặc không hình, diễn nói, hoặc không diễn nói, tất cả hết thấy đều là sự diễn diệu âm của chư Phật. Vào đời Tống, Tô Đông Pha viếng thăm núi Lư Sơn có làm bài thơ, trong đó có hai câu rằng :

“Khê thanh tận thị quảng trường thiết  
Sơn sắc vô phi thanh tịnh thân.”

Tức là nói âm thanh nước chảy, là Phật đang nói pháp, hình thái màu sắc núi non đâu chẳng phải là thanh tịnh pháp thân của Phật.

Không những "khê thanh" là "quảng trường thiết" mà tất cả âm thanh trên thế giới đều là tướng lưỡi

rộng dài của Phật (âm thanh thuyết pháp), do đó : “Nước chảy, gió thổi” đều là diễn nói pháp âm, tất cả hình sắc trên thế giới đều là pháp thân của Phật. Lời vi diệu của Phật là vô thuyết vô bất thuyết. Pháp thân của Phật là vô tại vô bất tại. Diệu âm và diệu sắc này, khi chúng sinh thấy được rồi, thì hiểu rõ tức là giác ngộ, nếu không minh bạch thì bị cảnh giới làm mê hoặc, mà không thể giác ngộ. Cho nên nói giác và không giác chỉ ở tại một niệm.

“Trong vô lượng kiếp diễn diệu pháp.” Từ vô lượng kiếp đến nay, Phật luôn nói diệu pháp, phổ độ chúng sinh. Ngày ngày nói pháp, thời thời nói pháp chẳng gián đoạn. Ban đầu Phật nói Kinh Hoa Nghiêm trong hai mươi một ngày, kế tiếp nói Kinh A Hàm khoảng hai mươi năm. Rồi nói Kinh Phương Đẳng tám năm, và nói Kinh Bát Nhã hai mươi hai năm. Sau nói Kinh Pháp Hoa tám năm, cuối cùng khi nhập Niết bàn nói Kinh Đại Bát Niết Bàn. Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng hơn ba trăm hội, không bao giờ nghỉ ngơi, tinh thần truyền đạo thật là vĩ đại ! Có thể nói trước sau chẳng có ai so sánh được.

“Chỉ dùng một lời diễn nói hết.” Tuy nhiên Phật trong vô lượng kiếp thuyết pháp, nhưng pháp này chỉ dùng một lời nói, thì có thể nói hết. Phật trong vô lượng kiếp nói pháp, đó là quyền xảo phương tiện, khiến cho chúng sinh hiểu rõ Phật pháp. Nếu dùng một lời nói mà nói hết các pháp, thì hầu hết chúng sinh sẽ không hiểu. Phật muốn dùng thật giáo để thuyết pháp, nhưng thật giáo là vô pháp khả thuyết (không có cách chi nói được). Nếu vô pháp khả thuyết thì chúng sinh vô pháp khả văn (không cách chi nghe được).

“Dũng mãnh Huệ Thiên thấy môn này.” Vị Dũng Mãnh Huệ Thiên Vương đắc được môn giải thoát này. (còn tiếp)

“Sống với đạo Phật:

- Nếu không nói được những gì Phật nói, hãy im lặng như chánh pháp; đừng nói những lời ác, xuyên tạc, bịa đặt, vu khống, làm tổn hại kẻ khác.
- Nếu không làm được những gì Phật làm, hãy im lặng và lắng nghe, quán sát, học hỏi những thiện tri thức; đừng vọng động làm những điều thương tổn đến người khác”.

Dalai Lama

# Kinh Diệu Pháp Liên Hoa

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng  
Hán dịch: Ngài Cưu Ma La Thập  
Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

**T**rong mười phương cõi Phật  
Chỉ có một thừa pháp.  
Chẳng hai cũng chẳng ba

**Trừ Phật phương tiện nói**

**Chỉ dùng tên giả danh**

**Dẫn dắt các chúng sinh.**

**Nói trí huệ của Phật**

**Chư Phật hiện ra đời**

**Chỉ thật một việc này**

**Nếu hai chẳng phải chân.**

**Quyết chẳng dùng tiểu thừa**

**Tế độ các chúng sinh**

**Phật tự trụ đại thừa**

**Như pháp của mình được.**

**Định huệ lực trang nghiêm**

**Dùng để độ chúng sinh**

**Tự chứng đạo vô thượng**

**Pháp đại thừa bình đẳng.**

**Nếu giáo hóa tiểu thừa**

**Cho đến chỉ một người**

**Thì ta đọa xan tham**

**Việc này không thể có.**

"Trong mười phương cõi Phật, chỉ có một thừa pháp, chẳng hai, cũng chẳng ba, trừ Phật phương tiện nói" : Trong mười tất cả các cõi Phật, Phật vì giáo hóa chúng sinh, mà nói đủ thứ pháp môn phương tiện, cho nên vừa nói tiểu thừa, đại thừa, lại nói Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Bồ Tát thừa. "Chỉ dùng tên giả danh, dẫn dắt các chúng sinh, nói trí huệ của Phật" : Chẳng qua là dùng những tên giả danh này, để khiến cho chúng sinh cũng đắc được trí huệ của Phật.

"Chư Phật hiện ra đời, chỉ thật một việc này" : Chỉ có một việc này là chân thật nhất. "Nếu hai chẳng phải chân" : Nếu như hai hoặc ba thừa nào khác, thì chẳng phải chân, đều là pháp môn quyền xảo

phương tiện. "Quyết chẳng dùng tiểu thừa, tế độ các chúng sinh" : Song, chư Phật tuyệt đối chẳng dùng giáo lý tiểu thừa để giáo hóa, cứu độ chúng sinh. "Phật tự trụ đại thừa, như pháp của mình được" : Phật trụ ở trong pháp đại thừa và pháp Ngài đắc được ở tại Đạo tràng là chân thật. "Định huệ lực trang nghiêm" : Phật dùng sức định huệ, huệ lực để tự trang nghiêm cho mình. Lực là mười thứ trí lực, ở trước đã giải thích rõ. Phật có mười thứ trí huệ, cho nên gọi là định huệ lực trang nghiêm. "Dùng để độ chúng sinh" : Dùng những lực này để giáo hóa chúng sinh, độ thoát chúng sinh. "Tự chứng đạo vô thượng" : Mình đã chứng được đại đạo vô thượng, tức là "pháp đại thừa bình đẳng". "Nếu giáo hóa tiểu thừa, cho dù chỉ một người, thì ta đọa xan tham, việc này chẳng thể có" : Phật nói : Nếu ta không dùng pháp đại thừa giáo hóa chúng sinh, chỉ nói pháp tiểu thừa dù đối với một người, giấu pháp lớn mà nói pháp nhỏ, tức là rơi vào tâm tham, keo kiệt pháp, việc này tuyệt đối không thể có.

**Nếu người tin quy Phật**

**Như Lai chẳng dối gạt.**

**Cũng không tham ghen ghét**

**Dứt ác trong các pháp**

**Nên Phật trong mười phương**

**Chẳng có gì sợ hãi.**

**Ta dùng tướng nghiêm thân**

**Quang minh chiếu thế gian**

**Vô lượng chúng tôn kính**

**Vì nói ẩn thật tướng.**

**Xá Lợi Phất nên biết !**

**Ta vốn lập thế nguyện**

**Muốn khiến tất cả chúng**

**Đồng như ta không khác.**

**Nguyện xưa kia của ta**

**Nay đã đầy đủ rồi**

**Độ tất cả chúng sinh**

## Đều khiển vào Phật đạo.

Nếu như có người tin Phật pháp, quy y Phật đạo, thì Như Lai quyết chẳng dối gạt, cũng chẳng có ý tham lam đồ kị. "Dứt ác trong ác pháp" : Mục đích học Phật pháp, là muốn thấu sự rõ lý, minh bạch nhân quả, thực hành những gì Phật thực hành, giác ngộ những gì Phật giác ngộ. Đối với pháp lành, thì phải nghe theo hành theo, mới có thể trừ khử bớt, tập khí xấu tham sân si từng chút từng chút, tức là dứt ác trong các pháp. Tại sao có người ngu si ? Vì thấy người có trí huệ thì sinh tâm đồ kị, cho nên đời này ngu si. Đồng lý ấy, đời này thông minh có trí huệ, là vì đời trước không những chẳng đồ kị với người khác, ngược lại sinh ra tâm tùy hỷ ca ngợi người khác. Người chân chánh tu đạo, thì không sợ người khác giỏi hơn mình, mà mong muốn mọi người đều hơn mình, mọi người đều thành Phật, sau đó mình mới thành Phật. Bạn hãy xem, ôm áp chí khí này ở trong lòng thật là vĩ đại. Bồ Tát Địa Tạng Vương pháp nguyện :

"Địa ngục chưa trống không,  
Thế không thành Phật.  
Chúng sinh độ hết  
Mới chúng bồ đề".

Chúng sinh ở trong địa ngục, ác tập khí quá nặng, khó điều khó phục, luân hồi ở trong sáu nẻo, nhưng Bồ Tát chẳng than mệt nhọc, luôn luôn cứu độ, khiến cho họ sớm được giải thoát.

Có người hỏi, có thể nào cùng năm tháng ngày giờ, đều độ hết chúng sinh trong sáu nẻo thành Phật chẳng ? Không, không thể được, chỉ có thân người mới có thể thành Phật đặng, nguyện lực này mới viên mãn. Còn năm nẻo kia là trời, A Tu La, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, nếu muốn thành Phật thì trước hết phải làm thân người, chứ không thể ở trong năm nẻo kia mà thành Phật đặng. Trong lời nguyện của Bồ Tát Địa Tạng phát ra là trước hết độ tất cả chúng sinh ác liệt nhất, cho nên đời ác năm trước, thế vào trước để cứu độ tất cả chúng sinh tội khổ đọa lạc trong ba đường ác.

Đức Phật chánh đại quang minh, cho nên được người thế gian trong mười phương tôn kính, mà chẳng có gì sợ hãi. Con người vì hoặc nghiệp chưa hết, suốt ngày điên đảo mộng tượng, tâm nhiều quái ngại, thậm chí đêm ngủ cũng chẳng yên. Phật đặc được trí huệ cứu kính, đủ đại dũng mãnh, tinh thần đại vô úy, chẳng sợ cứu độ những chúng sinh cang cường, thường làm thuyền độ người trong biển khổ. Vì chẳng có gì sợ hãi, nên đặc được quang minh chánh trực. Chánh cũng có nghĩa là

trung đạo, chẳng lệch bên phải, chẳng lệch bên trái, chẳng nhiều cũng chẳng ít. Trung đạo thì chẳng có hình tướng, luôn luôn xử sự hợp với trung đạo, đó tức là diệu đạo, cho nên Phật hay dùng vô sở úy, để khiến chúng sinh thích nghe Phật pháp.

Phật nói pháp thiện xảo phương tiện, làm hài lòng tâm của đại chúng. Song, tại sao ở trong hội Pháp Hoa, còn có năm ngàn người lui về ? Thật ra chẳng phải họ không muốn nghe, mà vì nghiệp chướng của họ quá sâu nặng, đức hạnh chẳng đủ, cho nên chiêu lại ma lực ở trong thân, khiến cho họ lui khỏi pháp hội.

Phật dùng tướng tốt trang nghiêm thân, trí huệ quang minh chiếu khắp thế gian, là bậc tôn kính ngưỡng mộ của vô lượng chúng sinh, hiện tại là nói pháp thật tướng. "Ẩn thật tướng" là chánh pháp ẩn thật tướng, tức cũng là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

"Xá Lợi Phất nên biết, ta vốn lập đại thế nguyện, muốn khiến cho tất cả chúng sinh đồng như Phật, Thế Tôn không khác". Như ta đã pháp thế nguyện xưa kia, nay đã mãn nguyện được thành Phật đạo và khéo dẫn dụ tất cả chúng sinh si mê, đều khiến cho họ nhập vào trong chánh đạo của Phật.

Nếu ta gặp chúng sinh  
Dùng Phật đạo dạy hết  
Kẻ vô trí lầm lẫn  
Mê hoặc chẳng nghe lời.

"Ta" ở đây là chỉ bản thân của Phật. Phật có tám đại tự tại ngã (ta).

**Tự tại ngã thứ nhất là :** Dùng một thân mà ứng vô lượng thân, để độ thoát chúng sinh.

**Thứ hai là :** Dùng một thân đầy khắp đại thiên thế giới, sao lại có thể dùng một thân mà đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới ? Vì tự tại.

**Thứ ba là :** Thân Phật có thể khinh cử viển đạo. "Khinh cử" tức là nhẹ như khí cầu, một chút trọng lượng cũng chẳng có, có thể tùy ý bay nổi, đó gọi là khinh cử. "Khinh cử viển đạo", nghĩa là thân thông của Phật tự tại diệu dụng.

**Thứ tư là :** Phật có thể ở trong cùng một cõi nước, mà hiện đủ thứ thân hình.

**Thứ năm là :** Sáu căn dụng với nhau, như mắt có thể ăn được vật ăn, tai có thể nói. Tóm lại, mỗi một căn đầy đủ năng lực của năm căn kia.

**Thứ sáu là :** Đặc các pháp tướng vào vô pháp tướng. Tuy chúng đặc các pháp tướng vào vô pháp. Tuy chúng đặc tất cả các pháp, mà chẳng

có các pháp tướng, pháp cũng không.

**Thứ bảy là :** Diễn nói kệ tụng, vĩnh viễn chẳng dùng cảnh.

**Thứ tám là :** Thân đầy các nơi, khắp mười phương cõi, chẳng có nơi nào mà không có. Pháp giới làm thể, hư không làm dụng. Hư không vô tướng mà vô sở bất tướng. Chúng ta đều sống ở trong pháp thân của Phật. Chúng sinh sống ở trong pháp thân, cũng giống như sống ở trong gió, nhưng bản thân người chẳng biết gió ra làm sao. Đồng lý ấy, chúng ta tuy sống ở trong pháp thân của Phật mà chẳng biết Phật là thể nào. Do đó :

"Chẳng biết mặt mũi thật núi Lư Sơn,  
Chỉ nương thân ở trên núi ấy."

Núi Lư Sơn là danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Trung Quốc, nếu ở tại núi Lư Sơn thì tự nhiên chẳng thấy được mặt mũi thật của núi Lư Sơn, chỉ ở ngoài núi mới trông thấy được. Thế thì làm sao thấy được pháp thân của Phật ? Chẳng có cách nào khác, chỉ cần siêng tu Phật đạo, thành tựu quả vị Phật, với Phật không hai, không khác, thì tự nhiên ngộ được ý bên trong.

Phật dùng tám đại tự tại ngã này, toại tâm như ý giáo hóa chúng sinh, giáo hóa hết Phật đạo. Song, người chẳng rõ thị phi, chẳng phân trắng đen, vô trí lầm lẫn, cho nên hoặc chẳng nghe lời. Nếu người luôn luôn tự mình kiểm thảo, hồi quang phản chiếu, thì giống như ở trước gương soi, sẽ chiếu rõ ràng mặt mũi của mình. Nếu tâm thường từ bi, đồng thể đại bi, thì kiếp trước đã từng tu thiện dứt làm ác, chẳng tạo nghiệp giết hại. Nếu người tâm sân hận quá nặng, giết hại nhiều sinh linh, thì đời này nóng giận bạo phát, hòa khí rất lớn. Do đó, có thể suy ra :

"Muốn biết nhân trông trong quá khứ,  
Hãy xem mình đang hưởng thụ đời này;  
Muốn biết quả sẽ thọ trong tương lai,  
Hãy xem mình đang làm gì trong đời này."

Xưa kia, có người từng hỏi tôi :

- "Người sẽ đọa làm súc sinh chẳng ?"

- Tôi đáp : "Bạn làm việc súc sinh tức là súc sinh, làm việc người tức là người, làm việc quỷ tức là quỷ. Nếu thọ Bồ Tát giới hành Bồ Tát đạo, tức là Bồ Tát ban đầu phát tâm, làm việc Phật tức là Phật. Tóm lại, mười pháp giới chẳng lìa một tâm niệm, vạn pháp do tâm tạo ra."

Hiện tại đại chúng thường đến pháp hội này nghe Kinh, đều do kiếp trước đã từng gieo trồng căn lành, niềm tin chẳng thối lùi, cho nên đời này mới gặp được pháp duyên này.

**Ta biết chúng sinh đó  
Chưa từng tu gốc lành  
Chấp cứng nơi năm dục  
Vì si ái sinh phiền.  
Do nhân duyên ác dục  
Đọa vào ba đường ác  
Luân hồi trong sáu nẻo  
Chịu đủ các khổ độc.  
Thọ thai hình hài nhỏ  
Đòi đòi thường lớn dần  
Người đức mỏng phước ít  
Bị các khổ bức bách.  
Vào rừng rậm tà kiến  
Chấp có hoặc chấp không  
Nương tựa các kiến này  
Đầy đủ sáu mươi hai.  
Chấp sâu pháp hư vọng  
Giữ chặt chẳng bỏ được  
Ngã mạn tự khoe cao  
Dua nịnh tâm chẳng thật.  
Trong ngàn vạn ức kiếp  
Chẳng nghe danh hiệu Phật  
Cũng chẳng nghe chánh pháp  
Người như thế khó độ.**

Ta biết những chúng sinh mê hoặc này, chưa từng tu học gốc lành đại thừa, lại tham chấp vào cảnh : Sắc, thanh, hương, vị, xúc, năm dục, tức : tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn và ngủ. Do đó, đọa địa ngục. Ví như :

1. Người tham tiền tài : Bất chấp mọi thủ đoạn để kiếm tiền bạc, chẳng cứ nhân nghĩa đạo đức, cũng chẳng màng nguồn gốc tiền bạc có chánh đáng chẳng, suốt ngày tâm vì tiền bạc sai khiến, trông xuống hạt giống địa ngục.

2. Sắc : Sắc đẹp là nhân luân hồi của chúng sinh, bất cứ nam nữ, một khi gặp nhau thì ý niệm đầu tiên là, muốn nhìn xem thử đối phương có xinh đẹp chẳng ? Cứ khởi vọng tưởng, sự suy nghĩ này chẳng chân thật, cho nên có luân chuyển.

3. Danh lợi : Con người thường bị danh lợi trói buộc, do đó thích tự mình tuyên truyền, ở trên tấm thiệp nhỏ in đầy ra, nào là giám đốc công ty



nào đó, chủ tịch gì đó..., đó phải chăng là vì háo danh.

4. Ăn : Có người chẳng thích tiền tài, chẳng háo sắc, cũng chẳng tham danh lợi mà thích ăn !

5. Ngủ : Có những người chẳng tham mấy thứ ở trên mà chỉ thích ngủ ! Ngủ nhiều thì đầu não hôm mê.

Ở tại Hương Cảng, Đài Loan thường nghe bệnh ngủ chết phát sinh, vì người quá tham ngủ, ngủ chết rồi cảm thấy sung sướng, cho rằng đó là sự ra đi an nhàn, chẳng chịu đựng cảnh chết đau đớn. Tóm lại, năm thứ đục lạc này là địa ngục năm căn, khiến cho chúng sinh trầm luân sâu thẳm ở trong sáu nẻo luân hồi. Do đó, học Phật tu đạo là khiến cho con người dứt làm ác mà làm điều lành, bỏ tà quy chánh, chấm dứt sinh tử, chẳng còn luân hồi.

"Vi si ái sinh phiền" : Vì quá chấp trước năm dục, ngu si luyến ái, chẳng xả bỏ được, cho nên sinh đủ thứ phiền não. Tham những ái dục nghiệp ác này đều là nhân duyên của ba đường ác, nghiệp quả vay trả, như bánh xe lăn, lưu chuyển trong sáu nẻo, đó gọi là sáu nẻo luân hồi. Chúng sinh luân hồi trong sáu cõi, chịu đủ các khổ độc, thọ bào thai hình hài nhỏ, ra thai bỏ vào bụng ngựa, khi thì họ Trương, khi thì họ Lý, luân chuyển trong lục đạo. Người hạ liệt đức mỏng phước ít, thường bị các khổ bức bách. Khổ có ba thứ khổ, tám thứ khổ và vô lượng thứ khổ.

"Vào rừng rậm tà kiến" : Tức là kiến trực. "Hoặc chấp có chấp không" : Chấp có tức là chấp thường, chấp không tức là chấp đoạn, đủ các thứ tà kiến. "Nương tựa các kiến này" : Nương vào có, không, hai thứ kiến (thấy) bất chánh, thành sáu mươi hai kiến. Năm kiến là : thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến.

"Đầy đủ sáu mươi hai" : Phạm phu và các ngoại đạo, nơi cảnh năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) khởi bốn thứ kiến ; hoặc là sắc lớn ngã nhỏ, ngã ở trong sắc ; hoặc là sắc nhỏ ngã lớn, sắc ở trong ngã ; hoặc là sắc tức là ngã ; hoặc là lìa sắc là ngã. Đó là về sắc ấm, còn bốn ấm kia, thọ tưởng hành thức, mỗi ấm cũng khởi bốn thứ kiến, cộng thành hai mươi thứ kiến. Quá khứ, hiện tại và vị lai, mỗi thứ có hai mươi thứ kiến, cộng thành sáu mươi thứ kiến và kể cả thường kiến và đoạn kiến (chấp không chấp có) cộng thành sáu mươi hai thứ tà kiến.

"Ngã mạn tự khoe cao" : Khoe khoang kiêu ngạo, trọng mình khinh người. "Dua nịnh tâm chẳng

thật" : Dua nịnh tức là a dua theo người có quyền có thế, chẳng ngay thẳng, chẳng thật thà. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói :

"Nhân mà không thật thì quả quanh co".

Nếu tại nhân địa mà chấp chặt vào pháp hư vọng, ngã mạn tự khoe cao, dua nịnh chẳng thật, nhân địa chẳng thật, cho nên ngàn vạn ức kiếp, chẳng nghe được danh hiệu của Phật, cũng chẳng đắc được chánh pháp của Phật, người như thế chẳng có duyên, khó mà độ thoát được.

Tại San Francisco, mỗi buổi tối người đến tham gia pháp hội này, thật là lông phụng sừng lân, tình hình này giống như có một lần Đức Phật cầm lên một ít đất hỏi Ngài A Nan : "Con xem đất trong tay của ta nhiều, hay đất ngoài đại địa nhiều ?" Ngài A Nan đáp : "Đương nhiên đất ngoài đại địa nhiều, đất trong bàn tay của Như Lai ít." Phật lại nói : "Được thân người như đất trong lòng bàn tay, mất đi thân người như đất ngoài đại địa." Nếu thân người mất đi thì vạn kiếp khó được lại, đời sau chẳng làm nạ quý thì làm súc sinh hoặc đọa vào địa ngục. Do đó, có thể thấy, vào thời mạt pháp, người đến đây học Phật nghe Kinh, hiếm có như vàng thật, còn những người chẳng nghe danh hiệu Phật, chẳng học Phật như đất, khắp nơi đều có.

Trung Quốc có một vị Phật sống Chùa Kim Sơn, bất cứ vị pháp sư nào giảng Kinh thuyết pháp, Ngài cũng đều đánh lễ trước rồi quỳ xuống nghe, chấp tay im lặng, cung kính phi thường, thật là có tâm thành. Vì sao Ngài được xưng là Phật sống ? Nguyên nhân là Ngài từ đỉnh tháp Kim Sơn nhảy xuống mà vẫn an nhiên chẳng hề gì, và Ngài hay dùng "thuốc Ba La Mật" chữa trị các chứng bệnh nan y. "Thuốc Ba La Mật" là vật gì ? Tức là nước rửa chân của Phật sống Kim Sơn ! Nếu ai cầu chữa bệnh, thì Ngài lấy nước rửa chân rồi thêm vào một chút tro, cho bệnh nhân uống. Nói ra cũng lạ thật, nước rửa chân lại có thể công hiệu, phát sinh ra chất thuốc chữa lành các chứng bệnh. Cho nên ai ai cũng gọi Ngài là Phật sống Kim Sơn.

Người như Phật sống Chùa Kim Sơn căn lành sâu dày, vào thời đại mạt pháp thật là hiếm có. Tương lai khi Phật pháp phải diệt, thì tất cả Kinh điển sẽ biến thành giấy trắng. Trong các Kinh điển thì Kinh Lăng Nghiêm mất trước nhất, cho nên tôi đến nước tây phương hoằng dương Phật pháp, thì trước hết đề xướng Kinh Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm là bộ Kinh khai mở trí huệ,

đạo lý thâm áo vi diệu, siêu hơn khoa học và triết học hiện nay. Kinh Lăng Nghiêm có thể sánh là Đổng Luân Vương. Ngân Luân Vương là Kinh Pháp Hoa, Vua trong các Kinh. Kinh Hoa Nghiêm có thể ví là Kim Luân Vương. Đức Phật sau khi thành đạo dưới cội bồ đề, hai mươi một ngày đầu tiên giảng Kinh Hoa Nghiêm, nhưng Phật dùng pháp thân diễn nói tại bảy nơi chín hội, ngoài Bồ Tát ra, người nhị thừa chẳng nghe được, cũng chẳng thấy được, do đó :

"Có mắt chẳng thấy Lô Xá Na,  
Có tai chẳng nghe pháp viên đốn."

Bộ Kinh Hoa Nghiêm này, sau đó bị Long Vương thỉnh vào Long cung, nhân gian từ đó mất đi bộ Kinh này, cho đến đời tổ thứ mười bốn Bồ Tát Long Thọ, cảm thấy trên thế gian chẳng có gì để học, mới dùng thần thông đi xuống Long cung. Ngài xem thấy ba bộ Kinh Hoa Nghiêm là : Thượng, trung, và hạ. Quyền thượng số phẩm nhiều như hạt bụi trong bốn thiên hạ, quyền trung có bốn mươi chín vạn tám ngàn tám trăm bài kệ, một ngàn hai trăm phẩm. Quyền hạ có mười ngàn bài kệ, bốn mươi tám phẩm. Vì quyền thượng và quyền trung quá dài, người thế gian chẳng lãnh thọ được, cho nên Bồ Tát Long Thọ chỉ dùng trí nhớ thuộc lòng quyền hạ, trở về nhân gian rồi dùng bút chép ra hết toàn quyền Kinh. Cho nên, hiện nay có được bộ Kinh Hoa Nghiêm là nhờ ân đức của Bồ Tát Long Thọ để lại cho đời sau. Nếu Chúng ta hiểu rõ ba bộ Kinh này (Hoa Nghiêm, Lăng Nghiêm và Pháp Hoa) thì tất cả các Kinh khác càng dễ minh bạch hơn.

(còn tiếp)

## Phật Pháp khó nghe

Đức Phật thuật lại câu chuyện: “Một hôm đức Thế Tôn ngụ tại tịnh xá Kỳ Hoàn, có năm ông đến xin Phật giảng pháp, đức Phật hoan hỷ ân cần giảng cho họ nghe. Khi đức Phật thuyết pháp thì năm người này ngồi nghe pháp một cách lơ đãng. Một ông thì ngủ gục tới gục lui, một ông thì lấy tay gõ hoài trên mặt đất, một ông thì cứ loay hoay mãi một nhánh cây khô, còn một ông thì ngó nhìn lung tung trời, mây, rừng, núi. Chỉ có một ông ngồi nghe pháp chăm chú mà thôi.

Tôn giả A nan đứng quạt hầu bên Phật ngạc nhiên về những cử chỉ của năm ông khách xin nghe pháp, nên khi họ vừa ra về Ngài liền bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn, thời pháp của Thế Tôn thuyết như sấm rền vang trong không trung mà chỉ có một người chăm chú nghe mà thôi, còn mấy ông kia thì lơ đãng. Bạch đức Thế Tôn, tại sao vậy?

- Này A nan, bộ ông tưởng giáo lý của Ta dễ nghe lắm sao?

- Bạch đức Thế Tôn, chẳng lẽ Thế Tôn cho nó là khó nghe.

- Đúng thế.

- Bạch Thế Tôn, tại sao?

- Này A nan, những người này trong vòng luân hồi đã trải qua nhiều kiếp chưa từng nghe đến tên Tam Bảo, huống là những pháp vô nhị của Ta. Cho nên bây giờ họ không thể thâm nhập giáo pháp của Ta được, cuộc đời của họ ra vào sinh tử luân hồi vô tận. Họ từng nghe tiếng nói của súc sanh, của lòng tham, sân, si, của lòng tật đố ganh tỵ ngã mạn, cống cao, của lòng tham danh hiếu lợi. Hơn nữa họ còn tiêu phí gần hết thời gian kiếp sống trong việc ăn uống, ngủ nghỉ, vui chơi ca hát, bài bạc, rượu chè, hút xách. Vì thế họ còn đâu tâm chí để nghe lời dạy của Ta”.

Đó chính là nguyên nhân Phật pháp khó nghe. Bằng chứng quý thầy hãy nhìn con người trong thế gian này, quý thầy phải hiểu rõ.

Bởi vậy được thân người là khó,  
Nghe được pháp còn khó hơn.

### thức tỉnh

Hè qua thu đến  
Vạn vật đổi thay  
Con người cũng thế  
Hết trẻ rồi già.

Hãy mau thức tỉnh  
Niệm Phật tu thiền  
Làm nhiều việc lành  
Bớt làm điều ác.

Giúp đỡ mọi người  
Tích lũy căn lành  
An vui đời này  
Hưởng phước đời sau...

hăng lý

# Chú Lăng Nghiêm

## giảng giải

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng  
Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

### 128. Tát bà xá đô lô.

Kệ :

Nhất thiết thiện pháp diệt chư ác  
Điều hỉ như Ý cứu trầm kha  
Khu trừ bất tường đắc an lạc  
Đại tai linh văn chân già đà.

Tạm dịch :

Tất cả pháp lành diệt các ác  
Vui vẻ như ý cứu trầm kha  
Xua đuổi xấu uế được an lạc  
Lành thay linh văn thật thuốc hay.

Giảng giải : “Tất cả pháp lành diệt các ác.” Tát Bà dịch là "diệt tất cả các ác", cho nên sinh tất cả thiện. Pháp lành mới diệt được các ác. Bạn niệm câu Chú này thì tất cả đều sẽ cát tường. Cho nên nói : “Vui vẻ như ý cứu trầm kha.” Bệnh gì cũng đều có thể trị lành.

“Xua đuổi xấu uế được an lạc.” Những việc gì không tốt đều đuổi đi hết.

“Lành thay linh văn thật thuốc hay.” Oai lực của Chú lớn vô cùng, bất cứ bệnh gì cũng đều chữa khỏi, thật là “Điều dược hồi xuân.”

### 129. Nễ bà la nhã xà.

Kệ :

Kim Cang thủ chủ trị oán ma  
Não hại chúng sinh tức bộ tróc  
Hoả độc lưu chú truyền nhiễm bệnh  
Thọ trì độc tụng tử giả hoạt.

Tạm dịch :

Kim Cang thủ lãnh trị oán ma  
Não hại chúng sinh đều bắt hết

Lửa độc bệnh truyền nhiễm lan tràn  
Thọ trì độc tụng chết sống lại.

Giảng giải : Nễ Bà La dịch là "Kim Cang thủ chủ", tức là Kim Cang thủ lãnh. Vị ấy thượng thủ trong Kim Cang. Bất cứ ma quỷ hại người có oán có oan, Ngài đều có thể trị khỏi.

“Não hại chúng sinh đều bắt hết.” Bất cứ ma quỷ làm hại chúng sinh thì đều bị Kim Cang thủ lãnh bắt đi.

“Lửa độc bệnh truyền nhiễm lan tràn.” Tất cả lửa độc hoặc tất cả bệnh truyền nhiễm lan tràn, tất cả bệnh nan y,

“Thọ trì độc tụng chết sống lại.” Nếu thường thọ trì pháp Chú Lăng Nghiêm thì đáng chết cũng sẽ sống lại. Cho nên nói :

“Phần nộ sinh hoan hỷ,  
Kẻ chết biến thành sống,  
Nếu nói đây là hư,  
Chư Phật không nói dối.”

Đối với Chú phải có tín tâm, không sinh tâm hoài nghi, thì sẽ đắc được cảm ứng.

Mục đích tu đạo là thành Phật, cho nên vì vô thượng đạo, "ngàn ma không đổi vạn ma không lùi". Do đó mà Bồ Tát có thể thành Phật, song, còn ở lại giúp chúng ta dụng công tu hành, không thủ chánh giác. Nguyên lực này với tâm tư chúng ta khác biệt một trời một vực. Chúng sinh chỉ biết nghĩ chính mình, lợi ích chính mình, mà không biết nghĩ đến người khác, không biết lợi ích kẻ khác. Tư tưởng của Bồ Tát và chúng ta đều trái ngược. Ai ai cũng không muốn thiệt thòi, không muốn lợi ích kẻ khác. Bồ Tát thì muốn thiệt thòi, muốn lợi ích kẻ khác. Ai nguyện sớm thành Phật, thì Bồ Tát đều nguyện ý nhường cơ hội cho họ thành Phật. Nguyên lực, tư tưởng, hành vi như thế khác với chúng ta nhiều lắm. Chúng ta nên

sinh tâm hồ thẹn. Chúng ta nhất cử nhất động đều vì lợi ích chính mình, cho nên làm những gì cũng đều ích kỷ lợi mình. Bồ Tát vì chúng sinh mà không thủ chánh giác, thật không hổ là bậc Đại Sĩ. Đây thật là quan trọng vô cùng, chúng ta hãy học theo mô phạm của Bồ Tát.

### 130. Hộ lam đột tát pháp.

Kệ :

Chúng ái trừ diệt chúng tử khổ  
Thiên thần khí tượng yên tĩnh từng  
Hộ vệ thiện giả tăng phước huệ  
Hàng phục bệnh ma hoạch an ninh.

Tạm dịch :

Các ái trừ diệt chúng tử khổ  
Thiên thần khí tượng yên lặng theo  
Hộ vệ người lành tăng phước huệ  
Hàng phục bệnh ma được an ninh.

Giải thích : Hộ Lam dịch là "kính ái", lại dịch là "tát pháp". Đột Tát Pháp dịch là "thiên thần khí tượng", cũng là bảo tượng. Tức là phía trước thiên thần rất trang nghiêm, nghi tượng rất yên tĩnh. Cho nên nói : " Các ái trừ diệt chúng tử khổ." Hộ Lam Đột Tát Pháp hay trừ chúng tử khổ. Thiên thần ái hộ tất cả chúng sinh cho đến tử khổ cũng trừ cho sạch, đủ thấy oai lực lớn cỡ nào.

"Thiên thần khí tượng yên lặng theo." Phía trước thiên thần oai nghiêm cầm cờ sí, tràng phan, bảo tượng, kêu người đừng nói rầm rì. Thiên binh thiên tướng đều cung kính không thể rầm rì, không thể không giữ quy cụ.

"Hộ vệ người lành tăng phước huệ." Bảo hộ người hiền lành khiến cho họ tăng phước huệ.

"Hàng phục bệnh ma được an ninh." Khiến cho tất cả bệnh đều khỏi, để họ đắc được bình an khoái lạc.

### 131. Nan giá na xá ni.

Kệ :

Thủy thần danh tự diệu vô cùng  
Nhâm quý tậ dịch tẩu kỳ công  
Năng trừ sinh lão bệnh tử nạn  
Nhất thiết tai ương hoá vi trần.

Tạm dịch :

Tên của Thủy Thần diệu vô cùng

Nhâm quý tậ dịch tẩu kỳ công  
Hay trừ nạn sinh già bệnh chết  
Tất cả tai ương hóa thành bụi.

Giải thích : Đây là tên của Thủy Thần. " Danh tự Thủy Thần diệu vô cùng." Bạn niệm tên của Thủy Thần thì sự việc rất áo diệu sẽ hiện ra. Việc gì ?

"Nhâm quý tậ dịch tẩu kỳ công," thủy độ (nước độ), bệnh về nước đều được giải trừ.

"Hay trừ nạn sinh già bệnh chết." Nạn sinh già bệnh chết đều có thể giải trừ.

"Tất cả tai ương hóa thành bụi." Bất cứ tai nạn gì cũng đều hóa giải được, giống như tán thành bụi.

Hiện tại giảng oai lực của Chú, chỉ giảng sơ sơ chút ít, nếu giảng tỉ mỉ thì ý nghĩa mỗi câu Chú, vô cùng vô tận, không dễ gì giải thích hết được. Tôi chỉ giải thích chút ít mà thôi, khiến cho mọi người biết ý nghĩa đại khái. Nếu cung hành thực tiễn, thọ trì đọc tụng, thì chỗ diệu dụng nói không hết được. Thọ trì Chú Lăng Nghiêm giúp cho thế giới bớt đi tai nạn trong vô hình. Như nạn nước, nạn lửa, nạn gió, nạn động đất .v.v... đủ thứ tai nạn. Thọ trì Chú Lăng Nghiêm đừng chỉ vì mình, phải vì toàn thế giới, khiến cho tai nạn tiêu trừ, lớn hóa nhỏ, nhỏ hóa không.

Từ năm 1968, nước Mỹ, các nhà tiên tri, nhà địa chất, nhà khoa học, nhà thiên văn học, đều nói Cựu Kim Sơn (San Francisco) sẽ động đất. Lúc đó, tuy nói thật sẽ động đất, cũng chưa nghiêm trọng như hiện nay. Hiện nay thật là phải động đất, nhưng không phải không thể vẫn hồi được, mọi người nếu thành tâm thành ý tụng Chú Đại Bi, Chú Lăng Nghiêm thì tai nạn sẽ giảm nhẹ, lớn hóa nhỏ, nhỏ hóa không. Chúng ta cầu nguyện thế cho nhân loại thế giới, giảm bớt nghiệp báo của chúng sinh. Từ bây giờ bắt đầu, mỗi ngày niệm Chú Đại Bi, hoặc niệm Chú Lăng Nghiêm. Chuyên nhất thì linh, đem tâm thành chân chánh vì nhân loại thế giới mà kỳ đảo thì có thể tai kiếp sẽ hóa không trong vô hình, đó là trợ giúp thế giới, lợi ích chúng sinh. Đó là hành Bồ Tát đạo. Chúng ta nhất cử nhất động đều phải vì lợi ích kẻ khác, hãy quên mình, đừng sợ mình thiệt thòi, phải tôn tâm Bồ Tát để giáo hóa chúng sinh.

### 132. Bí sa xá.

Kệ :

Hư không diệu dược trị ôn ma  
Phong hàn thử thấp táo hỏa a  
Thời khí lưu hành chuyên nhiễm bệnh  
Trì Chú tiêu trừ Ta Bà Ha.

Tạm dịch :

Hư không thuốc hay trị ôn ma  
Bệnh phong hàn nắng ứot khô lửa  
Thời khí lưu hành truyền nhiễm bệnh  
Trì Chú tiêu trừ Ta Bà Ha.

Giải thích : Bí Sa Xá dịch là "hư không" hoặc dịch là "diệu dược" (thuốc hay), trị được bệnh ôn dịch. Thứ bệnh ôn dịch truyền nhiễm rất mau. Câu Chú này là "trị bệnh ôn dịch". Cho nên nói : "Hư không thuốc hay trị ôn ma." Bệnh ôn dịch lưu hành thì đều có một thứ ma quỷ.

"Bệnh phong hàn nắng ứot khô lửa." Bệnh có nội nhân bệnh và ngoại nhân bệnh. Ngoại nhân bệnh là : Phong, hàn, nắng, ứot, khô, lửa là sáu nguyên nhân gây ra bệnh. Phong, hàn, nhiệt, ứot, quá khô đều sinh bệnh. Ứot thuộc về bệnh nước. Lửa quá thịnh cũng sinh bệnh. Đó là những nguyên nhân bên ngoài đưa đến bệnh hoạn.

"Thời khí lưu hành truyền nhiễm bệnh." Phàm là có bệnh đều có ma quỷ. Bệnh ôn dịch chẳng phải có thường, bệnh ôn dịch mà lưu hành thì có rất nhiều ma quỷ.

"Trì Chú tiêu trừ Ta Bà Ha." Nếu bạn trì tụng câu Chú này thì sẽ tiêu trừ tai nạn này mà đắc được cát tường. Trì chú phải thành tâm đừng khởi vọng tưởng, mới có cảm ứng.

(còn tiếp)

## Giáo huấn của các vị Tổ tịnh độ

Thuở xưa, đức Thích Tôn nói kinh Vô lượng thọ tại núi Kỳ xà quật, nói kinh Quán vô lượng thọ tại thành Vương xá và nói kinh A di đà tại vườn Kỳ Thọ Cấp cô độc, đều nhằm chỉ bày nhân quả của cõi Tịnh độ A di đà, nói rõ pháp môn Vãng sanh Tây phương. Nền tảng của Tịnh độ tông do đây được định hình.

Cõi Tịnh độ không có các khổ, hoàn toàn chỉ có sự an lạc, luôn chỉ dạy người xả bỏ tư tưởng nhơ uế, cầu sự thanh tịnh; muôn chim, cỏ hoa, ao hồ,

vườn nhà đều bằng bảy báu an lạc; ở đây ai cũng vui thích chứng đạo xuất thế. Với lòng từ bi, trí tuệ thiên hảo, đức Phật chỉ dạy pháp môn trì danh hiệu Phật. Pháp môn ấy thật là vi diệu đặc biệt, công đức của nó không thể nghĩ bàn.

## ĐẠI SƯ HUỆ VIÊN Tổ Liên tông thứ nhất - đời Tấn

Sư nói: "Thế nào là niệm Phật tam muội? Niệm Phật tam muội là ý chuyên nhất, tướng vắng lặng. Ý chuyên nhất thì tâm không tán loạn, tướng vắng lặng thì thần sáng, khí nhẹ. Khí nhẹ thì thân tâm khinh an, thần sáng thì không gì không thấu triệt. Đây chính là diệu dụng tự nhiên của định-tuệ hợp nhất."

Đối với chỗ chính yếu trong sự tu tập, sư dạy: "Người phụng hành pháp của bậc hiền Thánh, nên tư duy cho hợp với lẽ phải. Luôn nghĩ thời gian qua mau mà lo tích tụ các công đức, thường phải tẩy rửa thân tâm cho được thanh tịnh, ngày đêm chuyên cần, thậm chí quên cả ngủ nghỉ; có vậy công đức mới được viên dung, thông suốt ba thừa, vượt qua tất cả, có khả năng dẫn dắt kẻ yếu đuối tinh tấn tu tập, làm chỗ nương cho người đời sau."

## ĐẠI SƯ THIỆN ĐẠO Tổ Liên tông thứ hai - đời Đường

Trong Di tông nói rằng: "Bậc Đại Thánh từ bi khuyên người chuyên niệm danh hiệu Phật, chính vì việc xưng danh hiệu dễ sanh niệm nhiếp tâm tương tục. Nếu ai có khả năng niệm niệm liên tục thì khi mạng chung mười người vãng sanh hết mười, trăm người vãng sanh hết trăm. Vì sao? Vì chánh niệm không tạp duyên, cùng tương ưng với bốn nguyện của Phật, làm theo lời Phật dạy, không làm trái với lời nguyện của mình. Nếu bỏ chuyên niệm mà theo tạp niệm thì trong trăm người may ra được một, hai người; trong ngàn người thì hy hữu lắm được ba, bốn người vãng sanh ở hạ phẩm."

Lại trong Lâm thủy nhập quán lễ tướng phát nguyện văn có ghi lời phát nguyện của sư như sau: "Đệ tử chúng con là kẻ phàm phu sanh tử, tội chướng sâu dày, luân hồi sáu nẻo, khổ không thể nói, nay gặp bậc tri thức, được nghe danh hiệu và bốn nguyện của đức Phật A di đà, nhất tâm xưng niệm, cầu nguyện vãng sanh, nguyện Phật từ bi tiếp độ, thương xót cứu vớt. Đệ tử chúng con chẳng biết tướng hảo quang minh của thân Phật,

xin Ngài thị hiện cho chúng con được thấy, và xin được thấy đức Quan Âm, Thế Chí, các chúng Bồ tát và tướng vi diệu quang minh trang nghiêm thanh tịnh trong thế giới này.”

Sư đã để lại bài kệ khuyến hóa như sau:

Già nua dần đến  
Tóc bạc, da nhăn  
Đi đứng khó khăn  
Nói năng lẩm cẩm.  
Dù tiền như núi  
Vàng bạc đầy kho  
Cũng khó thoát ra  
Cửa già bệnh chết.  
Kẻ ngu chẳng biết  
Mặc ý hưởng lạc  
Khi chết đến nơi  
Lòng đầy lo sợ.  
Người trí liễu ngộ  
Nỗ lực cần tu  
Tinh niệm nhất tâm  
A di đà Phật.

## Mười điều thương Mẹ

Một thương chín tháng cưu mang  
Hai thương chuyên dạ gian nan khôn lường  
Ba thương dãi nắng dầm sương  
Bốn thương hôm sớm tảo tần nuôi con  
Năm thương mẹ lo vun tròn  
Sáu thương mẹ dạy các con mọi điều  
Bảy thương mẹ muốn con yêu  
Tám thương con phạm sai lầm  
Chín thương tình mẹ biển trời  
Mười thương mẹ sống trọn đời vì con.

giới thì đó là nghiệp làm người. Nếu chuyên tu mười điều thiện thì đó là nghiệp làm trời. Nếu chúng ngộ Nhân không thì đó là nghiệp Thanh Văn. Nếu thấu triết lý duyên sanh thì đó là nghiệp Duyên Giác. Nếu chuyên tu sáu độ thì đó là nghiệp Bồ tát. Nếu hành từ tâm bình đẳng thì đó là nghiệp của Phật. Nếu tâm an tĩnh thì hóa sanh cõi tịnh, ở lâu đài cung điện bảy báu, ngời tỏa sen hương thơm ngào ngạt. Nếu tâm nhớ nhiệm thì sanh vào cõi cấu uế, hầm hố gò đồi. Tất cả những kết quả này đều biến chuyển theo nguyên lý duyên sanh tự nhiên bình đẳng. Chính vì ngoài nguồn tự tâm ra, không có một thể nào khác, nên muốn được quả an tịnh thì chỉ có cách tạo nhân thanh tịnh.” (còn tiếp)

## ĐẠI SƯ VĨNH MINH

### Tổ Liên tông thứ sáu - đời Tống

Thiên tịnh tứ liệu giản nói:

Có Thiên, không Tịnh độ  
Mười người, chín người lạc  
Khi âm cảnh hiện ra  
Liên phải đi theo nó.  
Không Thiên, có Tịnh độ  
Vạn người tu đồng thành  
Thấy được đức Di đà  
Lo gì không khai ngộ.  
Có Thiên, có Tịnh độ  
Giống như hổ thêm sừng  
Hiện tại làm thầy người  
Tương lai làm Phật, Tổ.  
Không Thiên, không Tịnh độ  
Đời đời nằm giường sắt  
Kiếp kiếp ôm trụ đồng  
Chẳng có nơi nương tựa.

Lại trong Tứ liệu giản nói: “Xét hai đường luân hồi thiện ác, quả báo khổ vui đều do ba nghiệp gây tạo, bốn duyên sanh ra, sáu nhân thành hình, năm quả thu nhiếp. Nếu khởi một niệm sân hận, tà dâm thì đó là nghiệp địa ngục. Nếu khởi một niệm tham lam không thí xả thì đó là nghiệp ngã quỷ. Nếu khởi một niệm ngu si ám chướng thì đó là nghiệp súc sanh. Nếu khởi một niệm công cao ngã mạn thì đó là nghiệp A tu la. Nếu thọ trì năm

## Mẹ ơi, xin thứ lỗi !

Cám ơn mẹ những gì con được  
Và những gì từ trước vẫn ... chưa  
Bao lần ngân ngại chẳng thừa ...  
Xin mẹ tha lỗi ... từ xưa đến giờ !

Con vẫn nhớ ... tuổi thơ bé dại  
Yêu con nhiều, mẹ phải hy sinh  
Cho con luôn có niềm tin  
Cho con nương tựa, an bình lớn khôn !

Con cũng biết : mẹ luôn tin tưởng  
Cả giấc mơ, cũng hướng về con  
Vì con đời mẹ hao mòn  
Nuôi con khôn lớn vẹn toàn trí nhân !

Con vẫn nhớ bao lần mẹ khóc  
Mẹ buồn rầu, cực nhọc vì con  
Vì con, bạc tóc lưng còng  
Mẹ ơi, tha lỗi ... cho lòng con yên !!!

... Con mong ước mẹ hiền chẳng giận  
Vớ nụ cười, mẹ vẫn thứ tha  
Đời con, mẹ cũng thấy ra :  
Bước con vẫn chọn : thái hòa êm trôi

Con như có mẹ ngồi kế cận  
Những lúc con lận đận gian lao  
... Mẹ ơi, ... nhớ mẹ biết bao  
Công ơn sinh dưỡng, đời nào trả xong ?!

MAMA (IL DIVO) - DH chuyển dịch

# Chú Đại Bi giảng giải

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng  
Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định  
Tiếp theo kỳ trước.

## 31. Địa Lị Ni.

"Địa Lị Ni" cũng là tiếng Phạn, dịch ra có rất nhiều nghĩa. Nghĩa thứ nhất là "thâm dũng", rất có dũng khí, còn có ý nghĩa là "tịch diệt". Thâm dũng là tướng động, còn tịch diệt là tướng tĩnh. Còn có ý nghĩa nữa là "khiết tịnh", ý nghĩa nữa gọi là "giá trị", còn gọi là "tôi khai". Tức là tất cả các điều ác, nghiệp chướng đều phá sạch; giá trị tất cả điều bất thiện, phụng hành tất cả các điều thiện.

Thủ Nhãn này là gì ? Gọi là Câu Thi Thiết Câu Thủ, gọi tắt là Thiết Câu Thủ. Thiết Câu Thủ này hay sai khiến tất cả quỷ thần, câu triệu tất cả quỷ thần. Câu Thi Thiết Câu Thủ còn có thể sai khiến tất cả các quỷ thần, trời rồng đều đến ủng hộ bạn. Bạn tu pháp này thì bạn kêu rồng mưa thì rồng sẽ mưa; kêu nổi gió thì sẽ nổi gió, kêu đừng mưa thì không mưa, kêu không nổi gió thì không nổi gió. Có người nói : "Điều này tôi không tin". Tôi giảng cho bạn nghe, tức cũng là muốn kêu bạn không tin. Tại sao ? Vì tôi kêu bạn không tin, tức là vì điều này.

Hiện tại ở Đài Loan đang mưa, hôm nay có người trở về, bạn có thể hỏi họ thử. Đài Loan lúc này vốn không mưa, nhưng trời lại mưa. Tôi gọi điện thoại đi Đài Loan thì họ nói ngày nào cũng mưa, rất là lạnh.

- Tôi nói : "Bạn có thích nóng chẳng ? Được rồi, thích không mưa thì rất dễ".

- Họ nói : "Làm sao để trời có thể không mưa ?".

- Tôi nói : "Bạn hãy thử xem, tôi có thể kêu trời đừng mưa xuống".

Gọi điện thoại xong thì trời hết mưa, cho nên họ cảm thấy rất là kỳ lạ. Đây là nhờ sức của Câu Thi Thiết Câu thủ. Bạn giờ Câu Thi Thiết Câu Thủ ra nói : "Này Long Vương, không cho phép các ông mưa xuống". Thì rồng chẳng mưa xuống, tuyệt đối tuân lệnh của bạn. Song bạn phải minh bạch Câu Thi Thiết Câu Thủ và thường tu pháp này. Cho nên nếu rồng không tuân lệnh, mà tiếp tục mưa xuống nữa thì bạn có thể dùng Thiết Câu Thủ để móc rồng lại thì rồng chẳng dám mưa xuống.

Các bạn nghe điều này, giống như nói chuyện cười với các bạn. Các bạn nghe là chuyện cười cũng được, nghe là chuyện thật cũng được. Hiện tại tôi giảng Kinh cho các bạn là nói lời thật, đây chẳng phải là nói chuyện tiêu.

## 32. Thất Phật La Gia.

"Thất Phật La Gia" là tiếng Phạn, bạn niệm một tiếng "Thất Phật La Gia" thì trong vũ trụ đều có một luồng điện sáng. Bạn niệm một tiếng "Thất Phật La Gia" thì giống như sét một ánh chớp, phóng một luồng điện sáng. "Thất Phật La Gia" dịch ra nghĩa là "phóng quang", còn gọi là "Quán Tự Tại". "Thất Phật La Gia" tôi tin rằng là chữ Shvara của Avalokiteshvara, ý nghĩa là "tự tại". Quán Tự Tại, bạn phải quán thì mới có thể tự tại; bạn không quán thì chẳng tự tại. Quán cái gì ? Chẳng phải hướng ra ngoài quán, mà là hướng vào bên trong để quán; quán tự tại tức là quán sát chính bạn tại hay bất tại. Bạn tự quán sát chủ nhân ông của bạn tại hay bất tại ? Bạn quán sát tự tính của bạn tại hay bất tại ? Bạn quán sát chân tâm của bạn tại hay bất tại ? Thường trụ chân tâm, tính tịnh minh thể này tại hay bất tại ? Nếu tại thì tự tại, nếu bất tại thì chẳng tự tại. Nếu chẳng tự tại, đã chạy đi đâu thì bạn tự hỏi mình "bạn chạy đi đến đâu ?" tức là quán tự tại.

Còn gọi là "phóng quang", phóng quang tức nghĩa cũng là tự tại. Nếu bạn tự tại thì sẽ phóng quang; nếu bạn chẳng tự tại thì không thể phóng quang.

Còn có một ý nghĩa dịch ra nữa gọi là "hỏa diệm quang". Hỏa diệm quang cũng là hỏa quang. Hỏa quang là gì ? Hỏa này chẳng phải là lửa giận dữ, chẳng phải sinh lửa phiền não, chẳng phải lửa "Oh, I have too much temper". Phải do nước trí huệ sinh ra để thu phục lửa vô minh. Nước trí huệ hay hàng phục lửa vô minh, hiện ra trí huệ chân chính, đây gọi là "hỏa diệm quang". Bạn niệm "Thất Phật La Gia" tức sẽ phóng quang. Song nếu tự tại mới phóng quang, nếu bạn chẳng tự tại thì không thể phóng quang, bạn nên nhớ ở điểm này. Đây là Thủ Nhãn gì ? Tức là Nhật Tinh Ma Ni Thủ Nhãn. Thủ Nhãn này có thể trị bệnh. Trị bệnh gì ? Trị bệnh

mù mắt, mắt chẳng thấy được nữa, bạn có thể dùng Nhật Tinh Ma Ni Thủ Nhãn để trị, cho nên đây gọi là phóng quang.

### 33. Giá La Giá La.

"Giá La Giá La" cũng là tiếng Phạn, dịch ra gọi là "hành động", tức là ta có hành động. Có hành động gì ? Tức là "có những hiệu lệnh". Ở trong quân đội hành quân thì gọi là hành động, chúng ta đi đường cũng gọi là hành động. Hành động của chúng ta là một thứ mệnh lệnh, kêu chúng ta đi làm việc gì, thì đó là một thứ "hiệu lệnh". Hiệu lệnh kêu bạn đi làm việc gì đó thì bạn phải đi làm, nếu bạn không đi làm thì trái ngược với mệnh lệnh.

Thủ Nhãn này gọi là gì ? Gọi là "Bảo Đạc Thủ", tức là tay cầm cái chuông báu lắc, đây là Thủ Nhãn thứ ba mươi. Bảo Đạc Thủ là một thứ âm nhạc, cầm lắc thì âm thanh "keng, keng, keng" vang ra. Tiếng vang này chấn động đến ba ngàn thế giới, đều "keng keng" lên. Bạn nghĩ muốn làm gì thì tất cả trời, người, quý thần, yêu ma đều phải nghe mệnh lệnh của bạn, đều phải giữ quy cụ. Giống như sắp động đất mà bạn lắc chuông báu lên thì khắp nơi đều phát ra hiệu lệnh : "Không được động đất !" thì không thể động đất. Sự diệu dụng của Bảo Đạc Thủ rất lớn. Nếu muốn âm thanh ca hát hay thì cũng phải dùng Bảo Đạc Thủ này. Tu Bảo Đạc Thủ đến nơi rồi thì âm thanh của bạn rất hay giống như âm thanh của đại hồng chung, nói ra lời nói như âm thanh của tiếng đại hồng chung.

### 34. Ma Ma, Phạt Ma La.

"Ma Ma" cũng là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "ngã sở". Ở trên là một thứ âm nhạc, có sự hành động, đây là ngã sở, việc của tôi làm đều phải thành tựu. Thủ Nhãn này gọi là "Bạch Phát Thủ". Ở Trung Quốc Đạo lão và các vị Hòa Thượng đều có cái phát trần, tức là vật dùng để đuổi ruồi, song mỗi khi Pháp sư thượng đường thuyết pháp đều cầm. Tôi cũng có một cái phát trần do họ mang đến tặng, cái phát trần này rất là cổ xưa, có từ vào thời nhà Hán. Phát trần này dự bị để làm gì ? Có thể trừ tất cả chương nạn ở trên thân. Tất cả nghiệp chướng, bệnh tật của bạn mà dùng phát trần quét một cái thì đều khỏi ngay. Dụng đồ của phát trần rất lớn, song người biết dùng rất ít.

"Phạt Ma La": Câu này là "hàng ma kim cang", trong tay cầm một cái kim luân, vì đây là một vị Kim Cang, thân có thể biến lớn như núi Tu Di. Phạt Ma La là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "tôi thắng ly cầu", tôi thù thắng lại lia khỏi như bản.

Còn có một nghĩa nữa gọi là "vô tử", không có gì sánh bằng, còn có một nghĩa nữa gọi là "như ý", toại tâm như ý. Đây là Hóa Cung Điện Thủ Nhãn, có dụng đồ như thế nào ? Nếu bạn tu pháp Thủ Nhãn này thì có thể đời đời kiếp kiếp ở trong một cung điện với Phật, không thọ sinh thai, noãn, thấp hóa.

### 35. Mục Đê Lệ.

"Mục Đê Lệ" tức là Dương Chi Thủ Nhãn của Phật. Dương Chi Thủ Nhãn là gì ? Tức là Bồ Tát Quán Thế Âm tay cầm nhánh dương liễu. Bạn thấy Bồ Tát Quán Thế Âm một tay cầm nhánh dương liễu, một tay cầm bình tịnh thủy, nhánh dương liễu nhúng nước tịnh bình để rưới khắp tất cả chúng sinh. Nhúng nước tịnh bình khác với nước thường như thế nào ? Nước tịnh bình gọi là nước cam lồ, nước cam lồ mà rưới lên tất cả chúng sinh thì khiến cho chúng sinh đắc được rất nhiều lợi ích, có thể giải trừ đói khát, được sự mát mẻ.

"Mục Đê Lệ" cũng là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "giải thoát". Giải thoát cái gì ? Giải thoát tất cả khổ nạn, giải thoát tất cả bệnh tật, giải thoát tất cả việc bất như ý. Cho nên Bồ Tát Quán Thế Âm dùng nhánh dương liễu để giải thoát mọi bệnh tật của chúng sinh, giải thoát những hoạn nạn của chúng sinh, giải thoát những việc bất như ý của chúng sinh.

Thủ Nhãn này, bên trong có vẻ giống như chẳng quan trọng lắm, song nếu bạn tu thành công thì nhánh dương liễu này chẳng những giải thoát được bệnh tật, hoạn nạn, việc bất như ý mà cũng có thể hàng phục được thiên ma, không chế các ngoại đạo. Tất cả thiên ma ngoại đạo mà đắc được nước cam lồ của bạn thì họ tự nhiên sẽ hồi tâm hướng thiện, cũng đều y giáo phụng hành. Cho nên Thủ Nhãn này nói ra thì vô cùng vô tận, cũng không thể nghĩ bàn.

Nước cam lồ của Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng những giải trừ được hoạn nạn mà còn chữa khỏi tất cả bệnh tật và giải thoát tất cả những việc bất như ý. Thậm chí lúc bạn sắp chết, nếu bạn đắc được nước cam lồ của Bồ Tát Quán Thế Âm thì có thể sống lại. Tất cả cây khô, nếu dùng nước cam lồ rưới lên thì có thể sống lại.

Cây cối vốn là vô tình được nước cam lồ thấm nhuần còn có thể sinh trưởng đơm hoa kết trái, hà huống nếu tất cả chúng sinh được nước cam lồ, càng lợi ích vô cùng vô tận. (còn tiếp)



# Kinh Bát Nhã

Hoà Thượng Tuyên Hoá lược giảng  
Viết dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

**N**gày nay, đông cũng không phải là đông, tây cũng chẳng phải là tây, nên không thể gọi là đông hay tây. Nam bắc cũng như thế. Tại sao? Chúng ta có mối quan hệ khăng khít với mặt trăng. Thế nên chúng ta không biết phải đi theo bên nào. Đông tây nam bắc đều không thể lập. Ngày nay, chúng ta là một nguyên hợp, trung tâm. Tuy là trung tâm mà không phải là trung tâm, lại biến thành lớn mà không ngoài cái lớn, nhỏ mà không nằm trong cái nhỏ. Tuy có lớn nhỏ nhưng không có trong ngoài. Bên trên tôi có nói: "Không lớn không nhỏ, không trong ngoài. Tự tu tự liễu tự an bài".

Đạt đến cảnh giới này, chư vị thấy có vi diệu lắm không! Khi ấy một niềm phiền não hay buồn bực gì cũng không còn. Nhưng cùng tột của cảnh giới đó không lớn không nhỏ, không trong không ngoài là gì? Chư vị phải tự hiểu rõ. Tôi không cần nói nhưng chắc chư vị sẽ hiểu rõ. Nếu chư vị không muốn biết, dầu tôi có nói ra đi nữa thì chư vị cũng không thể biết được.

**"Cô thuyết bát nhã ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết: yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha, (nên thuyết ra chú bát nhã ba la mật đa. Tức thuyết chú rằng: yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha)".**

*"Chú nãi mật phân phi tư lượng  
Nhu vương chiếu chỉ kiểm đồng đạo  
Diệc dĩ quân trung bí mật lệnh  
Vấn đáp bất phù tiện chấp hành  
Đại thừa diệu lý ly phân biệt  
Phàm phu tri kiến vọng duyên chân  
Nhân chỉ vọng nguyệt chỉ phi nguyệt  
Tạ chú minh tâm chú tức tâm"*

**Dịch:**

*Chú là mật, không thể suy luận  
Nhu chiếu chỉ vua cùng tôn kính  
Là lệnh bí mật trong quân đội  
Vấn đáp hợp liền phải chấp hành  
Diệu lý đại thừa rời phân biệt*

*Tri kiến phàm phu vọng thay chân  
Ngón tay chỉ trăng chẳng phải trăng  
Nhờ chú sáng tâm, chú tức tâm".*

Ấn Độ, câu chú không thể dịch ra thành nghĩa nhưng phiên dịch chữ chứ không phiên dịch âm. Vì vậy không thể giảng hay suy tưởng nghĩ bàn được.

*"Chú nãi mật phân phi tư lượng, (chú là mật không thể suy luận)".*

Chú thuộc về mật giáo. Trong mật giáo không thể giảng giải chú được. Không thể dùng tư tưởng mà suy luận được, vì nơi đó, đường ngôn ngữ đứt bật, tâm hành nơi tịch diệt.

*"Nhu vương chiếu chỉ kiểm đồng tôn, (như chiếu chỉ vua cùng tôn kính)".*

Chú cũng giống như chiếu chỉ của nhà vua, mà ở trên đã giảng qua về bốn loại ý nghĩa của tiên đà bà. Kiểm đồng tôn tức là một khi chiếu chỉ nhà vua ban ra thì quan dân đều phải tuân phục.

*"Diệc thị quân trung bí mật lệnh, (lại là mật lệnh trong quân đội)".*

Chú giống như lệnh bí mật trong quân đội. Như trên đã bàn qua, trong quân đội, mỗi ngày đều có khẩu lệnh như "thắng lợi". Nếu khi gặp người lính mình không quen biết, mà hấn hỏi khẩu lệnh là gì. Chư vị bảo: "thắng lợi", đó là thuộc quân đội của mình, không cần giải thích. Nếu khi hấn hỏi khẩu lệnh mà chư vị nói: "Kiết tường", vậy là sai rồi, nên hấn sẽ nổ súng bắn chư vị. Trong quân đội, vì quân lính rất nhiều nên mỗi ngày phải có mật lệnh để cho người ngoài không thể lọt vào quân đội được. Nghĩa của chú cũng như thế.

*"Vấn đáp bất phù tiện chấp hành, (vấn đáp không hợp phải chấp hành)".*

Nếu chư vị vấn đáp mà không hợp với khẩu lệnh thì họ phải thi hành nhiệm vụ.

*"Đại thừa diệu lý ly phân biệt, (diệu lý đại thừa rời phân biệt)".*

Bát nhã thuộc pháp đại thừa. Đây là pháp đại thừa diệu lý không thể nghĩ bàn, không thể phân biệt, quét sạch tất cả pháp, xa rời tất cả tướng. Bát nhã tùy thuyết tùy liễu ngộ.

*"Phàm phu tri kiến vọng duyên chân, (phàm phu tri kiến vọng thay chân)".*

Phàm phu chứa bao vọng tưởng, tri kiến, kiến giải phan duyên, lầm nhận tất cả pháp chân thật, nhận kẻ trộm làm con, chấp trước mọi vật có hình có tướng có bóng ảnh.

*"Nhân chỉ vọng nguyệt chỉ phi nguyệt, (ngón tay chỉ trăng chẳng phải trăng)".*

Kinh điển chỉ dẫn con đường tu hành cho mình, như dùng ngón tay chỉ mặt trăng, bảo rằng mặt trăng ở nơi kia, nhưng có người không y theo ngón tay để nhìn mặt trăng mà chỉ nhìn vào ngón tay, cố chấp cho ngón tay là mặt trăng. Chư vị chớ nhận lầm ngón tay là mặt trăng. Kinh điển chỉ dẫn cách tu hành, chứ kinh điển không phải là đạo. Đạo là chính tự chư vị phải tu trì, không nên cho kinh điển là đạo.

*"Ta chú minh tâm chú tức tâm, (nuơng chú sáng tâm, chú tức tâm)".*

Nuơng nhờ oai lực của chú để làm sáng tâm vì lời chú không thể nghĩ bàn. Chư vị lại phải nên xa rời tâm phân biệt, tâm phan duyên, tất cả tâm vọng tưởng. Tuy không hiểu nghĩa khi trì chú, nhưng ngay nơi không hiểu đó mới thật là hiểu. Thế nên, nhờ oai lực của chú để làm sáng tâm và thấy tánh. Chú cũng là tâm. Khi đã minh tâm kiến tánh, chư vị sẽ hiểu rõ ý nghĩa của chú. (hết)

## xin tiền tiêu xài

Một cậu bé trạc khoảng 15 tuổi muốn có tiền tiêu, thay vì chìa tay ra xin mẹ, cậu ta bèn nghĩ ra cách viết 1 tờ giấy gửi đến mẹ như sau:

1. Sáng phụ Mẹ dọn dẹp giường ngủ : \$1 đô
  2. Phụ Mẹ dọn dẹp bữa ăn sáng : \$2 đô
  3. Sau khi đi học về coi em : \$3 đô
  4. Phụ Mẹ dọn bữa ăn tối, sau đó dọn dẹp : \$4 đô
- Tổng cộng : \$10 đô  
- Thời hạn thanh toán: Sáng sớm mai trước khi con đi học.

Sáng sớm ngày mai bà mẹ đặt tờ giấy bạc \$10 đô trên bàn cho cậu ta và sau khi cậu rời nhà đi học, bà mẹ lật mặt sau tờ giấy lại và ghi như sau:

1. Mẹ mang bầu con 9 tháng 10 ngày : Miễn phí

2. Tiền tã lót, bệnh viện, sữa khi sinh con : Miễn phí
3. Tiền nuôi con từ lúc sinh ra đến nay : Miễn phí
4. Chi phí ăn học, chữa trị cho con khi ốm đau : Miễn phí
5. Lo đám cưới cho con, hoặc phải nuôi con trọn đời nếu con tật nguyền, hoặc bị bệnh nan y : Miễn phí
6. Các khoản không thể liệt kê hết đều miễn phí cho con trai của Mẹ.

- Thời hạn chi trả cho con: Trọn đời - Mẹ.

Khi đi học về cậu chạy vô phòng, thấy tờ giấy cậu cầm lên đọc.

Rồi cậu lấy ra 1 tờ giấy khác và viết như sau: Thưa Mẹ, con xin lỗi Mẹ...

### Kể từ nay:

1. Phụ giúp Mẹ : Miễn phí
  2. Ráng ăn học thành tài : Miễn phí
  3. Sẵn sàng giúp đỡ mọi người : Miễn phí
  4. Luôn quan tâm, săn sóc Mẹ : Miễn phí
  5. Các khoản chi tiêu lo cho Mẹ khi về già : Miễn phí
- Thời hạn thực hiện..... Trọn đời - Con

Sáng hôm sau khi con còn đang ngủ, bà mẹ vẫn đặt tờ giấy bạc \$10 đô lên bàn cho con, thì bỗng thấy tờ giấy mà cậu viết. Sau khi đọc xong, những giọt nước mắt lăn dài trên má bà mẹ, song miệng vẫn nở 1 nụ cười và bà nghĩ rằng có lẽ đây là nụ cười mãn nguyện nhất từ khi sanh con ra đến nay.

## 8 câu “nói dối” thường hay nói trong cuộc đời của MẸ

1. Cơm không đủ ăn. Mẹ nói : Mẹ không đói.
2. Nhà nghèo. Mẹ nói : Mẹ không thích quần áo mới.
3. Thức ăn ít. Mẹ nói : Mẹ không thích ăn.
4. Dậy sớm thức khuya. Mẹ nói : Mẹ không mệt.
5. Kiệt sức vì mỗi mệt. Mẹ nói : Mẹ không sao.
6. Ra đường không đủ tiền mua nước uống. Mẹ nói : Mẹ không khát.
7. Gửi tiền cho mẹ. Mẹ nói : Mẹ không thiếu tiền.
8. Khi bệnh nằm trên giường. Mẹ nói : Mẹ không đau.

# PHÁP NGŨ CỦA THIÊN SƯ HƯ VÂN

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

## XXI. Thiên thất khai thị lần thứ hai

### 1. Ngày thứ nhất (29.2).

Hư Vân tôi đến chùa này chỉ làm rộn thêm thôi. May nhờ quý hòa thượng cùng quý vị ban thủ ân cần ưu đãi; tôi thật rất tri ân. Hôm nay, quý Ngài lại yêu cầu tôi ra làm pháp chủ nữa. Danh này tôi thật không dám nhận. Nơi đây, lão pháp sư Ứng Từ là vị tuổi cao largest. Đáng lẽ đại chúng phải theo sự chỉ dạy của Ngài mới thật hợp lý. Đồng thời, trong chùa có rất nhiều vị pháp sư, đều là các bậc cao tăng thạc đức. Tôi chỉ là loài bọt bèo trên nước, thật rất vô dụng. Ngày nay, tuổi tác càng cao, thì khách khí càng nặng nề.

Pháp thế gian cũng không luận là tuổi nhiều hay ít. Xưa kia, trong những lần thi khảo hạch tại kinh đô, không kể tuổi tác lớn nhỏ, mọi người phải tôn kính và gọi vị chủ khảo là thầy. Trong đạo Phật, lại càng không được tính toán tuổi tác. Điền hình, Bồ Tát Văn Thù đã chứng quả vị Phật trong đời quá khứ, cũng từng dạy dỗ mười sáu vị thái tử. Phật A Di Đà là vị thái tử thứ nhất. Phật Thích Ca cũng là đệ tử của Ngài. Đến khi Phật Thích Ca thành Phật, Bồ Tát Văn Thù lại xuống phụ trợ. Thế nên, đạo Phật rất bình đẳng, không có cao thấp. Qua việc này, tôi muốn nhắc nhở quý vị rằng chớ nên hiểu lầm về tuổi tác.

Lúc bàn về việc tham thiền học đạo, chúng ta phải tôn kính quy chế pháp thức. Hòa thượng trụ trì phát khởi đạo tâm, giảng kinh đã thất, hoằng dương Phật pháp, thật là nhân duyên thù thắng hy hữu khó được. Quý vị, ai ai cũng không quản mưa gió, hay sợ đường xa mệt nhọc, mà tự nguyện đến đây, tham gia thiền thất. Điều này chứng minh rằng mọi người cùng có đạo tâm, thích tịch tĩnh chán phiền não.

Tôi và quý vị xưa nay vốn đồng một tâm. Chỉ vì mê ngộ cách ngăn, nên tất cả chúng sanh ngày đêm

bận rộn, không phút rảnh rang. Suy nghĩ cạn kiệt, thật là những việc vô ích. Ở thế gian, có người ngày đêm bồn ba, nghĩ tưởng ngu si, thích ăn ngon mặc đẹp, ca múa hát xướng. Họ lại mong con cháu được phú quý vinh hoa đời đời. Khi quở vô thường đến, họ vẫn còn lo giữ vợ con tài sản. Những người như thế, thật quá si mê. Lại có người, tuy biết chút ít về lý nhân quả thiện ác, thích tạo công lập đức, muốn cúng dường trai tăng, đắp tô tượng Phật, sửa chữa chùa chiền, cùng tạo những nhân hữu lậu, hầu mong cầu phước báo đời sau, nhưng lại không hiểu sự quý báo cao siêu của công đức vô lậu, nên không chịu tu hành. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nói: "Nếu có người ngồi thiền trong một khoảnh khắc, thì công đức nhiều hơn xây hàng sa bảo tháp".

Ngồi thiền khiến thân tâm an lạc, đưa mình trở về tự tánh trong sáng tròn đầy, và có thể giúp mình thoát cảnh trần lao khổ nhọc, cùng cắt đứt dòng sanh tử luân hồi. Trong một khoảnh khắc, nếu luôn hồi quang phản chiếu khiến thân tâm được thanh tịnh, tuy chưa ngộ đạo nhưng đã trồng nhân lành trở về Phật tánh, tức sẽ có ngày được thành tựu. Kế đến, công phu nếu đắc lực, trong một sát na có thể thành Phật. Trong kinh Lăng Nghiêm, tôn giả A Nan bạch Phật:

- Bất lịch tăng kỳ hoạch pháp thân.

Tức là không cần phải trải qua ba A Tăng Kỳ kiếp mà vẫn đắc được pháp thân.

Song, chúng ta trôi lăn trong trần lao, chìm trong năm món dục lạc, cầu mong thọ dụng phước báo, lúc được lúc mất, nên thường khởi tâm vui buồn giận tức. Nay đến thiên đường, cùng nhau sống trong yên lặng tịch tĩnh, cùng được thấy những việc chưa từng thấy, được nghe những việc chưa từng nghe, và sáu căn thu nhiếp vào trong, như các căn của rùa, nên dầu có cảnh giới thuận nghịch gì cũng không giao động. Đây là tu pháp vô vi, cũng là pháp vô lậu. Nếu lấy vàng bạc và bảy loại châu báu để xây cất bảo tháp nhiều như số cát sông Hằng, thì vẫn không bằng công đức ngồi thiền tĩnh tọa trong một giây phút.

Sáu căn rút vào, như rùa thường thu nhiếp các căn khi gặp loài hải cẩu. Hải cẩu thích ăn thịt rùa, nên thường tìm bắt. Rùa biết hải cẩu muốn ăn thịt mình, nên rút bốn chân, đầu và đuôi vào thân. Khi đó, hải cẩu không thể bắt được, nên rùa được thoát nạn.

Ở thế gian, không có tiền mua sắm việc ăn mặc thì chúng ta lo lắng làm lụng đến chết. Song, nếu có tiền thì tiêu xài xa hoa, đắm đuối trong dục vọng không thể xả bỏ, như hải cẩu cần được dầu rùa. Nếu biết tai hại thì phải lo thu nhiếp sáu căn, hồi quang phản chiếu. Khi ấy, mới mong cải tử hoàn sanh.

Hai ngày trước, tôi có nói về pháp trong tông môn, vốn là chánh pháp nhãn tạng, là tâm pháp của Như Lai, là nền tảng cắt đứt dòng sanh tử luân hồi.

Những pháp môn khác, như giảng kinh thuyết pháp, tuy khiến nhiều người khởi tâm tín giải, nhưng đa số đều hiểu trên cành lá vắn chương từ ngữ, khó được khai ngộ hoàn toàn. Nếu muốn dùng những pháp môn đó để cắt đứt dòng sanh tử thì phải trải qua quá trình tu hạnh chứng quả, thật rất khó khăn.

Xưa nay, so với các vị tu theo Thiên tông, những người tu theo những pháp môn khác, như nghe giảng kinh thuyết pháp, mà hiển hiện thần thông, lập tức triệt ngộ, mau chóng thành Phật, thì thật rất ít. Trong tông môn, ngoài chư vị tỳ kheo cùng các cư sĩ nam ra, trong giới ni chúng cũng có nhiều nhân tài đạt được tai mắt không thể nghĩ bàn.

Xưa kia, thiền sư Quán Khê vốn là đồ đệ của ngài Lâm Tế. Sau bao năm dụng công vẫn chưa đại triệt đại ngộ, nên đi tham phương cầu đạo, đến chỗ ni sư Mạt Sơn. Khi đến chùa, thị giả của Mạt Sơn hỏi:

- Bạch Thượng Tọa! Ngài vì Phật pháp hay vì du ngoạn mà đến đây?

Quán Khê đáp:

- Tôi đến vì Phật pháp.

Sau đó, Mạt Sơn ra hỏi:

- Vì Phật pháp mà đến. Vậy hãy theo phép tắc mà đánh trống thăng tòa.

Nói xong, Mạt Sơn bước lên tòa. Ngài Quán Khê chỉ chấp tay xá. Mạt Sơn lại hỏi:

- Hôm nay Thượng Tọa vừa rời chỗ nào?

Quán Khê đáp:

- Nơi ngã ba đường.

- Sao không che lại?

Quán Khê không đáp được, mới bắt đầu lễ bái, rồi hỏi:

- Mạt Sơn là vật gì?

Mạt Sơn bảo:

- Không để lộ đỉnh đầu.

- Chủ Mạt Sơn là ai?

- Ngoài tướng nam nữ.

- Sao chẳng biến mất?

- Chẳng phải thân, cũng chẳng phải quỶ, thì biến hóa cái gì?

Quán Khê không lời đối đáp, nên ở lại làm vườn trong ba năm. Sau khi đại triệt đại ngộ, Quán Khê thượng đường bảo:

- Ta ở tại ông già Lâm Tế đắc được phân nửa, và ở tại bà già Mạt Sơn được phân nửa. Cộng lại thành một thìa. Ăn mãi cho đến hôm nay vẫn còn no.

Chúng ta thấy rằng ngài Quán Khê vừa là đồ đệ của Lâm Tế vừa là pháp tử của Mạt Sơn. Điều này chứng tỏ là trong ni chúng cũng có nhân tài cái thế, tay mắt hơn người. Hiện tại, có rất nhiều ni chúng, sao không thấy tai mắt nào lộ mặt, thì hiện chánh pháp?

Đây mới thấy Phật pháp rất bình đẳng. Mọi người phải nên nỗ lực tinh tấn, chớ tự sanh tâm thối đạo, lầm ngộ nhân duyên.

Cổ nhân nói:

- Một trăm năm, ba mươi sáu ngàn ngày mà không khi nào biết xả thân nơi bờ tịch tĩnh.

Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay, trôi lăn trong vòng sanh tử, chỉ vì không dám xả bỏ thân tâm để tu học pháp thanh tịnh, nên bị luân hồi không thể có ngày được giải thoát. Do đó, mọi người phải cố gắng xả bỏ thân tâm để ngồi trên bờ Niết Bàn tịch tĩnh. Hy vọng, khi thùng nước sơn bị thủng, mọi người sẽ đồng chứng vô sanh pháp nhẫn.

(còn tiếp)

# Hám Sơn

## đại sư tự truyện

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

Lúc ngài Hám Sơn bị bắt vào năm 1595, con trai của Vương cung phi là Chu Thường Lạc (1582-1620) được mười bốn tuổi. Trịnh quý phi, người được hoàng đế sủng ái, sanh một hoàng nhi tên là Chu Thường Tuân vào năm 1586. Ngài Hám Sơn bị bắt vào lúc sự tranh chấp ngôi vị thái tử giữa hoàng đế và Lý thái hậu đang căng thẳng. Lý thái hậu thì muốn lập ngôi thái tử cho Chu Thường Lạc. Ngược lại, hoàng đế lại muốn chọn Chu Thường Tuân làm thái tử. Đa

số quan lại triều đình trong nội cung và ngoại cung đều ủng hộ ý muốn của hoàng đế. Chỉ có số ít quan lại ủng hộ Lý thái hậu như thừa tướng Trương Vị. Nhóm thứ ba đề nghị rằng không nên lập ngay đông cung thái tử liền, mà hãy lập vương vị cho Chu Thường Lạc, Chu Thường Tuấn, Chu Thường Hạo. Thật tế, vì không đủ sự ủng hộ của tất cả quan triều trong việc lập Chu Thường Tuấn làm thái tử, nên vào năm 1593 hoàng đế ban sắc lệnh là ba vị hoàng tử Chu Thường Lạc, Chu Thường Tuấn, và Chu Thường Hạo đều được nhậm chức thái tử. Đây là cách trì hoãn việc giao ngôi vị thái tử chính thức cho Chu Thường Lạc. Song, sau này sắc lệnh trên được hủy bỏ vì sự chống đối của một số quan triều. Năm 1594, nhân nhượng áp lực của quần thần, hoàng đế cho phép Chu Thường Lạc được học hành đàng hoàng, nhưng từ chối không ban cho ngôi vị thái tử. Năm 1595, một quan triều kiến nghị lên hoàng đế là pháp hội cầu thái tử tại núi Ngũ Đài và chùa Tu Thọ là hành động xâm phạm quyền lợi quốc gia, do một tăng sĩ (tức ngài Hám Sơn), tổ chức. Thật ra, ngài Hám Sơn chỉ là con dê tế thần cho Lý thái hậu. Vì lý do hiếu thuận, nên hoàng đế không thể đối đầu trực diện với Lý thái hậu.

Song, tại tòa án ngài Hám Sơn không bị tố cáo là xen vào chuyện lập thái tử, nhưng lại bị tra tấn và ép buộc phải chấp nhận là Lý thái hậu đã cúng dường hàng trăm ngàn đồng vàng cho các tự viện nổi tiếng trong toàn quốc. Tuy vậy, ngài Hám Sơn không chịu nhận vì nếu làm thế sẽ làm tổn thương đến "lòng hiếu thảo cao siêu" của hoàng đế. Thực sự, đây là tòa án kết tội Ngài và Lý thái hậu. Cuối cùng Ngài bảo là có nhận khoảng bảy trăm đồng, còn ba ngàn lạng vàng thưở xưa do Lý thái hậu cúng dường đều dùng hết vào việc cứu trợ dân chúng tỉnh Sơn Đông bị chết đói vì thiên tai hoạn nạn. Việc đó có thể tra xét trong sổ bộ của quốc khố. Sau khi thẩm tra sổ bộ, hoàng đế không còn cách nào để bắt tội, nên phán xử Ngài được vô tội. Tuy nhiên, hoàng đế không thể tha bổng Ngài được vì sẽ bị mất mặt với triều thần, nên lợi dụng việc tranh chấp đất đai chùa chiền giữa Phật giáo và Đạo giáo tại Lao Sơn, hoàng đế phán rằng Ngài bị phạm tội 'tự ý xây chùa' Hải Ấn (do sự bảo trợ của Lý thái hậu, chứ không phải hoàng đế). Kết quả chùa Hải Ấn bị phá hủy. Ngài bị bắt phải hoàn tục và đày đến vùng biên cương, tức Quảng Đông, như tù nhân chính trị."

### **Sự tranh chấp về ngôi vị đông cung thái tử**

Sau cái chết của Tể Tướng Trương Cư Chánh, Lý thái hậu là nhân vật có thể lực nhất mà hoàng đế phải đương đầu. Sự tranh chấp về quyền độc lập của hoàng đế, khiến cho tình mẹ con bị sút mẻ. Ngôi vị Đông Cung thái tử là đề mục chính của sự tranh chấp.

Theo sử nhà Minh, vào ngày nọ Lý thái hậu hỏi hoàng đế về lý do tại sao không lập Chu Thường Lạc lên ngôi thái tử. Hoàng đế trả lời là Chu Thường Lạc chỉ là con của một cung phi. Lý thái hậu tức giận bảo: "Người cũng là con của một cung phi thôi mà!"

Hoàng đế nghe thế, liền quỳ xuống không dám đứng dậy. Song, hoàng đế trì hoãn việc lập ngôi thái tử cho Chu Thường Lạc. Những quan triều ủng hộ việc lập Chu Thường Lạc đều bị bãi chức hay bị tù đày. Sau vụ ngài Hám Sơn bị bắt, hoàng đế không tìm được cơ gì để gán tội cho Ngài (có liên quan với thái hậu), nên đành chịu tội với thái hậu. Cuối cùng hoàng đế phải lập Chu Thường Lạc làm thái tử vào năm 1601, lúc ông được hai mươi tuổi. Hôn lễ của Chu Thường Lạc cũng được tổ chức vào dịp đó. Hơn chín triệu đồng vàng được dùng vào buổi lễ đó. Chu Thường Tuấn được phong chức Phúc Vương, nhưng từ chối đi Lạc Dương nhận đất thái ấp. Khi ở tại kinh đô, lợi dụng quyền thế Chu Thường Tuấn tự làm giàu bằng cách sung công các đất đai, tiếp thu vàng bạc của nông dân.

Mẹ của Chu Thường Tuấn, tức bà Trịnh quý phi, cũng là nhân vật chính ảnh hưởng một nhóm quan nội sử trông coi việc thu thuế "khoáng vật" trong toàn quốc, gồm có việc thu thuế và lấy vàng bạc từ những ngôi mộ cổ xưa, và những châu báu của những người khác, đặt biệt là những người thương buôn cùng các công xã khoáng chất.

Sự có mặt của Chu Thường Tuấn tại kinh đô khiến cho quan triều ngoại cung nghi ngờ là ông ta muốn chiếm đoạt ngôi thái tử của Chu Thường Lạc. Năm 1603, những tám giấy "Yêu Thư" chỉ trích và trách mắng xuất hiện, do một người lạ mặt tung ra, nói rằng Chu Thường Tuấn đang lập kế chiếm đoạt ngôi thái tử. Hoàng đế tức giận, ra lệnh bắt rất nhiều người. Khi đó, Thiền Sư Đạt Quán, hiệu Từ Bá, đang ở tại kinh đô, tìm cách cứu ngài Hám Sơn ra khỏi tù. Quân lính tìm thấy một lá thư của Thiền Sư Đạt Quán biện hộ cho Lý thái hậu và chỉ trích sự tàn phá chùa Hải Ấn cùng

sự đày ải ngài Hám Sơn trong túi của một đệ tử Thiền Sư Đạt Quán. Người đệ tử này cũng bị bắt vì có sự liên hệ với nhóm "Yêu Thư". Bởi thế, Thiền Sư Đạt Quán cũng bị bắt vào tù. Nghĩ rằng không có hy vọng sống sót, Thiền Sư Đạt Quán nhập vào thâm định rồi thị tịch (Một phần của lá thư viết là Lý thái hậu muốn xây chùa chiền, nhưng hoàng đế lại không giúp mẹ mình. Hành động này sao gọi là hiếu thảo?)

Vì việc Chu Thường Tuân vẫn còn ở lại kinh đô, nên nhiều chuyện rắc rối xảy ra. Vì vậy, lần cuối hoàng đế khuyến khích Chu Thường Tuân hãy mau rời khỏi kinh thành để đến Lạc Dương. Trịnh quý phi cầu xin hoàng đế cho phép con bà ta ở lại kinh đô đến ngày lễ sinh nhật của Lý thái hậu. Tuy nhiên, Lý thái hậu ra lệnh Chu Thường Tuân phải rời kinh thành ngay lập tức. Mặt dầu Chu Thường Tuân đã rời kinh đô, nhưng hoàn cảnh vẫn chưa được yên ổn cho lắm. Năm 1615, có một gã cầm dùi và cố tình chạy vào hoàng cung bằng cách đánh quân giữ thành. Cuối cùng gã bị bắt. Phát hiện ra, gã là người anh bà con của Trịnh quý phi, tên là Trịnh Quốc Thái. Vì vậy, bà Trịnh quý phi và Trịnh Quốc Thái bị nghi ngờ là mướn người để giết thái tử Chu Thường Lạc. Lo sợ tin đồn thất thiệt này, bà Trịnh quý phi cầu xin thái tử Chu Thường Lạc đừng hiểu lầm. Hoàng đế cũng ra lệnh cho thái tử Chu Thường Lạc thuật rõ sự tình trước mặt bá quan văn võ. Trịnh Quốc Thái bị cho là điên khùng và sau này bị xử tử. Sự việc này được viết trong sử, gọi là Án Đình Kích.

Năm 1620, Chu Thường Lạc trở thành hoàng đế Thái Xương. Một quan trong bộ lễ dâng một viên thuốc hồng để chữa trị bệnh cho hoàng đế do Trịnh quý Phi chăm nom. Kết quả, hoàng đế Thái Xương qua đời sau khi làm vua được một tháng. Đây là vụ án Hồng Hoàn, được ghi trong lịch sử. Vụ án này khiến khơi lên thêm sự tranh luận, liên hệ với việc nghi ngờ đầu độc nhà vua. Cuộc đời của Chu Thường Lạc thật rất bi đát. Có thể nghĩ rằng ông là một phẩm vật được chư Phật ban cho. Đợi chờ trong ba mươi tám năm, cuối cùng ông được lên ngôi vua một cách kỳ lạ. Kết quả này có thể khiến cho ngài Hám Sơn vững lòng tin hơn về việc chọn đúng con đường, tức phò Lý thái hậu và Chu Thường Lạc (được sanh ra là nhờ pháp hội cầu nguyện do Ngài tổ chức tại núi Ngũ Đài năm xưa). Mặt khác, ngài Hám Sơn cũng chắc buồn vì nhìn thấy bị kịch cuối cùng qua vụ án 'hồng hoàn'. Địch thủ của Chu Thường Lạc, tức Chu Thường Tuân

cũng bị chết bi thảm. Ông ta bị Lý Tự Thành, một thủ lĩnh nông dân, chém chết vào năm 164. Khi chiếm kinh thành Lạc Dương, quân lính của Lý Tự Thành lấy máu của Chu Thường Tuân hòa với rượu mà uống; họ gọi rượu này là rượu Phước Lộc, vì lấy tên hiệu của Chu Thường Tuân, tức Phước Vương.

Tuy nhiên, công nghiệp của ngài Hám Sơn không bị quên lãng trong triều nội vì hai vị vua kế tiếp chính là con của Chu Thường Lạc. Sau khi Lý thái hậu qua đời vào năm 1614, một ngôi điện đường Cửu Liên Bồ Tát Đường, được xây ngay tại trong nội cung để tưởng nhớ bà. Hình Ngài cũng được treo nơi đó. Vua Sùng Trinh (1628-1644) viết bài kệ tán thán ngài Hám Sơn:

"Lão Tăng này  
Hình tướng gì!  
Giữ thành pháp  
Tự được Ngài ủng hộ  
Tin tưởng như tay phải của thiên tử  
Ngài là bóng hình của chư Phật Tổ."

Nếu còn sống, ngài Hám Sơn chắc buồn lắm khi biết Sùng Trinh là vị vua cuối cùng của triều Minh (Ông đã tự tử mà chết.)

Tháng Ba năm đó, khi Ngài bị cầm tù tất cả tự viện chùa chiền trong kinh thành đều tụng kinh bái sám, cầu nguyện chư Phật chư Bồ Tát gia hộ cho Ngài. Có chư tăng đốt hương trên tay cúng dường, tụng kinh chú, cầu nguyện chư Phật gia hộ cho Ngài. Tại Kim Ngô, công tử Phạm Khê, con của quan đại tư mã An Túc Trịnh, tuy chưa từng gặp mặt Ngài, nhưng vẫn thiết lập buổi tiệc, mời những quý khách trưởng lão, trợ giúp trong việc cứu giúp Ngài. Với những giọt lệ ưu sầu, công tử Phạm Khê nói rõ sự vô tội của Ngài. Tất cả người tham dự buổi tiệc đều chia sẻ nỗi buồn cho Phật pháp. Việc này biểu hiện sự cảm thông Phật pháp của nhân tâm thời bấy giờ.

Ngài bị giam trong ngục tám tháng liền. Trong lúc đó, chỉ có thị giả Phước Thiện là người duy nhất mang cơm nước cho Ngài. Tháng mười, Ngài bị đày về miền Nam. Các quan chức triều đình tống biệt Ngài đến bờ sông nơi kinh đô. Lúc rời kinh đô, thị giả Phước Thiện cùng ba tăng sĩ đồng theo Ngài.

Tháng mười một, khi được giải đến Nam Kinh, đứng bên bờ sông, Ngài chia tay từ biệt thân mẫu. Khi đó, Ngài viết bài thơ Mẫu Tử. Khi đó, Ngài

cũng dẫn theo đưa cháu mồ côi cha mẹ là Khả Cừ.

Xưa kia, lúc trú tại núi Thạch Kinh (Đại Tạng Kinh được khắc lên đá), Ngài cùng Thiên Sư Đạt Quán, vì thấy sự suy đồi của Thiên tông, nhất là mạch nguồn tại Tào Khê bị mai một, nên đồng có ý chí phục hưng. Do đó, Thiên Sư Đạt Quán đến Khuông Sơn trước đời Ngài. Lúc đang ở tại Thiên Trì, nghe tin Ngài bị nạn, Thiên Sư Đạt Quán bảo: "Thế là cuộc đời của ngài Hám Sơn đã chấm dứt, nhưng chí nguyện đến Tào Khê chẳng dứt."

Trước hết, Thiên Sư đi Tào Khê, rồi trở lại Bắc Kinh. Khi biết Ngài vừa ra ngục và được giải đến Liêu Thành, Thiên Sư liền trở lại Kim Long chờ đợi. Khi đến Kim Long, Ngài từ biệt Thiên Sư tại một am tranh cạnh bờ sông. Thiên Sư muốn dùng hết sức lực để giải bày nỗi oan uổng của Ngài, nhưng Ngài ngăn lại, bảo: "Vua như cha. Thần dân như con. Không thể làm nghịch lời. Hơn nữa, đây là định nghiệp của đệ. Sư huynh chớ nên giải bày làm chi."

Trước khi giã từ, Thiên Sư nói: "Tại Thiên Trì, nghe sư đệ bị nạn, huynh liền phát nguyện tụng một trăm bộ kinh Pháp Hoa, để cầu nguyện chư Phật gia hộ cho sư đệ. Tâm huynh tức là lưỡi của sư đệ vạ. (Ngài yêu cầu Thiên Sư Đạt Quán chớ giải bày chi. Thường thường, nếu bị bắt tội oan ức, thì phải dùng lưỡi mà giải bày. Vì Ngài không chống lệnh triều đình, nên tâm của Thiên Sư Đạt Quán sẽ thay thế lưỡi của Ngài để cầu nguyện chư Phật gia hộ cho Ngài)

Ngài đa tạ cảm ơn lòng thành của Thiên Sư rồi từ biệt. Thiên Sư Đạt Quán tặng Ngài bài thơ "Tống Khách Thuyết."

\* Lời bàn của Phước Chung \*:

Khi ngài Hám Sơn lập pháp hội cầu thái tử thì cả triều đình đều biết đến. Ngài tránh được những sự rắc rối là nhờ lánh nạn tại vùng duyên hải. Song, vì nhớ lời nguyện trùng tu lại chùa Báo Ân, Ngài vẫn thường tới lui kinh đô nhiều lần trong ba năm liền. Sự dành dụm chi tiêu trong triều đình khiến nhiều người bàn tán chỉ trích Ngài.

Lại nữa, vì đề nghị với Lý thái hậu giảm một trăm đồng vàng mỗi ngày về sự chi tiêu của triều đình trong ba năm, nên Ngài khiến cho quan chức trong triều khó làm việc. Vì luật hoàng gia không cho phép thái hậu xen vào chuyện quốc sự, nên nhiều

người trong hoàng cung và ngoài kinh đô lợi dụng việc này để chỉ trích lên án Ngài.

Vì Lý thái hậu tự ra lệnh xây cất chùa Hải Ân tại Đông Hải ở núi Lao Sơn, nơi Ngài hoàng pháp trong mười năm, chứ chẳng phải lệnh của hoàng đế, nên Ngài bị ghép tội là cất chùa trái phép. Trong tiểu sử tự truyện, Ngài không nói rõ lệnh đập phá chùa, nhưng việc này được nhắc đến trong bài hồi ký về sự xây dựng tháp kỷ niệm Thiên Sư Đạt Quán.

Trong quyển nhật ký về cuộc lưu đày, Ngài kể: "Tôi bị khó khăn trong công cuộc hoàng pháp, như việc khơi dậy sự tức giận của hoàng đế. Âm thanh tức giận đó chất chứa như sấm sét. Tôi nghĩ rằng nếu mẹ mình mà biết được thì chắc sẽ sợ hãi lắm. Mạng sống còn là nhờ từ ân của hoàng đế, chỉ bị lưu đày tại Lạc Dương. Tôi gặp bà mẹ bên bờ sông Trường Giang khi được giải ngang qua làng quê. Lúc đó, chúng tôi vui mừng và cười hóm hờ. Không có nỗi đau buồn thống thiết.

Tôi hỏi bà mẹ: "Khi nghe Thầy trở về, tránh được cái chết trong lần tơ kẽ tóc, mẹ có buồn không?"

Bà đáp: "Việc chết sống là định nghiệp, sao mẹ lại buồn rầu cho thầy? Ngay chính mình còn không lo lắng, sao mẹ phải lo lắng cho Thầy chứ? Song, nghe tin đồn mà mẹ không thể nghĩ rằng Thầy bị đày như thế này. Nay thấy Thầy khỏe mạnh là mẹ mừng lắm rồi."

Đến chiều tối, tôi từ biệt mẹ mình lần cuối. Mẹ tôi bảo: "Vì Phật pháp, hãy bảo trọng. Phải biết tự trọng, chớ làm trái với lương tâm."

Ngài đáp: "Xin vâng lời mẹ! Chỉ vì mẹ tuổi tác già nua, Thầy sống xa xôi nơi miền biên giới, không thể xả bỏ được tâm lo lắng cho mẹ."

Bà mẹ đáp: "Chớ lo lắng cho mẹ. Mẹ đã chuẩn bị hành trang rồi. Xưa kia mong muốn gặp mặt Thầy lần cuối. Nay gặp lại đây, mẹ đã mãn nguyện lắm rồi. Hiện tại mẹ phải đi. Hôm nay là ngày mà mẹ con phải vĩnh biệt. Thầy hãy tự bảo trọng". Vui vẻ, mẹ tôi bỏ đi thẳng không quay ngó lại."

Sau này, Ngài viết bài thơ Mẫu Từ:

"Tình mẹ và con  
Nam châm hút sắt  
Thiên nhiên huyền diệu  
Bổn gốc tròn đầy

Tôi thấy mẹ mình  
Như gỗ phụt lửa  
Khi gỗ cháy xong  
Lửa lại vô ngã  
Sống không quyến luyến  
Chết cũng chẳng màng  
Xét thấy thân mình  
Là con của đá."

(còn tiếp)

## Cuộc đời của H.T Tuyên Hoá

Tiếp theo kỳ trước

### 42. Ma đến cầu giới

**H**ồng Kông trong vài năm gần kề thường bị chấn động không an, phần vì thiên tai, phần vì nhân họa đã không ngừng phát khởi. Truy nghiệm điều này cho chúng ta biết đây cũng chính do nghiệp báo của chúng sanh chiêu cảm mà thành.

Vì muốn cứu vãn vận kiếp này, Ngài đã mượn đạo lực của đại chúng nguyện cầu cho chúng sanh thoát khỏi ách nạn. Thế nên nhân ngày Phật Di Đà Đản Sanh, 17 tháng 11 năm 1952, Ngài cử hành pháp hội niệm Phật bảy ngày, mỗi ngày từ 8 giờ sáng đến 7 giờ chiều. Vì Chùa nằm trên núi nên người ta phải vất vả và tốn nhiều thời giờ mới đến nơi, tuy vậy họ vẫn tới tham dự đông đảo.

Đến chiều tối ngày thứ năm của khóa Phật thất, lúc thời hương thứ sáu vừa tàn, bỗng nhiên có một con quỷ nhập vào bà Trương Quả Vũ rồi bà quỳ xuống cầu khẩn Ngài truyền Tam quy, Ngũ-giới. Ngài chấp nhận lời thỉnh cầu, lúc truyền giới vừa xong thì bà Trương cũng vừa tỉnh lại. Những người tham gia pháp hội nức nở khen: Quý cũng biết cầu giới, chẳng lẽ con người không biết tu hành sao?

### 43. Tín giả được cứu.

Cư sĩ Lý Quả Viễn là một cảnh sát viên ở Hương Cảng, ông có cô con gái tên Lý Diệp Nghiên. Một ngày nọ, cô bé vì vô ý bị vấp ngã. Lúc đầu cô không cảm thấy có gì khác thường nhưng qua vài ngày sau, cô phát sốt nặng, và bị đau dữ dội nơi bắp chân. Cha mẹ cô nghi nguyên nhân của bệnh này là do cô trượt té nên cấp bách đem cô đến bác sĩ chuyên sửa trật xương gân để trị liệu. Sau khi

chuẩn bệnh Bác sĩ Lý Tử Phi cho biết bệnh đau chân của cô không phải vì trật chân, mà bị mọc ung nhọt nên hành nhức nhối. Trở về nhà ông Lý lại mời thêm bác sĩ khác đến trị nhưng vẫn không có kết quả.

Sau đó bà Lý được người giới thiệu bèn cõng con đến chùa Tây Lạc Viên cầu diệm kiến Ngài. Ngài nói rõ với bà là Ngài không rành về y dược nên không có cách chữa trị. Bà Lý vẫn không nản lòng tiếp tục đến thêm hai lần nữa xin Ngài cứu giúp, Ngài vẫn một mực từ chối. Lần thứ ba, Lý Quả Viễn cùng vợ đến Chùa quỳ lạy khẩn cầu Ngài cứu cho con họ. Ngài thấy ông bà thật thành tâm nên cùng họ cầu Phật, Bồ Tát gia hộ. Qua một tuần sau, bệnh của cô bé chợt nhiên lành hẳn và chân của cô bình phục như xưa. Vì cảm thọ được đức hạnh của Ngài cùng oai lực hộ trì của Phật, Bồ Tát nên cả năm người trong gia đình đều xin Quy y Tam Bảo làm đệ tử Ngài. Sau đó Ngài đã dạy họ chuyên tâm niệm Phật.

### 44. Phật lực vô biên.

Mặc dầu Ngài đã nghiên cứu nhiều tông phái Phật giáo, cùng tham thiền thoại đầu, nhưng đối với chư đệ tử quy y Ngài, Ngài luôn dạy họ niệm “Sáu chữ Hồng-danh” Vì pháp môn niệm Phật A Di Đà đều thích hợp cho mọi người, không kể thông minh hay ngu dần. Điều quan trọng là hành giả thường phải xưng niệm đến nhất tâm bất loạn thì chắc chắn lúc lâm chung sẽ được vãng sanh Tây phương Cực Lạc. Đối với người học Phật, đây là con đường tắt, dễ nhất, hữu hiệu nhất, không nghi ngờ gì cả.

Quả Thiện là đệ tử kiên thành quy y Ngài đã lâu. Ngày nọ bà đến Chùa lễ Phật, sau khi đánh lễ Ngài, bà khóc kể rằng chồng bà là La Khang Duệ bị bệnh lao phổi đã đến thời kỳ cuối cùng và các bác sĩ đều tuyên bố là không còn phương thuốc. Nghe thế Ngài an ủi bà ta chớ quá ưu sầu, và dạy bà trở về khuyên chồng nên chí tâm niệm Phật. Nếu thọ mạng của ông ta chưa hết, thì sẽ nương Phật lực khiến ông lành bệnh; Còn nếu kiếp số của ông đã mãn, mà ông chân thành niệm Phật A Di Đà thì ông sẽ được vãng sanh. Ngài còn giảng căn kẽ cho bà đạo lý “Thiên lý nan trắc, nhân mạng vô thường” nghĩa là Trời cao thật khó đo lường, cũng như mạng sống con người rất đổi vô thường vậy.

Ông La nghe vợ thuật lại lời dạy của Ngài, ông nhận thấy rất có ý nghĩa, liền bảo bà đến cầu Ngài truyền giới Quy-y. Sau khi quy y được ba ngày,



ông mơ thấy Ngài đến nhà, đầu đội chiếc mũ giống như mũ của đức Địa Tạng và đắp cà sa đỏ, cùng với nhiều vị Bồ Tát, pháp tướng trang nghiêm; và Ngài bảo ông: Bệnh của con sẽ khỏi, con chớ quá ưu phiền!

Ngoài chứng bệnh lao phổi, ông La còn bị bệnh bao tử, bụng bị thủng phình trương ra. Chỉ riêng chứng bệnh phổi của ông đã làm cho gia đình ông điêu đứng rồi, nên ông đầu người trong nhà chứng bệnh bao tử này. Khi thức giấc, bao tử ông tiết ra chất mặn không ngừng và mưa ra nhiều máu đọng. Kết quả là các bướu làm sung đã được tống ra. Sau biến cố này ông càng tin tưởng Phật pháp và tinh tấn hơn. Trong bất cứ lúc đi, đứng, nằm, ngồi, tay không rời chuỗi tràng, mỗi ngày ông niệm cả muôn ngàn danh hiệu Phật. Do thành tâm, ông đã được cảm ứng nhiệm mầu; chỉ trong vài tháng sau, ông được bình phục mạnh khỏe và tráng kiện hơn trước. Đến lúc tái chiếu quang tuyến X, kết quả cho thấy bệnh lao phổi của ông đã hoàn toàn biến mất.

#### 45. Người điếc nghe Kinh.

Lúc ở Hương Cảng, Ngài có một đệ tử tại gia tên là Lưu Quả Quyên đã trên sáu mươi tuổi. Bà bị điếc nên không thể trò chuyện với ai hay cùng người bàn lời thị phi. Bà thường lần chuỗi tràng, không ngừng niệm Phật. Lúc Ngài giảng kinh, thuyết pháp, bà tuy tuổi đã cao, nhưng mỗi tối đều leo núi đến chùa đúng 7 giờ để dự khóa giảng. Bà không quản trời mưa hay gió, ngày ngày đều leo lên cả ba trăm bậc thang cấp đến chùa nghe kinh. Người điếc nghe kinh thật hiếm bấu vô cùng. Khi buổi giảng kết thúc khoảng 9 giờ hơn, bà lại một mình xuống núi đi trên đường mòn không một ngọn đèn soi lối. Vậy mà bà ta thành tâm, tinh tấn mỗi ngày đều đặn lên Chùa.

Mùa Hè năm 1953, Ngài giảng Kinh A Di Đà. Bà Lưu như thường lệ nhất định mỗi ngày đều sớm đến nghe Kinh. Mùng 2 tháng 5, trước khi khai Kinh đại chúng đồng niệm: “Nam Mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát,” bỗng nhiên bà Lưu cả mừng bật nói: A! Các vị niệm Nam Mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát, tôi nghe rõ cả.

Từ đó tai bà nghe được như thường. Đây chính do công đức nghe Kinh mà ra, tuy bà không cầu mà vẫn được cảm ứng. Sau khi hết bị điếc, bà càng siêng năng niệm Phật, nhưng ma chướng lại đến; vì đôi khi để thử thách những vị tu hành nghiêm túc. Một khi người tu nỗ lực học Phật, nghiệp báo của những tội lỗi cũ phát hiện nhanh chóng và làm cho

sự tu bị trở ngại. Nên có bài học là, “Người Phật tử muốn thành Phật thì phải chịu sự khảo nghiệm của quỷ ma.”

Bà Lưu chợt mang bệnh kỳ lạ, mà triệu chứng của bệnh này là bà ta chỉ thích ăn. Bà bị ám ảnh bởi thức ăn và bà ăn uống suốt ngày từ sáng cho đến tối không ngừng. Cứ khoảng hai giờ đồng hồ là bà phải ăn một bữa, trong một ngày bà ta phải ăn ít nhất là mười lần. Nếu không ăn, bà cảm thấy càng khó chịu hơn. Các Bác sĩ Đông, Tây đều không tìm ra được nguyên nhân, lại cũng không phải trong bụng bà có sán lãi. Vậy mà Bà đã ráng nhẫn chịu bệnh này trong hai năm. Đến mùng 7 tháng 2 năm 1954, khi Ngài từ Đại Tự Sơn trở về Tây Lạc Viên, bà bẽn lễn thưa:

- Sư Phụ, trong bụng con có người nói chuyện.
- Bụng bà có người nói chuyện? Vậy có phải là thai nhi đó không?
- Bạch Sư Phụ, con đã ngoài sáu mươi tuổi rồi ạ!
- Vậy nó nói những gì?
- Sáng sớm này, con lấy bột nếp để làm bánh ăn và khi con vừa ăn được một miếng thì có tiếng trẻ nít trong bụng con nói: “Tôi không thích ăn thứ này.” Con nghe rất rõ ràng và chính xác.
- Vậy bà trả lời sao?
- Con nói: “Mi không thích món này vậy mi đòi ăn món nào? Ăn no là đủ rồi, còn kén chọn này nọ làm gì?” Thế rồi con không nghe nó nói chi cả.
- Nếu những đứa bé trong bụng bà đã biết nói chuyện, vậy thì bà phải mau giúp cho chúng nó ra ngoài. Tôi nay khi trở về nhà (khi Hòa Thượng đi vắng, bà Lưu ở lại trông chùa) vào lúc nửa đêm, bà hãy nấu cho một tô mì nóng hổi ngon lành, rồi quỳ trước bàn thờ thắp hương cúng dường và tịnh tâm niệm Phật.

Bà trở về nhà làm y lời Ngài, trong lúc niệm Phật, mơ mơ, màng màng bà thấy có ba đứa bé bụ bẫm khả ái từ trong bụng bà thoáng đi ra, chúng tranh nhau để ăn tô mì hấp dẫn kia. Đột nhiên có một luồng khí và bà thấy Ngài Hộ Pháp Vi Đà dùng hai tay, xách lỗ tai của ba đứa bé mà lôi đi, và bà lập tức cảm thấy trong bụng nhẹ nhàng, dễ chịu. Từ đó bệnh đói của bà không cần thuốc mà khỏi.

Trong ba đứa nhỏ kháu khỉnh kia, hai đứa là cắc kè tinh còn đứa thứ ba là nhái tinh; tin hay không là do bạn. Bà bị bệnh lạ lùng này là do quả báo đời trước, bà đã không tin có bệnh kỳ quái như vậy. Thế nên đời nay trong một đêm nọ bà mơ thấy có ba đứa bé khoảng hai, ba tuổi mũm mĩn,

tròn trịa tai to đầu bự rồi khỏi niệm tham ái mà chiêu cảm ba con quỷ nhỏ kia nhập vào. Do đó việc đầu tiên của người tu đạo là phải khử trừ lòng tham ái.

#### 46. Thị hiện trong mộng.

Một hôm Ngài nhận được thơ của Pháp sư Thân Giác từ Toàn Thạch Sơn, Cửu Long với nội dung như sau:

“Mùa Xuân năm Dân Quốc thứ 41 (1952) tôi mua được một ngôi nhà nhỏ tại Toàn Thạch Sơn. Sau khi dọn về ở được khoảng hơn một năm thì chủ đất bắt buộc tôi phải phá ngôi nhà để trả lại mảnh đất. Thật là bất ngờ khi nhận được thơ của ông ta. Bấy giờ tôi chỉ thấy việc này thật là một thiệt hại lớn lao nên càng nghĩ tôi càng bối rối, khổ sở.

Một đêm nọ, vào lúc 11 giờ, tôi đang đọc quyển Trung Quán Luận Phẩm, Quán Tứ Đế. Xem đến đoạn ‘Tất cả các pháp do duyên sanh, ta bảo đó là không. Các pháp đó cũng là giả danh, vậy đó là lý trung đạo. Vì chưa từng có một pháp nào mà không từ nhân duyên sanh ra. Cho nên tất cả các pháp hiện hữu không phải là không.’

Tôi đã suy ngẫm đoạn văn trên nhiều lần và thâm nhập được đạo lý nên cố gắng xua đuổi mọi chấp trước phiền não, rồi ngủ thiếp đi lúc nào cũng không hay. Sau đó tôi mơ thấy mình bị lạc trong một vùng rừng núi, bỗng nhiên cuồng phong nổi dậy, mưa bão ào ạt đổ xuống; Lúc đó tiếng gió hú, tiếng mưa đổ cùng những tiếng sét đánh âm âm nghe như điếc tai. Trong lúc kinh hoàng tôi ngưỡng đầu lên thì thấy có một vị Tăng toàn thân phóng ra một hào quang vàng tía bay từ không trung về phía tôi, và lúc đó mưa bão cũng vừa ngừng. Tôi bèn đánh lễ Ngài, khi vị Tăng đó bước tới gần tôi nhận ra rõ ràng chính là vị Tôn Chứng Sư, Ngài Độ Luân trong lễ thọ Đại-giới của tôi thuở xưa. Ngài bảo tôi: ‘Chớ có ưu sầu, Thầy sẽ giúp con giải quyết mọi khó khăn. Mơ đến đây tôi chợt thức giấc.’

Không bao lâu sau tôi tìm được một khu đất khác và chuẩn bị cất một Tịnh thất nhưng lại không đủ tài chánh. Khi ấy Ngài đang giảng kinh Địa Tạng tại Chí Liên Tịnh Uyển, nghe được việc này Ngài đã nhân đức ban cho tôi một ngàn đô la, nhờ đấy tôi hoàn tất công trình kiến lập tịnh thất tại Toàn Thạch Sơn và có chỗ nương thân cho tới ngày nay.”

Tuy việc này Ngài chưa từng kể cho một ai nghe, nhưng sau đó Ngài lại nhận được lá thư khác kể lại

giấc mộng tương tự như trên. Có lẽ người này đặt chuyện mong được Ngài trợ giúp tài chánh nên đã bị Ngài dạy cho một bài học nên thân và từ đó không còn lá thư thứ hai nào như vậy nữa.

(còn tiếp)

## NIỆM PHẬT

Niệm Phật ngoài miệng đầy đưa,  
Tật hư chẳng bỏ tương đưa ích gì.  
Niệm Phật diệt tham sân si,  
Thất tình lục dục tổng đi cho rồi.  
Niệm thế mới đúng ai ôi,  
Niệm ngoài cửa miệng lời thôi thêm rầy.  
Miệng tâm hoà một mới hay,  
Trong ngoài tu cả Phật rày mới linh.  
Niệm sao dứt nghiệp sát sinh,  
Để cho thế giới thái bình an vui.  
Niệm sao cứu khổ ban vui,  
Chớ không phải để ngược xuôi bao giờ.  
Niệm Phật không kể thân sơ,  
Thấy người đau đói làm ngơ sao đành.  
Niệm Phật lánh dữ làm lành,  
Chớ đừng mê lợi, mê danh, mê tình.  
Niệm Phật quyếtặng vãng sinh,  
Ăn chay, giữ giới tội tình lánh xa.  
Niệm Phật giữ một chữ hoà,  
Không tranh hơn kém nhà nhà vui tươi.  
Niệm Phật thuận thảo ai ơi,  
Bỏ đi những chuyện tranh ngôi tranh quyền.  
Niệm Phật lòng dạ cho chuyên,  
Quyền cao lợi lớn là thuyền mong manh.  
Niệm Phật phải dứt tương tranh,  
Mê đời cận bã hôi tanh làm gì.  
Niệm Phật chớ có hồ nghi,  
Tín tâm bền chặt nguyện ghi vào lòng.  
Niệm Phật chớ có ghi công,  
Phật nào gian lận mà hồng kể ra.  
Niệm Phật việc ác tránh xa,  
Việc lành cố gắng hiện ra bề ngoài.  
Thực hành từ thiện không sai,  
Liên đài để sẵn chờ ngày vãng sanh.

khuyết danh

## TIẾNG CHUÔNG

Tiếng chuông như lời Phật  
Gọi hồn con trở về  
Giữa dòng đời tất bật

Giữa muôn ngàn u mê.

Tiếng chuông lời Bồ Tát  
Suối mát ngọt tình thương  
Tiếng dục dàng thanh thoát  
Đồng vọng chốn thiên đường.

Chuông ngân dài buổi sáng  
Ấm áp cả núi đồi  
Băng qua nghìn sông suối  
Chuông gọi đời xa xôi..

Ngân nga lời nhắc nhở  
Tâm tưởng hoài phiêu linh  
Nhẹ nhàng tìm hơi thở  
Quay về lại chính mình.

Tiếng chuông như tình Mẹ  
Ôm ấp con vỗ về  
Con ơi! đừng rong duỗi  
Nỗi đau đời lê thê...

Chuông từ còn vang mãi  
Giữa trần thế sương mù  
Lay gọi người say mộng  
Thức giấc đời âm u ...

Biết Sống thì thành thoi.  
Ta nương tựa vào trời  
Trời khi mưa, khi nắng  
Ta nương tựa vào trăng  
Trăng hết trắng thì đen  
Ta nương tựa vào em  
Em hết còn thì mất  
Ta nương tựa vào ta  
Người bạn đời duy nhất.

Đổi thay là bản chất  
Của vạn hữu trên đời  
Hạnh phúc từ nội tại  
Biết sống thì thành thoi.

Khuyết danh

## Điện thờ đẹp nhưng không thấy Phật

Trước hết, mời quý vị thưởng thức một giai thoại  
thiền mang tựa đề:

### Cánh cửa

**C**ó một vị thầy gọi các đệ tử của mình đi  
tham vấn khắp nơi. Hết kỳ hạn thời gian vị  
thầy cho phép các đệ tử của vị ấy lần lượt

trở về, chỉ thiếu một người.

Vị thầy rất bằng lòng về sự tu học cũng như kinh  
nghiệm gặt hái được của các đệ tử mình. Họ đã  
rút tía được rất nhiều kinh nghiệm sống cũng như  
đã thấm lượm được tinh hoa của sách vở, kinh  
điển.

Cuối cùng, người đệ tử chậm chậm cũng đã trở  
về.

Ông thầy nói:

- “Con đã về sau các huynh đệ con. Chắc con đã  
học hỏi được nhiều hơn?”

Người học trò điềm nhiên trả lời.

- “Con chẳng học được gì cả, hơn nữa con cũng  
quên luôn những gì Thầy đã dạy con.”

Ông thầy bực bội, tuyệt vọng lắc đầu, bỏ đi.

Một ngày kia, người học trò “đặc biệt” đó vào kỳ  
lưng tâm cho thầy, khi kỳ eo lưng cho thầy, người  
học trò lẩm bẩm và vỗ vỗ vào lưng thầy mình:

“Cái điện thờ thì đẹp, nhưng tiếc quá bên trong,  
không thấy Phật đâu cả.”

Ông thầy nghe nói vậy, giận lắm. Ông ta hiểu nó  
muốn ám chỉ gì mình đây. Người đệ tử thấy thầy  
giận thì cười ha hả. Ông thầy càng đỏ mặt tía tai,  
hăm rằng nếu nó còn xúc láo như vậy nữa, ông ta  
sẽ tống cổ nó ra khỏi tu viện.

Ngày khác, khi ông thầy đang chăm chú ngồi đọc  
sách, người đệ tử đó lại đến gần, ngồi cạnh thầy.  
Ông thầy vẫn chăm chú tiếp tục đọc. Vào lúc đó,  
có một con ong bay lạc vào phòng và nó cố tìm  
đường ra. Nhưng con ong như bị lạc hướng. Cánh  
cửa phòng rộng mở như vậy mà con ong cứ húc  
đầu vào cánh cửa sổ đã đóng chặt. Con ong cứ  
húc đầu vào cánh cửa đóng đó mãi và tiếng ong  
kêu vù vù ... làm người nghe phát sốt ruột.

Anh chàng đệ tử vội kêu lên:

- “Nè, con ong ngu xuẩn kia, không phải cánh  
cửa đó đâu. Hãy dừng lại, đừng húc đầu vào giấy  
dán cửa sổ nữa và nhìn lại sau lưng đi. Cánh cửa  
mở rộng đó kia kìa!”

Không phải con ong mà chính ông thầy nghe  
những lời học trò mình nói, và ông đã “tìm thấy  
cánh cửa.” Đây là lần đầu tiên, ông nhìn kỹ vào  
mắt đệ tử mình. Đó không phải là đứa học trò mà  
ông đã cho nó đi tham vấn nữa.

Ông thầy hiểu đệ tử mình đã trở về sau khi “nhận  
thức được điều gì” chứ không phải đã “học được”  
điều gì.

Giờ thì ông đã hiểu câu nói của đệ tử mình “điện thờ không linh vì không có Phật.” Ông nhìn con ong và thấy nó cũng tìm được lối ra rồi.

Câu chuyện này là thông điệp của tôi. Đó là những gì tôi cứ nói mãi, nói đi nói lại, không thôi.

Khi biết dừng lại, thức tỉnh thì Phật Tánh, Chân Như xuất hiện.

## Cách chia 2 đồng bạc

**C**hú bé Lula, sinh ra vào tháng 10 năm 1945, tại một gia đình nông dân ở Ba-Tây (Brazil). Vì nhà nghèo, nên từ lúc mới 4 tuổi, thằng nhỏ đã phải đi bán đậu-phụng ngoài đường, nhưng vẫn quần áo tả tơi, và thiếu ăn. Sau khi được lên tiểu học, lúc đó đã dọn lên thủ đô Rio de Janeiro, sau buổi học chú bé thường hay cùng với hai người bạn cùng lứa đi đánh giầy ở đầu đường, hôm nào không có khách, thì coi như là nhịn đói.

Năm 12 tuổi, vào một buổi xế chiều, có một người khách, là chủ một tiệm giặt ủi và nhuộm áo quần đến chiếu cố, ba đứa trẻ chạy lại chào hàng. Ông chủ tiệm nhìn vào ba cặp mắt van xin khẩn khoản đó, không biết quyết định chọn đứa nào. Cuối cùng ông ta nói : "Đứa nào cần tiền nhất, thì tôi cho nó đánh giầy, và sẽ trả công 2 đồng".

Công đánh một đôi giầy chỉ có 20 xu, 2 đồng đúng là một món tiền rất lớn. Ba cặp mắt đều sáng lên. Một đứa nhỏ nói : "từ sáng đến giờ cháu chưa được ăn gì cả, nếu không kiếm được tiền hôm nay, cháu sẽ chết đói!" Đứa khác nói: "Nhà cháu đã hết thức ăn từ 3 ngày nay, mẹ cháu lại đang bệnh, cháu phải mua thức ăn cho cả nhà tối nay, nếu không thì lại bị ăn đòn...".

Cậu Lula nhìn vào 2 đồng bạc trong tay ông chủ-tiệm, nghĩ ngợi một lúc, rồi nói : “Nếu cháu được ông cho kiếm 2 đồng này, thì cháu sẽ chia cho hai đứa đó mỗi đứa 1 đồng !!”

Câu nói của Lula làm Ông chủ Tiệm và hai đứa nhỏ kia rất là ngạc nhiên.

Cậu giải thích thêm: “Tụi nó là bạn thân nhất của cháu, đã nhịn đói hết một ngày rồi, còn cháu thì hồi trưa còn ăn được ít đậu phụng, nên có sức đánh giầy hơn chúng nó, Ông cứ để cháu đánh đi, chắc chắn Ông sẽ hài lòng”

Cảm động trước câu nói của thằng nhỏ, Ông chủ tiệm đã trả cho hẳn 2 đồng bạc, sau khi được hẳn

đánh óng đôi giầy. Và thằng nhỏ Lula giữ đúng lời, đã đưa ngay cho 2 đứa bạn mỗi đứa 1 đồng.

Vài ngày sau, Ông chủ Tiệm đã tìm đến thằng nhỏ Lula, nhận chú bé cứ sau buổi tan học là đến học nghề ở tiệm giặt nhuộm của ông ta, và bao cả bữa cơm tối. Tiền lương lúc học nghề tuy là rất thấp, nhưng so với đánh giầy thì khá hơn rất nhiều.

Thằng bé hiểu rằng : Chính vì mình đã đưa tay giúp đỡ những người khốn đốn, nên mới đem đến cho mình cơ hội làm thay đổi cuộc đời.

Từ đó, miễn là có khả năng, chú bé Lula không ngần ngại giúp đỡ những người sống khốn khổ hơn mình.

Sau Lula nghỉ học đi làm thợ trong một nhà máy, để bênh vực cho quyền lợi của những người thợ, cậu ta tham gia vào công đoàn, năm 45 tuổi, Lula lập ra đảng Lao Công.

Năm 2002, trong cuộc ứng cử tổng-thống, khẩu hiệu của Lula là : Ba bữa cơm no cho tất cả những người trong quốc gia này. Và đắc cử làm Tổng Thống xứ Brazil. Năm 2006 đắc cử nhiệm kỳ 2, cho 4 năm tới.

Trong 8 năm tại chức, Ông ta đã thực hiện đúng lời mình đã hứa :

- 93% trẻ em và 83% người lớn ở nước này được no ấm. Thực hành đúng tâm niệm : giúp đời !!

Và nước Ba-tây dưới sự lãnh đạo của Ông đã không còn là "con khủng long nhai cỏ" mà đã trở nên "Con mãnh sư Mỹ Châu“. Và xây nên nền kinh tế đứng thứ 10 trên thế giới. Luiz Inácio Lula da Silva : đó là tên của vị tổng thống vừa giải nhiệm vào 31/12/2010 này.

## Phải chi Con còn có Mẹ

Nguyễn Thảo

**T**ôi là một gã mò côi! Bạn tôi được người ta cài cho bông hồng đỏ, còn tôi phải cài bông hồng trắng vì tôi mất mẹ. Nhìn vào bông hồng trắng nhỏ nhỏ ấy lòng tôi lại ước mơ: Phải chi tôi còn có mẹ!

Tôi là một đứa bé mồ côi! Tôi mồ côi cha lẫn mẹ!  
Tôi đã mất cha từ khi tôi còn nhỏ, còn rất nhỏ. Cha  
tôi mất vì một trái mìn trên đường làng khi người  
đang bưng chài để kiếm tiền về nuôi gia đình.  
Cha tôi chết khi tôi mới lên ba tháng. Mẹ tôi vừa  
khóc chồng, vừa phải đùm bọc lấy tôi. Tôi ra đời  
bằng những bất hạnh cho cha, cho mẹ, và cho cả  
chính tôi. Mẹ tôi phải nhiều vất vả, lặn lội trong  
hoàn cảnh cô đơn ấy để cố gắng nuôi tôi lớn lên.  
Tôi lớn lên với tất cả sự hi sinh của người.

Ngày tôi lên ba, tôi thật là vô tư, tôi không nhớ rõ  
những nét mặt của mẹ tôi. Tôi chỉ mang máng cái  
dáng thon thon, có đôi mắt to, có cái miệng cười  
rất tươi, có cái gương mặt sáng rỡ, nhất là sóng  
mũi của mẹ ai cũng khen đẹp. Thân hình của mẹ  
hơi gầy chắt vì mẹ phải tảo tần buôn bán để nuôi  
con. Tôi chưa kịp ghi những hình ảnh mẹ sâu vào  
ký ức thì mẹ tôi lại mất. Mẹ mất đi sau một cơn  
bệnh không kéo dài. Thế là tôi trở thành đứa bé mồ  
côi cha lẫn mẹ!

Ngày làm đám tang mẹ tôi, tôi không biết gì. Cậu  
lo tất cả. Tôi được quấn lên đầu vành khăn trắng  
gọi là để tang cho mẹ. Đôi lúc tôi nhớ mẹ, tôi hỏi  
những người quen: "Mẹ con đâu?". Người ta không  
trả lời mà người ta lại khóc. Người ta nhìn tôi thật  
nhiều! Ai cũng trù mến tôi cả! Sao mà người ta  
hay ôm tôi vào lòng, người ta vuốt ve tôi, rồi người  
ta lại chảy nước mắt? Điều ấy về sau khi tôi lớn lên  
tôi mới hiểu được tận tường.

Tôi còn nhớ buổi xế chiều chôn mẹ, bầu trời nhiều  
mây của những ngày mùa thu. Mẹ tôi đi vào lòng  
đất chắc hẳn còn tiếc nuối lấy tôi. Người đang  
buồn theo cơn gió heo may. Người lặng lẽ theo  
đám mây trôi nhẹ nhẹ. Mọi người nhìn tôi rồi thờ  
dài, lắc đầu!

Vào lúc ấy tôi rất là vô tư. Tôi cũng không hề  
khóc mặc dù những người chung quanh đang khóc  
cho tôi. Tôi cũng không biết khóc mặc dù mẹ tôi  
đang vĩnh viễn xa tôi rồi! Tôi không khóc chỉ vì  
"Tôi không biết khóc", để rồi sau này tôi "khóc",  
tôi khóc cho mẹ và cho chính cuộc đời của tôi.

Năm xưa tôi còn nhỏ  
Mẹ tôi đã qua đời!  
Lần đầu tiên tôi hiểu  
Thân phận trẻ mồ côi.  
Quanh tôi ai cũng khóc  
Im lặng tôi sầu thôi  
Để dòng nước mắt chảy  
Là bớt khổ đi rồi...

Hoàng hôn phủ trên mộ  
Chuông chùa nhẹ rơi rơi  
Tôi thấy tôi mất mẹ  
Mất cả một bầu trời.

Khi tôi được đọc bài thơ trên của Thanh Tịnh  
trong tập sách nhỏ "Bông Hồng Cài Áo" của Nhà  
Sư Thích Nhất Hạnh, tôi lại ngậm ngùi và thương  
khóc cho mình. Nhưng thuở ấy tôi còn quá nhỏ,  
nên tôi không thể "Im lặng tôi sầu thôi. Để dòng  
nước mắt chảy. Là bớt khổ đi rồi..." mà tôi chỉ  
"Tôi thấy tôi mất mẹ. Mất cả một bầu trời". Bầu  
trời ấy mỗi năm tôi mỗi nhìn lại được, nhưng mẹ  
tôi đã vĩnh viễn xa tôi, dù là trong ký ức của tôi.  
Tôi chỉ nhìn thấy mẹ, thấy cha bằng những hình  
ảnh không lớn lắm trên bàn thờ!

Sau khi chôn mẹ xong, cậu đưa tôi về nhà. Nhà  
bây giờ trở nên vắng vẻ. Mẹ không còn ngồi cạnh  
giường nữa. Chiếc giường ấy đã nhiều đêm mẹ  
kéo mền lại đắp cho tôi, mẹ kéo tôi ôm vào lòng,  
mẹ hỏi: "Có lạnh không con?". Bây giờ tôi không  
thấy mẹ, tôi thiếu mẹ thôi!

Tôi không biết cậu tôi bàn tính gì với những  
người bên nội tôi. Nhưng sau đó cậu tôi đưa tôi  
về ở với gia đình cậu. Cậu tôi chở tôi về nhà trên  
chiếc xe gắn máy cùng với người anh con của  
cậu. Cậu vợ tôi cũng thương tôi lắm! Những đêm  
đầu tôi thường hay khóc vì mẹ không còn nằm  
bên tôi. Tôi không còn ngủ với mẹ. Tôi nhớ mẹ!  
Tôi hỏi mẹ! Cậu ngủ với tôi mà cậu cũng khóc.

Rồi cái gì cũng quen đi! Tôi dần dần lớn lên trong  
gia đình của cậu, bằng tình thương của cậu vợ,  
bằng sự thân thiết của anh chị con của cậu.

Nhờ tính tình của tôi không tranh giành, háo ăn  
mà lại chân thật, không sanh nạnh nên dù phải  
cưu mang tôi trong thời gian dài cậu vợ tôi vẫn  
thương yêu tôi, các anh chị họ của tôi cũng không  
hề giận dữ tôi. Người ta bảo là tôi ngoan lắm!  
Nhưng tôi vẫn không biết thế nào là ngoan!

Sắp đến ngày tựu trường, học trò sắp đi học. Tôi  
thấy cậu vợ tôi nhiều lúc ngồi bàn tính chuyện gì  
lâu lắm! Rồi một hôm, cậu bảo tôi: "Mai một cậu  
dẫn con đi học, con chịu không?". Tôi nói "Chịu"  
vì tôi thấy những đứa học trò đi học đi ngang nhà  
cười đùa vui vẻ thì tôi thích, chứ tôi chưa biết đi  
học là thế nào. Rồi cậu tôi cũng mua cho tôi vở,  
viết và dẫn tôi đến nhà trường ghi tên để đi học.  
Thế là tôi được đi học chung với con của cậu tôi  
và những đứa bạn ở chung xóm.

Ngày đi học, những đứa trẻ khác cỡ bằng tuổi tôi, chúng quần quít, khép nép bên chân cha hay mẹ, chúng không nhẽo với cha mẹ chúng. Còn tôi, tôi chỉ quanh quẩn đi theo cậu. Tôi chỉ được gọi tiếng "cậu" thôi. Tiếng "ba" tiếng "mẹ" tôi đã bỏ mất tự lâu rồi! Tôi nghe chúng gọi cha mẹ chúng mà tôi thèm, tôi thèm gọi lên tiếng ba má hay cha mẹ, nhưng bên cạnh tôi chỉ có cậu tôi thôi. Lòng tôi buồn buồn mà ước mơ: Phải chi bây giờ tôi còn có mẹ!

Rồi suốt những năm dài đi học trên trường làng. Cậu mợ tôi lo cho tôi nhiều lắm! Cậu mợ lo cho tôi cũng như lo cho con của cậu mợ. Từ áo quần đến sách vở, cơm nước; cậu mợ vẫn không phân biệt tôi và con của cậu mợ. Khi tôi dần lớn lên tôi cũng hiểu được phần nào, tôi cảm thấy lòng mình buồn, nhưng tôi chẳng biết làm sao? Nên tôi chỉ cố gắng học để làm vui lòng cậu mợ. Và những năm ấy tôi cũng có rất ít bạn bè. Khi chúng bạn kể chuyện này chuyện kia, chuyện cha dẫn đi đâu, mẹ may áo mới hay mẹ dẫn đi chợ hoặc cho cái gì, tôi đều ngồi lặng thinh mà nghe "lòng mình nhỏ lệ". Điều đơn giản, bởi vì tôi không còn có mẹ, có cha. Chính vì vậy mà tôi không dám ngồi lâu để tán dóc với bạn bè. Nếu tôi còn có mẹ thì thái độ tôi đã khác hẳn đi rồi!

Có những ngày buồn, tôi ngồi cố nhớ lại những nét, dáng dấp của mẹ tôi. Tôi nghe âm vang tiếng của mẹ, gương mặt của mẹ mờ mờ ẩn hiện trong ký ức của tôi. Tôi còn nhớ rất ít những lúc mẹ nhìn tôi chơi mà mẹ cười, hoặc mẹ làm bộ giận dữ với tôi khi tôi phá phách, hoặc mẹ trù mến trao cho tôi cái bánh, cái kẹo mẹ đã mua sau buổi bán ở chợ. Những hình ảnh ấy nhạt nhòa không phải vì nước mắt của tôi dành cho mẹ mỗi khi tôi nhớ đến mẹ, mà là vì tôi đã ghi không được rõ ràng từ trong trí nhớ của tôi. Nhưng ít ra tôi vẫn còn thấy được mẹ một phần nào. Đó là một điều may mắn cho tôi. Tôi không phải không nghĩ đến cha tôi. Tôi không làm điều bất công ấy, nhưng tôi lớn lên tôi không thường nói tiếng "ba", và tôi cũng không có hình ảnh, dáng dấp nào của cha tôi trong ký ức ngoài tấm ảnh trên bàn thờ. Người ta bảo là: "Tôi giống cha tôi như đúc", thế thôi!

Năm năm trường làng đã qua đi! Tôi trưởng thành thêm lên. Sự suy nghĩ của tôi cũng tăng tiến dần. Tôi có ý thức hơn. Chính vì thế mà tôi đã hiểu được cái nặng nề của cậu mợ phải đùm bọc cho tôi. Tôi quyết định, tôi không đi học nơi xa. Tôi bỏ học. Tôi bỏ học để cậu mợ tôi có đủ điều kiện lo cho các anh chị của tôi. Cậu mợ tôi thương cháu như vậy cũng là quý lắm rồi! Tôi bắt đầu vào đời.

Tôi phụ giúp cậu mợ tôi làm công việc nhà, công việc đồng áng. Những lúc rỗi rảnh, tôi xuống ruộng kiếm cá, tép, cua hoặc theo những người câu hoặc lưới cá chơi vui với họ. Hay những ai cần giúp tôi sẵn sàng làm cho họ để có một ít tiền chi phí cho cuộc sống của tôi. Tôi cũng cố dành dụm để có thể giúp cậu mợ chút ít khi cần.

Cứ như vậy đến ngày tôi thật trưởng thành. Tôi không học trong nhà trường nữa mà tôi lại học ngay trên trường đời. Những người lớn dạy tôi từ chú nông dân đến những bác lưới cá đi câu. Tôi học những vấn đề thực tế của cuộc sống. Người ta bảo tôi: "Đúng là con nhà mò côi!". Lúc ấy, tôi không hiểu họ muốn nói gì. Nhưng sau này tôi đã hiểu. Chẳng qua là vì tôi không còn có cha, có mẹ. Tôi là một đứa bé mồ côi! Tôi phải tự lo lấy cho chính cuộc đời của tôi nên tôi có vẻ trưởng thành hơn những đứa bạn khác cùng tuổi tôi.

Hết thời niên thiếu, tôi lại bước vào giai đoạn thanh niên. Tôi không dám mơ mộng yêu đương. Tôi lờ đi những cô thiếu nữ. Tôi là thân phận mồ côi! Tôi phải cố gắng làm để mai này có một số tiền nho nhỏ; tôi còn cần lập gia đình, có con. Tôi không biết gì đến thời kỳ hoa bướm hay tuổi thanh xuân. Tôi không còn nhớ mẹ nhiều nữa. Thời gian mẹ mất cũng đã quá xa. Tôi lại cũng không có nhiều thời gian để ngồi nhớ mẹ!

Những buổi chiều ven sông, dưới tia nắng vàng vọt trải dài trên sóng nước, tôi đi như "Con cò lặn lội bờ sông" để tìm những con cá, con nghêu. Hay thắm thía các câu thơ: "Lặn lội thân cò khi quãng vắng. Eo sèo mặt nước buổi đò đông" của nhà thơ Trần Tế Xương. Tôi đi và đi một mình trên dòng đời với nỗi buồn không mẹ, không cha!

Một hôm rỗi rảnh, bạn rủ tôi đến chùa xem làm lễ Vu Lan. Vì hiếu kỳ mà đi, chứ thật ra tôi chưa bao giờ để ý đến cái chùa. Người đông cũng vui. Có những thiếu nữ chung diện xinh xinh đi với mẹ. Khi ấy bỗng bóng dáng mẹ tôi lại hiện về trong ký ức của tôi. Tôi chơi vui và cảm thấy bơ vơ giữa chốn đông người. Tôi là một gã mồ côi! Bạn tôi được người ta cài cho bông hồng đỏ, còn tôi phải cài bông hồng trắng vì tôi mất mẹ. Nhìn vào bông hồng trắng nho nhỏ ấy lòng tôi lại ước mơ: Phải chi tôi còn có mẹ!

Nhưng khi thấy những người cài bông hồng trắng như tôi, tôi cũng được an ủi phần nào. Tôi không còn buồn nữa vì hôm này tôi được hiểu và cầu nguyện cho mẹ. Tôi được một lần báo hiếu cho

mẹ. Mẹ tôi chắc cũng sẽ vui mừng và mỉm cười vì tôi vẫn còn nhớ đến mẹ và cầu nguyện cho mẹ trong ngày trọng đại "Báo Hiếu" này với tất cả những phương Tăng cùng bao nhiêu tứ chúng.

Mẹ tôi khom xuống nhẹ nhàng hôn lên trán của đứa con bé bỏng ngày nào: "Thương quá! Thương cho đứa con khôn khổ của tôi!". Rồi bóng mẹ lần mò xa! Và mờ xa! Tôi thần thờ nhìn theo bóng mẹ, rồi cũng lại ước mơ: "Phải chi tôi còn có mẹ" !

# Bài học vô giá

**Đâu là cái xấu, cái đáng sợ và cái đẹp thật sự**

**Chuyện một vị sư ở chùa Hương**

**N**gười ta truyền tụng rằng tại Nam Thiên Đệ Nhất Động có một vị sư tu hành đặc đạo. Có lúc sư ngồi thiền cả tháng, không ăn không uống, không lay động để thể hiện trí tuệ dũng mãnh của của Phật.

Có lúc ngài tụng Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa, Kinh Viên Giác...tiếng như sư tử hồng, vang vọng cả sơn lâm để thế gian có thể nghe rõ lời kinh, để thể hiện lòng từ bi của Phật.

Có lúc đi đứng, nằm ngồi giữ nghiêm giới luật, từng động tác, từng cử chỉ đều giữ gìn chính niệm để thể hiện tính trang nghiêm của chư Phật.

Có lúc ngài thị hiện thành người chèo đò đưa khách thập phương hành hương, thỉnh thoảng nói vui một vài câu Phật pháp làm tỉnh ngộ lòng người.

Có lúc ngài biến hóa thành một cậu bé lùn quần ở bên đò, nhưng nói ra câu nào cũng khiến các cụ tấm tắc khen thầm tại sao có người uyên thâm Phật pháp đến như vậy. Phải chăng đây là Thiện Tài Đồng Tử tái sinh?

Có lúc ngài thị hiện thành một cô gái xinh đẹp bán đồ kỷ niệm ở Bến Đục. Người vừa đẹp vừa trang nghiêm, tính tình lại lễ độ, hòa nhã, vui vẻ. Khách hàng nào có trả giá cô cũng chẳng kèo nài. Thắng hoặc nếu có ai không đủ tiền cô cũng vui vẻ bán để "tạo phúc duyên".

Những ai không có tiền mà ham thích đồ kỷ niệm như tượng Phật, chuỗi Bồ Đề cô cũng biểu không và mỉm cười nói "Khi nào có tiền ông/bà trả tôi cũng được" khiến các cụ cứ tấm tắc khen thầm

phải chăng đây là Tiểu Long Nữ hóa hiện?

Có lúc ngài thị hiện thành một gã chuyên giết thú rừng để làm đồ nhậu, món ăn chơi khoái khẩu, bày bán ngay trước bến đò để giáo hóa những kẻ đang hành nghề sát sinh, tàn phá núi rừng cây cỏ và làm ô uế cửa Thiên.

Một ngày kia khi sư đang tọa thiền thì một người nhảy vào, túm lấy vai sư nói:

- Thầy xem tôi có xấu không? Tôi rất khổ vì người đời nói tôi xấu!

Đây là một ông chân tay vạm vọ, khẳng khiu, da nhẵn nheo, tóc thô, mắt to mắt nhỏ, tai nhọn như tai dơi, răng khắp khềnh chìa ra ngoài, môi thâm và trề ra như cái lưỡi thứ hai trông giống như Quỷ Dạ Xoa. Nghe hỏi vậy sư hiện từ đáp:

- Có những người xấu gấp ngàn lần ông. Ông chẳng có chi gọi là xấu cả.

Nghe nói thế ông xấu kia vặn hỏi:

- Thầy thử nói xem những người kia xấu như thế nào?

Sư chậm rãi đáp:

- Những kẻ có tiền của nhưng không phụng dưỡng cha mẹ. Những kẻ tham tài phụ nghĩa. Những kẻ giàu nứt đố đổ vách nhưng không hề bỏ một xu cứu giúp người nghèo khó. Những kẻ khích bác người đạo hạnh, khinh chê Tam Bảo, đổ ky với người xả thân cứu đời, vô tài nhưng lại có máu ghen tị.

Những kẻ hay đâm thọc, ngồi lê đôi mách, thù dết, bịa đặt tin để gây chia rẽ. Những kẻ chuyên loan truyền tin xấu, chê bai dè bĩu thành quả của người khác. Những kẻ ăn chơi đàng điếm, trụy lạc làm băng hoại xã hội, buôn bán, chuyển vận xì ke ma túy làm tiêu ma thế hệ trẻ. Những kẻ lười biếng ăn bám xã hội, sống trên mồ hôi nước mắt của kẻ khác...tất cả những người này mới xấu...chứ ông có gì gọi là xấu đâu?

Nghe nói vậy ông xấu đó lạy tạ sư rồi lui ra. Khi bóng ông vừa khuất thì một người khác hung hăng bước vào. Ông này ai nhìn thấy đều khiếp vía. Ông ta cao lớn dềnh dàng, mặt sơn trắng sơn đen vằn vện như những tay đấu vật ở Hoa Kỳ. Tóc ông ta dựng đứng và tua tủa như những chiếc đinh nhọn. Hai tai ông ta đeo lủng lẳng hai chiếc cồng sắt sỏ tằm. Lỗ mũi ông ta mọc một chiếc nanh heo rừng. Mắt ông ta đeo một miếng da màu đen giống như những tên cướp biển chột mắt. Cổ ông ta xâm trở thành hình con cú. Hai vai ông ta quàng chéo hai vòng đạn đại liên như những tay

cướp hung bạo ở vùng biên giới Hoa Kỳ- Mexico trong những phim Cao Bồi.

Ông ta cười trần, ngực xam trở thành những con thủy quái gớm ghiếc. Hai cánh tay ông ta xam hình hai con rắn hổ mang mà hai bàn tay là hai cái miệng của con rắn, cho nên khi ông ta đưa tay ra, giống như hai con rắn muốn mổ người ta. Ông ta không mặc quần mà quần một chiếc khố bằng da beo. Hai bên đùi xam hình hai cô gái lỏa thể trông giống như yêu tinh, thần nữ. Tay trái ông ta cầm một chiếc móc sắt, tay phải cầm một quả lựu đạn đã mở chốt sẵn. Ông ta đi giày boots cao cổ của Mexico với hai mũi giày có gắn hai chiếc đinh ba, đá ai một cái là lòi ruột. Giọng ông ta khàn khàn giống như giọng của Ngưu Ma Vương khiến đàn bà có thai gặp ông sảy thai, con nít gặp ông ngã ra bất tỉnh. Ông ta bước tới trước mặt sư, chìa cái móc sắt và quả lựu đạn ra, hỏi:

- Thầy có thấy tôi đáng sợ không?

Nghe ông hỏi vậy, sư điềm nhiên đáp:

- Ông chẳng có chi đáng sợ cả. Có ngàn vạn người khác còn đáng sợ hơn ông.

Ông ta ngạc nhiên, vặn hỏi:

- Những người đó có gì mà đáng sợ hơn tôi? Thầy nói thử xem.

Sư đáp:

- Những kẻ mặt mũi đẹp đẽ, ăn mặc sang trọng, nói năng ngọt ngào nhưng trong lòng chứa đầy âm mưu thủ đoạn lường gạt hại người, kẻ đó mới đáng sợ.

Những kẻ hành tà đạo, tôn thờ thần linh, ma quỷ nhưng nói ra toàn chuyện đạo đức giả hình, biến người nghe thành những con cừ non khờ dại, những âm binh để sai khiến kẻ đó mới đáng sợ. Những kẻ quản trị những công ty lớn, miệng nói trung thành, tín nhiệm nhưng gian tham, lường gạt khách hàng khiến cả trăm ngàn người tán gia bại sản, kẻ đó mới đáng sợ. Những kẻ âm mưu thống trị nhân loại nhưng nói ra toàn chuyện đạo đức, nhân nghĩa để lừa mị, kẻ đó mới đáng sợ.

Những kẻ đứng sau lưng những thế lực đen tối, buôn bán nô lệ, đàn bà, trẻ em, đứng đầu những tổ chức trù ma túy, kết thành bè đảng Mafia, không chuyện hung ác nào mà không dám làm, những kẻ đó mới đáng sợ. Những kẻ dùng ngòi bút, diễn đàn như gươm súng để đàn áp người cô thế, đầu độc dư luận, bóp méo sự thật, phỉ báng, vu oan giá họa người lương thiện như thế mới đáng sợ. Còn như ông thì chẳng có gì đáng sợ cả.

Nghe nói thế ông đáng sợ nọ chán nản lui ra. Khi ông vừa bước xuống thêm đá thì một cô gái bước vào, tới trước mặt sư, kiêu hãnh hỏi:

- Tôi là Hoa Hậu Hoàn Vũ. Thầy có thấy tôi đẹp không?

Sư nhẹ nhàng đáp:

- Cô chẳng có chi đẹp cả. Có cả ngàn vạn người còn đẹp hơn cô rất nhiều.

Nghe nói thế cô gái mở tròn đôi mắt, bực bội nói:

- Hoa hậu hoàn vũ là người đẹp nhất trong những người đẹp của thế giới. Thầy nói thử xem những người đẹp hơn tôi như thế nào?

Sư đáp:

- Giữ gìn trang nghiêm giới hạnh là thân đẹp. Ăn ở hiền hòa, thủy chung là nét đẹp. Thấy người ta ngã mà nâng lên, đó là cử chỉ đẹp. Thấy người ta đói cho ăn, rách cho mặc, nghèo túng mà giúp đỡ, đó là tấm lòng đẹp. Phụng dưỡng cha mẹ già, chu cấp người cô quả cô độc, tôn quý các bậc hiền thánh, cúng dường chư tăng ni đó là tâm hồn đẹp.

Thấy người ta lâm nguy, sợ hãi mà nói lời an ủi giúp đỡ, đó là ngôn ngữ đẹp. Không một tà niệm nảy sinh, đó là ý đẹp. Thấy người ta u tối, không hiểu biết mà khai mở trí tuệ, cho học hành chữ nghĩa, đó là trí tuệ đẹp.

Phá vỡ màn vô minh, hướng dẫn chúng sinh vào con đường an vui, giải thoát, đó là cái đẹp tối thắng mà Trời Đấng Thích phải trải hoa tán thán.

Tất cả những cái đẹp này cần phải được phát bằng tuyên dương, ghi vào sử sách, lập bia ghi công, dựng tượng để chiêm ngưỡng. Còn cái đẹp của cô là cái đẹp của sự ham muốn, chiếm đoạt, xoay vần trong vòng sinh tử luân hồi, ngầm chứa khổ đau, sớm nở tối tàn không có chi đáng tán dương cả.

Khi sư nói hết lời, cô Hoa Hậu Hoàn Vũ rầu rĩ lui ra. Nghe nói sau cuộc gặp gỡ này, sư chống gậy trúc, cứ theo đường lên trời ở trong Động Hương Tích mà đi rồi biến mất, người đời mong muốn gặp lại sư cũng chẳng được.

## Dấu chấm đen



# trên tờ giấy trắng

**T**ôi lớn lên như bao chàng trai khác, vẫn hỷ nộ ái ô cuộc đời; biết yêu, biết ghét, biết giận, nhưng chưa bao giờ tôi biết tha thứ cho lỗi lầm của ai và ... tôi nhìn cuộc đời, nhìn mọi người bằng lăng kính của riêng mình! Tôi có cái nhìn rất tinh tế nên tôi dễ nhận ra những điểm không tốt của người đối diện mình và cũng chính vì thế khiến tôi không có bạn nhiều.

Tôi quý mến tất cả, nhưng tôi không tha thứ cho ai dù vô tình hay cố ý chơi không đẹp với mình, và tôi sẽ tìm cách đối xử lại như chính họ đã làm với tôi .... Có thể như thế mà tôi trở thành người khó tánh nhất xóm.

Và một ngày.... Mọi suy nghĩ của tôi thay đổi hết khi một vị Sư về trú tại chùa.

Xóm tôi có một ngôi chùa nhỏ nằm chơi vơi giữa đồng. Ngôi chùa nền đất vách lá ngày ngày chỉ có một vị sư già trông coi. Ngoài việc làm đồng áng, trông coi mảnh vườn và sau những giờ học tôi rất thích đến ngôi chùa này. Giữa không gian yên tĩnh, tiếng chuông, tiếng mõ hòa cùng tiếng tụng kinh của Sư âm vọng giữa không gian tĩnh mịch, khiến lòng tôi yên bình lắm.

Một hôm có một vị sư trẻ về trú tại chùa. Vị sư trẻ có một đôi mắt sáng, sáng đến nỗi bạn có thể soi đường trong bóng đêm và thầy có một nụ cười rất hiền, nụ cười chứa đựng niềm hạnh phúc vô biên.

Tôi thích nói chuyện với thầy, vì ở Thầy tôi không tìm thấy được điểm xấu nào. Như hiểu được mọi suy nghĩ trong đầu tôi, một hôm sau buổi tan trường tôi không về nhà mà chạy thẳng vào chùa để được tụng kinh cùng Thầy khi Thầy cúng chiều. Tôi yên lặng lắng nghe từng lời Thầy tụng vì thầy có một giọng tụng rất hay như cuốn hút lòng người vào từng lời kinh, lời chú nguyện của thầy khi thầy cúng thí thực.

Sau thời kinh, khi mà thầy đã yên vị tọa cụ, Thầy nắm tay tôi dẫn ra sau vườn ngồi vào chiếc bàn gỗ.

Thầy rót cho tôi một tách trà nhạt, rồi Thầy hỏi tôi - Con có nhiều bạn không, sao trẻ em trong xóm thì nhiều mà chỉ mình con vào chùa, mấy em đó đâu sao không đi cùng con?

- Dạ không, con không có bạn nhiều vì họ ai cũng xấu !

- Sao con nghĩ vậy ? Thầy hỏi với vẻ ngạc nhiên

- Vì họ chữ thề, họ hỗn hào, họ lười học, họ lười suy nghĩ.

Thầy xoa đầu tôi cười rồi nói: Để Thầy chỉ cho con điều này.

Rồi Thầy lấy ra một tờ giấy trắng, giấy trắng học trò, Thầy dùng bút lông nhỏ lên tờ giấy một chấm đen thật đen. Thầy giơ tờ giấy lên và hỏi:

- Con có thấy gì không?

Tôi nhanh miệng đáp mà không cần suy nghĩ:

- Dạ bạch Thầy một chấm đen ạ.

Thầy cười hỏi lại: Con nhìn rõ chưa nè?

- Dạ con nhìn thật rõ rồi, bạch Thầy - Tôi khẳng định lại

Thầy cười tươi, nụ cười hiền hòa như chứa đựng cả tam thiên niêm an lạc vô biên:

- Sao con chỉ nhìn thấy chấm đen nhỏ trên tờ giấy trắng mà không nhìn thấy tờ giấy lớn trắng tinh thầy đang cầm?

Tôi lặng im không nói được lời nào.

Thầy tiếp: Con người cũng vậy, không ai là toàn thiện, cho nên Đức Phật mới thị hiện cõi đời này để giúp chúng sanh hoàn thiện tâm mình, giúp chúng sanh thánh thiện hơn, đạt được phật tánh (ngộ nhập Phật tri kiến) vì thế tánh chúng sanh và Phật không khác, chúng sanh cũng sẽ là những vị Phật của tương lai (ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành). Nếu con chỉ chăm chăm nhìn vào cái xấu của họ, con sẽ bỏ lỡ nhiều điểm tốt của họ, cũng như con chỉ nhìn thấy chấm đen trên tờ giấy trắng mà không nhìn thấy được tờ giấy trắng có chứa chấm đen nhỏ!

Nếu con nhìn thấy điểm tốt của họ, con sẽ thấy ai cũng đáng yêu, ai cũng đáng kính cả, đó là tâm Phật trong mỗi con người luôn hiện hữu.

Niềm an lạc, sự yêu mến không phải người khác ban phát cho con mà chính con phải tạo ra nó...

## Những lời dạy cuối cùng của đức Phật

Đức Phật cất tiếng và nhấn nhủ:

« Nay các đồ đệ, các con hãy tự làm đuốc để soi sáng cho các con, hãy trông cậy vào chính sức mạnh của các con; không nên lệ thuộc vào bất cứ ai. Những lời giảng huấn của ta sẽ làm ngọn đuốc dẫn đường cho các con, làm nơi nương tựa cho

các con; không cần phải lệ thuộc thêm vào những lời giảng huấn nào khác nữa.

« Hãy nhìn vào thân xác các con, các con sẽ thấy cái thân xác đó ô uế biết chừng nào. Khi các con hiểu được rằng lạc thú lẫn đớn đau của thân xác cũng chỉ là cội nguồn chung của khổ đau, khi hiểu được như thế, các con sẽ không thể nào tự buông lỏng cho dục vọng chi phối các con.

« Hãy nhìn vào tâm thức các con, các con sẽ thấy cái tâm thức đó biến dạng không ngừng. Vì thế các con sẽ không thể nào tự buông rơi vào chính những ảo giác của tâm thức, để rồi tự duy trì những kiên cố và ích kỷ do tâm thức tạo ra, nhất là khi các con đã hiểu rằng những xúc cảm đó nhất định chỉ mang đến khổ đau mà thôi.

« Hãy nhìn vào tất cả các vật thể chung quanh xem có vật thể nào trường tồn hay chẳng? Có vật thể nào không phải là những cấu hợp sinh ra hay không? Tất cả sẽ gãy nát, tan rã và phân tán. Các con chớ sợ hãi khi nhận thấy khổ đau cùng khắp mọi nơi, hãy noi theo những lời giáo huấn của ta, kể cả sau khi ta đã tịch diệt. Như thế các con sẽ loại bỏ được khổ đau. Thật vậy, cứ noi theo những lời giáo huấn của ta, rồi nhất định các con sẽ trở thành những đồ đệ thật sự của ta.

« Đây là các đồ đệ của ta, những lời giáo huấn ta giảng cho các con, các con đừng bao giờ quên, đừng bao giờ để cho mai một đi. Phải bảo tồn những lời giáo huấn ấy, đem ra nghiên cứu và thực hành. Nếu theo đúng những lời giáo huấn ấy, các con sẽ đạt được an vui.

« Những gì hệ trọng nhất trong những lời giáo huấn của ta là các con phải kiểm soát được tâm thức các con. Hãy gạt bỏ mọi thèm muốn và giữ cho thân xác đứng thẳng, tâm thức tinh khiết và ngôn từ chân thật. Nếu các con biết tự nhắc nhở là cuộc sống của các con chỉ là tạm bợ, các con sẽ đủ khả năng loại bỏ mọi thèm khát và hung dữ đưa đến khổ đau.

« Nếu các con nhận ra được là tâm thức các con đang có xu hướng bám níu hay vướng mắc vào ham muốn, các con phải gạt bỏ ngay sự ham muốn và chặn đứng sự cảm dỗ đó. Các con phải làm chủ được tâm thức các con.

Tâm thức có khả năng biến một con người thành một vị Phật hay một con thú. Khi rơi vào sự lầm lẫn, ta có thể trở thành quỷ sứ, nhưng khi Giác ngộ ta sẽ thành Phật. Vì thế, các con phải kiểm soát lấy

tâm thức các con và không đi lạc ra ngoài Chánh Đạo.

« Để có thể giữ đúng như lời giáo huấn của ta, các con hãy kính trọng lẫn nhau và đừng cãi vã. Đừng bắt chước như nước với dầu xô đẩy lẫn nhau; hãy bắt chước như nước với sữa, có thể hoàn toàn hòa lẫn vào nhau.

Hãy cùng nghiên cứu với nhau, cùng giảng giải cho nhau, thực hành với nhau. Không nên phạm tâm thức của các con và thời giờ của các con trong sự cãi vã hay lời biếng. Hãy hân hoan đón nhận hoa thơm của Giác ngộ vào lúc ra hoa và hái lấy quả ngọt trên Đường Ngay Thật.

« Những lời giáo huấn ta ban cho các con là do nơi kinh nghiệm của chính ta, và chính ta đã noi theo con đường đó. Các con nên tuân theo những lời giáo huấn ấy và giữ đúng như thế dù phải gặp hoàn cảnh khó khăn nào. Nếu các con xao lãng, có nghĩa là các con chưa hề gặp được ta, các con thật sự còn đang ở một nơi nào đó thật xa, dù cho trong lúc này đây các con đang ngồi bên cạnh ta cũng vậy. Nhưng nếu ngược lại, các con chấp nhận và đem ra thực hành những lời giáo huấn của ta, thì dù cho các con ở thật xa trong một chốn tận cùng của thế giới, nhưng cũng giống như các con đang ở bên cạnh ta trong lúc này.

« Hỡi các đồ đệ, phút cuối cùng của ta đã gần kề, phút xa lìa giữa ta và các con không còn bao lâu nữa. Tuy nhiên các con không nên than khóc. Sự sống là một sự đổi thay không ngừng và không có gì cản trở được sự tan rã của xác thân. Cái sự thực đó, ta đang chứng minh cho các con thấy ngay trên thân xác của ta, thân xác ta sẽ tan rã như một cỗ xe hư nát. Đừng than khóc một cách vô ích, trái lại các con phải hân hoan khi nhận ra được cái quy luật biến đổi ấy và hiểu được rằng sự sống của con người chỉ là trống không mà thôi. Đừng cố gắng duy trì cái khát vọng phi lý, mong muốn những gì tạm bợ phải nhất định trở thành trường tồn.

« Con quỷ của những dục vọng thế tục luôn luôn tìm cách đánh lừa tâm thức các con. Nếu có một con rắn độc trong phòng, các con sẽ không thể nào ngủ yên nếu chưa đuổi được nó ra ngoài. Các con phải cắt đứt những mối giây ràng buộc của thèm khát thế tục và rút bỏ những mối giây đó như các con đã đuổi bỏ con rắn độc ra khỏi phòng. Các con phải bảo vệ thật cẩn thận tâm thức các con.

« Đây các môn đệ của ta, giây phút cuối cùng của ta đã đến, tuy vậy các con phải hiểu rằng cái chết chỉ là sự tan rã của xác thân vật chất mà thôi. Thân xác được cha mẹ sinh ra, nó lớn lên nhờ thức ăn, nó không có cách gì tránh khỏi bệnh tật và cái chết. Một vị Phật đích thực không mang thân xác con người, mà vốn vẹn chỉ là sự Giác ngộ. Chỉ có sự Giác Ngộ mà thôi. Thân xác con người phải tiêu tan, nhưng Trí tuệ của Giác ngộ sẽ trường tồn vô tận trong thực thể của Đạo Pháp, trên con đường tu tập Đạo Pháp. Nếu có ai chỉ thấy thân xác ta thì kẻ ấy không thấy ta một cách thật sự. Chỉ có người nào chấp nhận những lời giáo huấn của ta mới thật sự nhìn thấy ta.

« Sau khi ta tịch diệt, Đạo Pháp thay ta làm vị thầy cho các con. Biết nơi theo Đạo Pháp, ấy chính là cách các con tỏ lòng trung thành với ta. Trong bốn mươi lăm năm sau cùng trong cuộc đời của ta, ta không hề dấu điểm điều gì trong những lời giáo huấn. Chẳng có một lời giáo huấn nào bí mật, không có một lời nào mang ẩn ý. Tất cả những lời giảng của ta đều được đưa ra một cách ngay thật và minh bạch.

« Đây các con yêu quý của ta, đây là giây phút chầm dứt. Trong một khoảnh khắc nữa ta sẽ nhập vào Niết bàn. Những lời này là những lời dặn dò cuối cùng của ta cho các con ».

Trích từ bài viết: "NHỮNG LỜI CUỐI CÙNG CỦA PHẬT"

## **RỒNG CŨNG MUỐN QUY Y TAM BẢO-HỘ TRÌ PHẬT PHÁP.**

**HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA TIẾT LỘ SỰ THẬT VỀ RỒNG!**

**H**ình dáng của rồng thật sự ra sao? Ngoại trừ các bậc thánh nhân đã khai Ngũ Nhân, đa số người đời đều không biết mặt mày thật sự của rồng. Trung Quốc người ta vẽ rồng thường là đầu có sừng, mình có vảy, mắt lồi, miệng lớn, có râu mép, có bốn chân, thân hình rất dài, đuôi rất ngắn. Người vẽ rồng chỉ vẽ đầu Bởi đã có một vị Thiên Sư trong khi nhập định thì trông thấy hình tướng của rồng như thế. Rồng có thân thông, biến hóa khôn lường, có thể biến lớn biến nhỏ, lúc ẩn lúc hiện. Lục Tổ Đại Sư đã từng dùng bát ăn cơm của Ngài để hàng phục một con rồng lớn và trừ được tai nạn cho Chùa Nam-Hoa.

Khi còn ở Đông Bắc, hòa thượng Tuyên Hóa có thân nhận một người đệ tử tên là Quả Thuần. Anh

ta rất dụng công tu hành và chưa tới nửa năm đã có thể ngồi Thiền mà nhập Định được. Trong lúc nhập Định, anh ta có thể biết được đạo lý nhân quả tuần hoàn báo ứng; công phu tu trì của anh kể như gần tới nơi tới chốn. Về sau, anh ta ra ngoài tự cất một căn nhà tranh làm nơi tu hành. Ngày làm xong nhà tranh, anh mời ngài tới khai quang. Ngài cùng bốn người đệ tử nữa tới đó (trong bốn người ấy có hai người đã mở Ngũ nhân). Lúc ấy ngài không để ý là bên cạnh nhà tranh có ngôi miếu Long-vương.

Ngày hôm đó thì có chuyện xảy ra: khi mọi người sắp ngồi Thiền thì hai người đệ tử đã mở Ngũ nhân nọ đến nói với hòa thượng: "Bạch Sư phụ! Có mười con rồng đến xin quy y Sư phụ, hiện còn chờ bên ngoài nhà tranh!"

Ngài nói với mấy người đệ tử: "Các ông không được nói bậy! Sao các ông biết họ là rồng? Họ quy y tôi làm gì chứ? Tôi làm sao có thể làm Sư Phụ của họ được? Tôi không có bản lãnh cao cường như họ!"

Họ nói: "Bọn họ tự xưng là rồng, hiện đang quỳ bên ngoài, nhất định xin quy y Sư phụ."

Bấy giờ đang vào mùa hạ, trời hạn hán, không mưa, lúa mạ ngoài đồng gần như chết khô cả. Hòa thượng mới nói với các vị rồng (hóa thành người) ấy rằng: "Các vị muốn quy y tôi cũng được, song tôi có một điều kiện. Các vị là rồng, chuyên lo việc làm mưa, mà hiện tại vùng Hợp Nhĩ Tân đã lâu không có mưa nên khô hạn vô cùng. Ngày mai nếu có mưa, thì ngày một tôi sẽ cho các vị thọ Quy Y; nếu không thì tôi không nhận các vị làm đệ tử!"

Chúng đồng thanh đáp: "Bạch Thầy! Đành rằng nhiệm vụ chúng tôi là làm mưa; nhưng không có lệnh của Ngọc-hoàng Đại-đế thì chúng tôi không dám làm mưa, vì nếu trái lệnh thì sẽ bị trừng phạt."

Ngài nói: "Các vị hãy tới trước Ngọc-hoàng Đại-đế thưa rằng: 'Tại Hợp Nhĩ Tân có một người xuất gia thỉnh cầu hãy cho mưa xuống trong vòng bốn mươi dặm xung quanh Hợp Nhĩ Tân.' Đó là điều kiện của tôi."

Ngày hôm sau quả nhiên trời mưa lớn và hết nạn hạn hán. Khắp nơi trong vòng bốn mươi dặm xung quanh Hợp Nhĩ Tân đều được trận mưa rào. Ngày tiếp theo, ngài cho mười con rồng ấy thọ Quy Y và đặt Pháp danh chung cho chúng là Cấp

Tu. Sau khi quy y thì những con rồng ấy ẩn hình, không thấy nữa.

Chúng đã đi hóa độ đồng loại của chúng.

Từ đó về sau, bất luận là hòa thượng đi tới nơi nào thì nơi ấy đều có nước để dùng! Hòa thượng tới Hương Cảng thì Hương Cảng có nước; tới Vạn Phật Thánh Thành thì Vạn Phật Thánh Thành cũng có nước. Đó không phải là kỳ tích xuất hiện, mà chính là do mười con rồng này cùng quyền thuộc của chúng hộ Pháp.

Có người hỏi: "Bạch Sư phụ! Sư Phụ nhìn thấy mười con rồng ấy hình dạng ra sao?"

Ngài đáp:

“Khi đến quy y tôi thì những con rồng ấy điều biến hóa thành người, giống hệt như người thường vậy, chẳng có khác biệt cả; chỉ có người đã mở Ngũ Nhân thì mới biết đó là rồng thôi. Các bạn muốn biết rồng ra sao ư? Thế thì hãy mau mau dụng công tu Đạo, chuyên tâm ngồi Thiền, bớt khởi vọng tưởng, đừng nên nổi nóng, và bất luận gặp phải nghịch cảnh hay thuận cảnh thì cũng đều nên nhẫn nại, chớ sanh lòng tham luyến. Khi đạt tới cảnh giới "nhất niệm bất sanh, nhất trần bất nhiễm" (một ý niệm cũng không sanh, một hạt bụi cũng chẳng dính) thì tự nhiên Ngũ Nhân sẽ khai mở. Bây giờ, các bạn sẽ thấy tường tận mặt mày của rồng!”

## hào quang tỏa sáng khi niệm Phật

**C**ó hai vị Lạt-Ma là Ajo và Reto cùng theo học một thầy. Reto là một học giả tinh thông Kinh điển, có thể giảng giải, trích dẫn hầu như tất cả sách vở một cách dễ dàng, trong khi Ajo chỉ chuyên tâm Lễ Bái và Thiền Định.

Lạt Ma Reto ghi danh vào Đại Học Drepung, tốt nghiệp thủ khoa, trở nên một Pháp Sư nổi tiếng của Tây Tạng, trong khi Lạt Ma Ajo vẫn ẩn tu tại làng Chumbi.

Sau nhiều năm không gặp nhau, một hôm Pháp Sư Reto có dịp công du qua làng cũ. Nhớ đến người huynh đệ đồng môn, ông ghé lại ngôi chùa xưa thăm hỏi. Gặp nhau cả hai đều mừng rỡ chuyện trò vui vẻ, Reto bèn hỏi Ajo đã tu học đến đâu. Lạt Ma Ajo thành thật thưa rằng: “Bao năm nay chỉ chuyên

tụng một bộ Kinh A Di Đà mà thôi”. Pháp Sư Reto lắc đầu than cho chú em quê mùa hủ lậu, Kinh điển thiên kinh vạn quyển không đọc mà chỉ đọc tụng có một bộ Kinh tâm thường mà gần như ai cũng biết. Reto bèn giảng giải cho Ajo một hồi về những pháp môn cao siêu cho đến tận khuya mới đi ngủ.

Vừa chợp mắt ít lâu, ông đã giật mình tỉnh giấc vì thấy ánh sáng ở đâu chói loà cả một vùng. Ánh sáng này phát ra từ phía chánh điện ngôi chùa nên ông ngạc nhiên rời trú phòng bước ra xem thế nào.

Ông thấy Lạt Ma Ajo đang chấp tay đánh lễ, trì tụng Hồng Danh Đức Phật A Di Đà nhưng quanh ông này hào quang sáng rực cả chánh điện. Ông thấy trong hào quang đó có một ao sen lớn bằng các thứ ngọc báu với những lâu đài, dinh thự toàn bằng vàng. Ngoài ra, còn có những giống chim lạ cất tấu lên những điệu nhạc hoà nhã, vi diệu nghe như tiếng giảng Kinh, rồi trời đổ mưa hoa, những bông Mạn Đà La rơi xuống ao báu toả ánh sáng khắp nơi.

Pháp sư Reto nín thở theo dõi cho đến khi Lạt Ma Ajo trì tụng xong bộ Kinh A Di Đà thì linh ảnh đó mới biến mất. Quá xúc động, Reto vội bước vào hỏi làm sao Ajo lại có được thần thông như vậy. Lạt Ma Ajo cho biết ông không hề có thần thông gì cả mà chỉ chuyên tâm trì tụng sáu chữ Hồng Danh mà thôi.

Lạt Ma Reto lại hỏi: “Nhưng ta thấy hào quang sáng ngời trong chánh điện và những linh ảnh lạ lùng. Chắc chắn chú phải có những phương pháp tu luyện gì nữa chứ?”

Lạt Ma Ajo cho biết không hề áp dụng một phương pháp gì ngoài việc gìn giữ Thân-Khẩu-Ý cho thật thanh tịnh, trang nghiêm để trì tụng Hồng Danh Phật A Di Đà mà thôi.

- Làm sao có thể như vậy được? Như ta đây lâu thông Kinh điển, tu tập bao năm nay mà đâu đã có kết quả gì? Lạt Ma Reto thắc mắc.

- Có lẽ huynh chỉ đọc văn giải nghĩa để thoả mãn trình độ trí thức giỏi biện luận như 1 nhà thông thái mà thiếu hành trì, không chí thành cung kính, đọc Kinh còn nghi ngờ, chỉ trọng về Lý Tánh mà không chuộng sự tu dưỡng Thân-Tâm chẳng? Như em đây thì chuyên tâm tin tưởng vào lời khuyên dạy của Chư Phật, tin rằng có cõi Tây Phương Cực Lạc, tin vào Đại Nguyện của Phật A

Di Đà và tha lực tiếp dẫn của Ngài, rồi chí thành nguyện cầu sẽ được sinh sang cõi nước Cực Lạc (Tín-Nguyện-Hạnh).

Pháp Sư Reto bưng bình vôi vãi chắp tay đánh lễ người em đã khai ngộ cho mình. Ông trở về Lhasa trình bày sự việc cho Đức Đạt Lai Lạt Ma, rồi xin từ chức Pháp Sư về nhập thất tu Thiền trong dãy Tuyết Sơn.

Đức Đạt Lai Lạt Ma truyền lệnh cho xây một ngôi Chùa nguy nga rộng lớn để xứng đáng với công đức tu hành của một vị Cao Tăng và phong cho Lạt Ma Ajo chức Hoà Thượng (Rinpoche). Tuy nhiên, Hoà Thượng Ajo không thích việc có một ngôi chùa riêng như vậy, ông chỉ muốn tiếp tục sống trong ngôi chùa nhỏ bé nơi thung lũng Chumbi mà thôi. Vị quan trông coi việc xây cất lấy làm lạ bèn hỏi tại sao, thì Ngài cho biết dù chùa cao to đẹp đẽ, dù cung vàng điện ngọc cũng chỉ là hình thức bên ngoài, hữu sinh hữu hoại, nay còn mai mất, không thể so sánh với cảnh giới của cõi Cực Lạc được.

Sau cùng, người ta đành mời Ngài về trụ trì Chùa Tse Cholin, một ngôi chùa lớn trong vùng, vì vị trụ trì tại đây đã qua đời trước đó ít lâu. Hoà Thượng Ajo nhận lời quản trị ngôi chùa này nhưng vẫn tiếp tục sống tại ngôi chùa nhỏ bé cũ gần đó, vì ông biết rằng vị trụ trì Tse Cholin sẽ Hoá Thân trở lại đây trong một thời gian không lâu nữa.

Theo Hoà Thượng Ajo, thì Đức Phật đã chỉ dẫn rất nhiều Pháp môn khác nhau, các đệ tử tùy theo căn cơ trình độ lãnh hội mà tu hành được giải thoát. Tuy nhiên vì biết vào thời Mạt Pháp (Kali Yuga), chúng sanh nghiệp sâu, trí mỏng khó có thể trông cậy vào tự lực cá nhân mà giải thoát, nên Đức Phật đã truyền dạy riêng một phương pháp giản dị là Pháp môn Niệm Phật cầu Vãng Sanh. Pháp môn này giản dị mà công năng vô cùng mầu nhiệm, bất khả tư nghì, vì ngay như Đức Di Lạc chỉ còn một Kiếp nữa sẽ thành Phật mà Ngày Đêm sáu thời còn đánh lễ, trì niệm Hồng Danh Chư Phật.

Theo Hoà Thượng Ajo, thì cách trì tụng Hồng Danh phải đặt căn bản trên sự chí thành, khẩn thiết thì mới được Cảm Ứng. Dù làm đúng các Nghi thức nhưng tâm không thành thì khó có kết quả gì, tóm lại vấn đề trọng yếu vẫn là ở TÂM. Ngài chỉ phương pháp Quán

Tướng, là lúc nào cũng giữ trong Tâm hình ảnh của Đức Phật A Di Đà và cảnh giới cõi Cực Lạc mà trong đó bất cứ thứ gì cũng phát ra hào quang sáng chói, nơi mà tiếng gió thổi, chim hót, lá cây rụng cũng phát ra những Diệu Âm. Ngài cho biết làm sao để lúc Đi-Đứng-Nằm-Ngồi cũng đều chú tâm vào hình ảnh Đức Phật A Di Đà cho đến lúc thật thuần thục, không thấy có mình là Người Niệm Phật và Phật là một Vị mà mình đang Niệm, chỉ có một ánh sáng vô tận, vô lượng chiếu soi. Niệm đến chỗ Vô Niệm, cho đến Nhất Tâm Bất Loạn, thì sẽ được cảnh giới bất khả tư nghì.

Hoà Thượng Ajo cho biết 6 chữ Hồng Danh A Di Đà Phật có một oai lực vô cùng rộng lớn với những Mật nghĩa sâu xa, mà chỉ có Phật với Phật mới hiểu rõ cùng tận mà thôi. Phật A Di Đà là Pháp giới tàng thân, bao nhiêu công đức của Chư Phật trong mười phương pháp giới, nơi một Đức Phật A Di Đà đều đầy đủ cả. A Di Đà có nghĩa là nguồn sáng vô tận (Vô Lượng Quang), tuổi thọ vô lượng (Vô Lượng Thọ); hay nói theo nghĩa khác là bao gồm toàn thể không gian (ánh sáng) và thời gian (tuổi thọ) tượng trưng cho chân lý tuyệt đối bất khả tư nghì.

Trích Đường Mây Qua Xứ Tuyết của Lama Anagarika Govinda, Việt văn của Nguyễn Phong Vân

## Tích chuyện cô gái quay tơ

Vào một thời kia, Đức Phật du-hành đến xứ Anh-huy, trong một kỳ giảng-pháp, có đề-cập đến một cô gái quay tơ.

Đạo ấy, sau buổi lễ trai-tăng ở Anh-huy, Đức Phật có giảng-pháp cho dân-chúng nghe. Hôm ấy,

Ngài giảng-dạy về sự vô-thường của thân-tâm năm uẩn. Ngài nói: "Cuộc sống của ta thì vô-thường, còn sự chết lại là thường. Chắc-chắn rồi đây có ngày ta sẽ chết, đời ta chầm-dứt bằng sự chết-chóc. Cho nên, sống là vô-thường, còn chết là

thường vậy." Đức Phật khuyên mọi người nên nhận rõ bản-thể chơn-thật của năm uẩn, chúng tạm-thời hoà-hiệp nhau mà thành sự sống, đến

### Thông báo

Vừa qua tại Thánh địa Bồ Đề Đạo Tràng nơi đức Phật thành đạo, bị hồi giáo đánh bom, khiến cho vài vị Sư bị thương, sự an ninh lỏng lẻo, nên Chùa Kim Quang sẽ **huỷ bỏ** chuyến hành hương Ấn Độ, tháng 11/2013 sắp tới, hẹn lại những năm tới.

khi chúng rời nhau ra là cái chết đã tới nơi. Ngài nhân mạnh: "Nhu một người cầm trong tay một cây gậy hay một ngọn chia nhọn sẵn-sàng đối-phó với kẻ thù, hay với một con rắn độc, người đời phải luôn luôn tỉnh-giác và trầm-tĩnh để đối-diện với cái chết. Có như thế, đến lúc ra đi vĩnh-viễn, mới chọn theo được đường lành." Lời giảng-dạy đó của Đức Phật chỉ được một số ít người lưu-tâm đến, trong số này, có một cô gái mười sáu tuổi, chuyên việc quay tơ cho cha dệt lụa. Sau buổi thuyết-pháp, Đức Phật lên đường trở về chùa Kỳ-viên.

Bằng đi ba năm, một hôm Đức Phật nhập-định, quan-sát khắp pháp-giới, Ngài quán-thấy đã đủ cơ-duyên cho cô gái quay tơ năm xưa chứng được quả-vị Tu-đà-huờn. Ngài liền lên đường trở lại xứ Anh-huy, để giảng Chánh-pháp một lần nữa. Hay tin Đức Phật đến xứ mình, cô gái quay tơ muốn đến ngay để nghe pháp; nhưng còn phải mang ba cuộn tơ đến xưởng dệt cho cha cô đang chờ. Trên đường đến xưởng, cô đi ngang qua nơi giảng-pháp, dừng lại, ngồi xuống phía ngoài, tai lắng nghe lời Đức Phật. Đấng Thế-tôn nhìn thẳng vào cô gái, Ngài vừa quán-thấy cô gái sẽ tử-nạn ngay sau khi gặp cha, nếu chờ đến bận quay về thì lỡ mất cơ-hội để nghe được Chánh-pháp. Ngài liền ngưng nói, ngẩng nhìn chăm-chú vào cô gái. Cô gái liền bạo-dạn lách đám đông, đặt giò tơ xuống đất, quì trước Đức Phật mà đảnh-lễ. Đức Phật liền hỏi cô bốn câu và cô lễ-phép đáp ngay như sau:

1. Hỏi: Cô từ đâu tới?

- Đáp: Con chẳng biết.

2. Hỏi: Cô đi về đâu?

- Đáp: Con chẳng biết.

3. Hỏi: Cô biết không?

- Đáp: Vâng, con có biết.

4. Hỏi: Cô biết được không?

- Đáp: Không, con chẳng biết được.

Nghe lời đối-đáp của cô gái quay tơ, Đức Phật tỏ vẻ hài-lòng, nhưng các người ngồi nghe pháp lại chẳng hiểu ý-nghĩa thâm-sâu của bốn câu hỏi và bốn câu trả lời. Đức Phật liền bảo cô gái giải-thích, cô đã hiểu ra sao mà trả lời như thế.

Cô gái thưa: "Bạch Thế-tôn, về câu hỏi thứ nhất, Ngài đã biết con từ nhà con mà tới đây, mà còn hỏi con, từ đâu tới?, con nghĩ ý Ngài muốn hỏi con, từ kiếp nào mà tới đây?, vì thế mà con đã thưa, con chẳng biết. Về câu hỏi thứ hai, con nghĩ khi hỏi con đi về đâu là ý Ngài muốn hỏi con có biết chăng, kiếp sau đi về đâu?, nên con thưa, con chẳng biết. Về câu hỏi thứ ba, Ngài hỏi con có biết

không?, con nghĩ ý Ngài muốn hỏi con có biết mình sẽ chết không?, nên con mới đáp, Vâng, con có biết. Về câu chót, Ngài hỏi, có biết được không? Con nghĩ ý Ngài muốn hỏi con có biết được lúc nào sẽ chết không? Nên con mới trả lời, con chẳng biết được."

Đức Phật khen-ngợi cô gái quay tơ đã đáp rõ-ràng các câu hỏi đúng theo ý Phật, Ngài liền nói với các người ngồi nghe: "Trong số quý vị ngồi đây, cũng có ít người đã hiểu thấu ý-nghĩa sâu-xa các lời giải-đáp của cô thiếu-nữ quay tơ này. Những ai còn mê-mờ chẳng biết thì đang sống trong cảnh tối-tăm như kẻ mù-loà."

Rồi Đức Phật mới nói lên bài kệ sau đây, nhờ đó mà cô gái quay tơ chứng được quả-vị Tu-đà-huờn:

Thế-gian này đầy người mù-quáng  
Biết trông xa, loáng-thoáng vài người.  
Như bầy chim, ít con thoát lưới  
Thật hiếm người lên tới Thiên-đàng.  
(Kệ số 174.)

Sau đó, cô gái quay tơ lên đường đến xưởng dệt lụa. Cha cô chờ lâu đang ngủ gục bên khung cửi, nghe tiếng cô gọi, giựt mình thức dậy, tay quờ-quạng đụng nhằm chót cửi, đánh bật văng con thoi ra, trúng mạnh vào ngực cô. Cô té xuống đất và thở hơi cuối cùng, đúng như lời tiên-đoán tai-nạn của Đức Phật. Cha cô hoảng-hốt đỡ con lên, nhưng chậm mất rồi. Ông khóc nức-nở, rồi bỏ nghề, vào chùa xin làm tỳ-kheo. Chẳng bao lâu, ông chứng được quả-vị A-la-hán.

### Ngồi im như Bụt

Ngồi im như ông Bụt  
Ai nói gì mặc kệ  
Ai khen ta không vui  
Ai mắng ta không buồn.  
Buồn vui là đối đãi  
Bận lòng mà làm gì  
Cho thêm nhiều phiền não  
Thế gian có vui buồn.  
Còn Phật không buồn vui  
Buông bỏ hết mọi thứ  
Nên không còn vướng mắc  
An lạc và tự tại  
Giải thoát mọi ràng buộc.....

hằng lý

# Vie et œuvre prédicante du Vénérable Maître Hsuan Hua

La suite

## 18 - La petite cabane ininflammable

**L**a période des trois ans de piété filiale touchait presque à sa fin. Un soir, au coucher du soleil, les villageois aperçurent soudain, un faisceau de lumière surgir de la petite cabane du Vénérable, la flamme s'éleva à environ trente mètres de hauteur, éclairant toute la région comme s'il faisait jour ; Paniqués, ils se mirent tous à crier :

« Au feu ! La cabane du Vénérable est en flamme ! Elle brûle ! Vénérable Maître Đô-Luân est en danger ! »

Ils prévinrent les autres, tous se précipitèrent au cimetière, emportant des récipients d'eau pour éteindre l'incendie. Arrivés près de la tombe, ils s'aperçurent que c'était une fausse alerte, la petite cabane était intacte, Le Vénérable en train de réciter calmement et sereinement le Nom du Bouddha à côté d'une petite lampe-à-huile. C'était un événement extraordinaire, merveilleux, et indiscutable. N'est-ce pas ?

## A19. Rencontre avec Maître Đô-Công dans un rêve (Vénérable Đô-Luân)

Quoique, vivant dans une petite cabane isolée à côté de la tombe de sa mère pour observer sa piété filiale au milieu d'une terre aride et déserte, les gens venaient LE solliciter pour ses connaissances de plus en plus nombreux et LUI demander de prendre refuge auprès du Triple-Joyau, soit parce qu'IL les avait guéris, soit par affection mêlée d'admiration pour ses nobles vertus et sa pratique de piété filiale. La petite cabane s'est transformée, petit à petit en un temple de cultes le plus fréquenté et le plus vénéré de toute la région.

Après la période de deuils de trois ans, IL venait s'installer dans la grotte Di-Đà située à l'Est de la montagne Trường-Bạch, un endroit où la végétation était dense et luxuriante, les arbres poussaient pêle-mêle, où vivaient d'innombrables oiseaux et animaux sauvages, aucune trace de vie humaine, un endroit qui convenait parfaitement aux ermites qui pratiquaient l'austérité. Là, IL se plongeait dans La Méditation, pratiquait

l'Ascétisme, ne consommant que des légumes sauvages et de l'eau de source, satisfait dans ce paradis terrestre. De temps en temps, IL descendait de la montagne pour se ravitailler de l'huile, des baguettes d'encens, et des choses nécessaires.

Une fois, sur le chemin menant au centre ville, en passant par la bourgade Lạp-Lâm, village de Bôi-Âm-Hà, IL s'est arrêté chez un nommé Quan-Trạm-Hải, ensuite chez l'oncle de ce dernier : Quan-Trung-Hi. Celui-ci était un Maître hétérodoxe enseignant souvent des théories secrètes, mystérieuses appelées : « Đao-Nhiếp-Duyên ». Il groupait plus de quatre mille adeptes. Il déclarait à ses disciples qu'il tenait en sa possession, des centaines d'objets précieux, dont chacun valait mille sapèques, car ces objets précieux ne possédaient que le Nom mais pas la Réalité, il disait : « Le moment n'est pas encore arrivé, je ne peux pas vous les confier. Attendez jusqu'au bon moment, le moment où le monde changera, alors, vous les recevrez ».

Néanmoins, arrivé à la cinquantaine, Quan-Trung-Hi réalisa que la richesse et l'honneur de ce monde n'étaient, en aucun cas, une garantie pour sa longévitité, et sachant sa mort prochaine, et de crainte de ne plus avoir le temps pour pratiquer une Religion, alors accompagné de son neveu, il se mit en route à la recherche d'un bon pratiquant « à la vue clairvoyante », une personne « aux yeux brillants » capable de le guider dans la pratique de La Méditation. Durant trois longues années, l'oncle et le neveu erraient par toutes les contrées, à la recherche d'un bon Maître, rendaient visite à tous les grands maîtres renommés dans tous les monastères célèbres, les grands lettrés des grandes Ecoles, les grands ascétiques dans les grottes montagneuses, pourtant, ils ne trouvaient personne capable de leur enseigner la pratique de la Méditation ; complètement déçus, ils abandonnèrent et rentrèrent chez eux.

Dès qu'il a vu Maître Đô-Luân Quan-Trạm-Hải tira son oncle de côté et lui dit :

- « Oncle Trung-Hi ! qui est ce moine ? Vous le connaissez ? »

- « Bien sûr ! Depuis longtemps, j'ai entendu sa réputation, c'est le célèbre Maître An-Từ, celui

qui a pratiqué la piété filiale à côté de la tombe de sa mère. »

- « C'est étrange ! Cette nuit, j'ai rêvé précisément de ce Maître du Dharma. Il est venu ici, Il s'est même assis sur ce lit en brique. Je me suis mis à genoux devant LUI et LUI ai sollicité de nous enseigner une pratique religieuse. IL m'a dit : La couche de peau sur ton corps doit être retirée et jetée avant que tu puisses pratiquer une religion. Ayant à peine terminé sa phrase, de sa main, il tira de ma tête, un morceau de peau et le jeta par terre. C'était précisément de la peau de cochon. Ensuite, IL a rajouté : « Tu n'es pas végétarien, tu as mangé trop de porc, dans l'avenir, tu te réincarneras en porc ». J'ai eu tellement peur que j'ai crié : « Non ! Non ! Le porc est si sale ! Si stupide ! » J'ai été tellement bouleversé que je me suis réveillé. Je viens de rêver de ce Vénérable cette nuit, et aujourd'hui IL arrive ici, est-ce un bon ou mauvais présage ? »

Extrêmement surpris, l'oncle l'interrogea :

- « C'est vrai ? C'était ainsi dont tu as rêvé ? C'est sûrement un bon présage. Maître du Dharma Đô-Luân considère toujours que la propagation du Bouddha dharma relève naturellement de sa responsabilité ; et à l'égard des êtres vivants, IL observe, examine et enseigne selon la capacité de chacun. Je me suis déjà prosterné devant son image, mais je ne L'ai jamais encore rencontré. Aujourd'hui, IL se présente ici, devant moi, probablement, parce que, à force d'avoir vénéré Bouddha de toutes mes forces, de tout mon cœur, si bien qu'aujourd'hui, j'obtiens une réponse positive. »

L'oncle et le neveu se jetèrent à genoux, se prosternèrent devant LUI et LE sollicitèrent de leur enseigner le principe d'une pratique religieuse. Tout d'abord, pensant que lui-même, n'était qu'un jeune Sadi, il n'osait accepter de disciple, IL les a présentés à plusieurs bons pratiquants, mais ils insistaient pour devenir ses disciples. Finalement, IL leur proposait :

- « Bon d'accord, d'abord, exercez-vous à vous asseoir en position du lotus, et puis après, on verra ».

Par la suite, ils s'exerçaient tous les jours. Le neveu y arrivait facilement, mais l'oncle rencontrait des difficultés, car ses os étaient vieux donc rigides. Dans le Nord-Est de la Chine, les montagnards possédaient de grosses rotules. Quand

ils s'asseyaient en pliant les jambes, leurs genoux et rotules restaient à trente centimètres au dessus du sol. Néanmoins, l'oncle essayait de toutes ses forces d'écraser ses genoux de haut en bas, en dépit de toutes les douleurs que cela lui causait, se disant qu'au bout de soixante dix jours il réussirait à s'asseoir en position du lotus.

Au bout de soixante dix jours, Maître Đô-Luân revenait, voyant que les genoux de l'oncle s'enflaient, et lui faisaient tellement mal qu'il ne pouvait même pas enjamber une petite flaque d'eau, alors IL lui disait :

- « Vous devriez cesser d'exercer la position du lotus. Au fait, est-ce que vous l'exercez encore ? »

- Absolument, mon Maître »

- « Ça suffit, vous ne devriez pas continuer »

- « Qu'est-ce que vous dites ? J'ai déjà un pied dans la tombe. Si je ne m'exerçais pas maintenant, quand pourrais-je le faire ? Qu'attendais-je encore au point où j'en suis ? C'est pourquoi, en dépit de toutes les douleurs que cela puisse m'infliger, je dois m'exercer de toutes mes forces pour y arriver. Si j'en mourrais, ce serait un autre problème. Mais maintenant, je vis encore donc je dois continuer à m'exercer. »

- « C'est comme vous voudrez. »

Au bout de cent jours, Maître Đô-Luân revenait, voyant que ses genoux n'étaient plus enflés, IL lui demandait :

- « Vous avez peut-être cessé d'exercer la position du lotus ? »

Quan-Trung-Hi répondit en souriant :

- « J'ai réussi la position du lotus. Aujourd'hui, je peux m'asseoir aussi longtemps que je veux, mes genoux ne me font plus mal, ils ne s'enflent plus. »

Maître Đô-Luân disait alors :

- « Aujourd'hui, je peux commencer à vous enseigner la méthode pour pratiquer une voie religieuse. Savez-vous pourquoi énormément de gens pratiquent mais sans jamais parvenir à l'Eveil ? C'est parce qu'ils possèdent tellement d'illusions. Celles-ci perturbent la vraie nature originelle, poussent les gens à s'attacher facilement aux formes. Quand l'esprit est pris, pieds et poings liés, dans cet engrenage de désirs sentimentaux, surgissent, puis s'enchaînent alors des désirs, l'esprit finit par se remplir de toutes sortes d'afflictions. Autrement dit, quand surgissent des illusions, apparaissent forcément



des afflictions, tout cela perturbe le corps et l'esprit. Résultat, l'être humain est toujours insatisfait, malheureux, jamais de bonheur ! Il patauge indéfiniment dans cet océan de naissances et de morts (cycle du Samsara) sans aucun espoir de s'en libérer, s'éloignant ainsi de plus en plus du Juste Chemin. La mer des souffrances est immense, illimitée, néanmoins, si nous saurons nous retourner, nous parviendrons au rivage de l'Eveil, du Nirvana, récupérerons notre Visage Originel. L'essentiel c'est d'être très vigilants dans chacune de nos pensées, comme une poule qui couve ses œufs, un chat qui guette une souris, un dragon qui garde précieusement sa perle ; en peu de temps, naturellement arriveront de bons résultats. »

Après ces instructions, Maître Đô-Luân leur transmit la Prise de Refuge au Triple-Joyau, et leur enseigna en détails : la pratique SPIRITUELLE.

Leurs vœux exaucés, l'oncle et le neveu s'en réjouissaient, ils s'y investissaient corps et âme sans relâche, sans repos, sans la moindre paresse, selon ses instructions.

Quelques années plus tard, un jour Quan-Trung-Hi fit venir toute sa famille, leur prédit sa mort prochaine, il leur dit :

- « Tel jour, telle heure, je m'en irai, ma dernière et seule volonté c'est de revoir mon Maître, mais, à cette heure-ci, où peut-IL être ? Je n'en ai aucune idée. »

Enfin, ce jour prévu arriva. Assis en position du lotus, il mourut sereinement en récitant le Nom du Bouddha Amitaba sans la moindre maladie. Cette nuit-là, plusieurs villageois faisaient le même rêve. Dans leur rêve, ils voyaient deux jeunes garçons habillés en bleu, accompagner Quan-Trung-Hi voler dans le ciel en direction de l'Ouest.

Plus tard, en suivant Maître Đô-Luân sur un terrain vague, le neveu se jeta à genoux devant LUI, et en tirant sa manche, LE supplia d'être son disciple. Maître Đô-Luân dégagea sa main, et voulut partir. Mais le jeune garçon, bien déterminé, insista :

- « Je resterai à genoux ici, jusqu'à ce que vous m'acceptiez comme disciple. »

Devant une telle volonté, Maître Đô-Luân n'avait pas d'autre choix que de l'accepter. Depuis ce jour, quoique sa famille ne soit pas tellement riche, pourtant, à chaque nouvel an, Quan-Trạm-Hải

n'oubliait jamais de LUI présenter respectueusement une petite offrande en guise de piété et de reconnaissance envers son Maître, Celui qui l'avait libéré de cette peau de cochon dans un rêve lointain.

# Un grand merci à la vie

**J**eudi dernier, c'était la fête de Thanksgiving aux Etats-Unis. J'ai l'honneur de vous inviter à lire cet article écrit par Hoàng-Thanh spécialement pour la fête de Thanksgiving de cette année.

Elle s'appelle Vỡ-Ngọc-Thanh, pharmacienne, âgée d'environ trente ans, demeurant actuellement à Westminster, Orange County. L'article qu'elle a écrit, à propos de la fête de Thanksgiving, porte le nom : « Un grand merci à la vie », racontant une histoire émouvante, simple, et pourtant extraordinaire, débutant par quelque chose de très ordinaire : « Rien qu'avec un sourire ... ». Le titre a été rebaptisé selon l'esprit de l'article.

Et voilà ! Encore une fois arrive la fête de Thanksgiving ! Je me rappelle la première fois, quand j'ai entendu parler de la fête de Thanksgiving, je pensais : « Comme les étrangers étaient disponibles, et superficiels ! Ils n'arrêtaient pas d'inventer des fêtes ; leur but était probablement de créer des occasions pour vendre des cartes postales, de s'offrir des cadeaux. En somme, c'était une manière ou une autre de faire du business ».

La première année, l'année où j'ai posé mes pieds sur la terre américaine, la fête de Thanksgiving, pour moi, n'avait aucun sens, si ce n'était qu'un plaisir de profiter d'un jour de congé, et de pouvoir se réunir en famille, une soirée pour manger, boire et s'amuser.

Il m'a fallu trois longues années pour vraiment comprendre le sens de cette fête. Durant ces années, j'étais stagiaire dans une pharmacie en vue d'obtenir le diplôme de pharmacien. Cette pharmacie avait une très bonne clientèle, toute la journée, le personnel travaillait sans relâche, sans

repos, le téléphone sonnait sans arrêt, aussi tout le monde était hyper-tendu, stressé, crevé, s'énervait facilement pour un rien, jamais un sourire sur les lèvres.

A l'époque, la pharmacie recevait souvent une fidèle cliente nommée Joséphine Smiley. Je me souviens très bien de son doux et généreux visage. Cette année-là, elle avait quatre-vingts ans, handicapée aux bras et jambes, elle était obligée de se déplacer en fauteuil-roulant ; en plus, atteinte de rhumatisme, ses doigts se rétractaient, et pour couronner tous ses malheurs, elle a dû subir un cancer en phase terminale. Chaque fois qu'elle venait à la pharmacie pour chercher ses médicaments mensuels (elle en prenait plus d'une dizaine pour ses différentes maladies), je la regardais d'un air inquiet. Touchée de compassion pour cette vieille malade, j'essayais de rire avec elle, de l'accueillir chaleureusement, d'échanger avec elle, quelques phrases, ou bien de l'aider à pousser son fauteuil-roulant. Il paraît que son mari et son fils unique étaient décédés dans un accident de voiture ; quant à elle, échappée à la mort, mais handicapée, se retrouvait sur une chaise-roulante. A partir de ce jour, elle sombrait dans la dépression, puis le stress, ensuite, elle perdait son travail. Il y a cinq ans, les médecins ont découvert qu'elle était atteinte d'un cancer. D'après les informations du personnel de la pharmacie, actuellement, elle vit seule dans une maison de retraite.

Je me souviens très bien de cette veille de fête de Thanksgiving de l'année 1993, quand elle venait chercher ses médicaments, elle me souriait et m'offrait une carte postale accompagnée d'un gâteau qu'elle avait acheté spécialement pour moi. Je la remerciais, elle me disait d'ouvrir la carte et la lire immédiatement. J'ouvris la carte, extrêmement émue en y voyant une écriture tremblante et tortueuse : « Ma chère Thanh, mon nom c'est : Joséphine Smiley, mais la vie ne me sourit pas du tout. Plusieurs fois, je voulais mettre fin à mes jours, jusqu'au jour où je vous ai rencontrée à la pharmacie. Vous êtes la SEULE personne qui me souriait, après la mort de mon mari et de mon fils. Vous m'avez rendue heureuse, et m'a aidée à continuer à vivre. Je profite de cette fête de Thanksgiving pour vous dire : Merci Thanh, merci infiniment, pour votre sourire ... » Ensuite, elle m'a serrée dans ses bras en pleurant. Moi aussi, je sentais mes yeux mouillés, ma gorge serrée ... A

aucun moment, je ne pensais qu'avec mon seul sourire, j'ai pu apporter suffisamment de forces pour aider une personne à survivre. C'était la première fois que j'ai pénétré la noblesse et la profondeur de cette fête de Thanksgiving.

A la fête de Thanksgiving de l'année suivante, je l'attendais, espérant qu'elle viendrait chercher ses médicaments comme d'habitude, jusqu'à la fermeture de la pharmacie. Soudain, une petite fille apparut, elle chercha à me voir pour me donner une carte postale et m'annonça que Mme Joséphine Smiley était décédée il y a trois jours. Au dernier moment, elle avait demandé à une infirmière de me la transmettre en main propre le jour de Thanksgiving. Cette dernière lui avait promis de réaliser sa dernière volonté. J'éclatais en sanglots, mes larmes coulaient tellement qu'elles mouillaient toutes les lettres tortueuses écrites sur la carte : « Ma chère Thanh, Je vous remercie infiniment jusqu'à la dernière minute de ma vie. Vous me manquez, votre sourire me manque ... Je t'aime, « ma fille ».

Je me souviens d'avoir tellement pleuré ce jour-là que mes yeux se gonflaient, incapable de continuer à travailler ; et je pleurais durant toute la cérémonie de son enterrement. Une « mère américaine » m'a appelée « ma fille ».

La veille de la fête de Thanksgiving de l'année suivante, j'ai postulé ma demande de transférer dans une autre pharmacie ; car je savais que mon cœur trop faible serait incapable de supporter une aussi grande douleur que je lui ai réservée, chaque fois qu'arrivait la fête de Thanksgiving, si je continuais à travailler dans cette pharmacie.

Jusqu'aujourd'hui, je garde encore les deux cartes postales de cette cliente malade. C'était aussi à partir de ce moment-là que j'ai commencé à apprécier profondément la fête de Thanksgiving, probablement, parce que j'ai pénétré réellement le sens de cette fête particulière.

Habituellement, aux Etats-Unis, la fête de Thanksgiving, c'est une occasion de se réunir en famille. Chacun achète une carte postale ou un cadeau et l'offre à celle ou celui qu'on aime, ou à qui on doit reconnaissance. Selon la coutume, le plat principal du repas de la fête, c'est toujours la dinde.

Plusieurs semaines précédant la fête, dans presque tous les marchés on ne vend que des

dindes, des volailles vivantes ou déjà préparées. C'est pourquoi, à chaque fête de Thanksgiving, on tue des millions de dindes et de volailles pour servir et assouvir les gens.

Nous autres Vietnamiens, nous détestons la viande de dinde, nous la trouvons sèche et fade, nous préférons plutôt celle du poulet, « des poulets qui marchent ». Auparavant, moi aussi j'aimais manger du poulet, pendant la fête de Thanksgiving avec ma famille, mais depuis que j'ai pris connaissance du Bouddhisme, j'arrêtais d'en manger.

Quelques semaines précédant la fête de Thanksgiving, chaque fois que j'accomplis une bonne action, si petite soit-elle, je dédie tous mes mérites à toutes les volailles, dindes, ou poulets ou tout autre animal ... qui ont été, qui sont, ou qui seront tués durant cette fête, et je prie pour qu'ils se débarrassent de leur Karma-animal afin de se réincarner en d'autres vies meilleures, plus heureuses et plus paisibles.

Depuis dix ans, chaque fois qu'arrive la fête de Thanksgiving, je m'organise toujours pour me libérer afin d'aller offrir mes services dans des « Restaurants du Cœur » organisés par les Associations de Bienfaisances dans le but d'aider les sans-abri, les SDF. Arriver dans ces milieux me permet d'éprouver un amour profond pour tous ces pauvres Américains vivant dans la misère et la faim. Il y en a des blancs, des noirs, des jaunes, y sont présents même quelques uns des nôtres, Vietnamiens. Ils se mettent en ligne, dans l'ordre, et attendent des heures, dans le froid automnal, la plupart sans vêtements chauds, claquant des dents, grelottant, leur tour pour recevoir une part de nourriture, et une couverture ou un sac-de-couchage pour passer la nuit.

Partout sur cette terre, il existe énormément des gens nécessiteux qui ont besoin de notre charité, notre générosité, notre humanité.

Si nous parlons du mot : « Reconnaissance » envers ceux à qui on doit la vie, la liste est certainement très longue. Car personne ne survivrait en ce monde sans devoir quelque chose à une ou plusieurs autres personnes. Rien que le fait de porter cette enveloppe humaine, nous le devons à notre Bon Dieu. En ce qui me concerne personnellement, le fait de pouvoir exister jusqu'à aujourd'hui, de m'asseoir ici, et vous écrire ces

lignes, je le dois à mon Père, à ma Mère et à mon Maître.

Je remercie mon pays : le Vietnam, avec ses deux saisons : sèche et humide, avec son peuple pauvre mais tenace, endurant et laborieux. Oh ! Mon pays qui m'a accueillie, à ma naissance, m'a laissé tant de souvenirs de toute mon enfance, de ma jeunesse, que je garde au fond de mon cœur, jour après jour, le long de mon existence passée à l'étranger.

De la reconnaissance envers ma Mère qui m'a mise au monde, et qui m'a élevée jusqu'à l'âge adulte. Je te remercie pour tous ces longs jours et mois de travail pénible qui pesait sur ton dos qui, au fil du temps, se courbait, et tes épaules qui s'affaissaient de plus en plus ; et pour tous les soucis, les angoisses, et les souffrances que tu as endurés durant presque un demi-siècle.

De la reconnaissance envers mon Père qui m'a éduquée, pour que je devienne quelqu'un de respectable. Je te remercie pour toutes ces années de travail fatigant, toutes ces longues journées interminables courant à droite, à gauche, pour me procurer chacun de mes repas, chacun de mes vêtements. Je te remercie pour toutes ces gouttes de sueurs qui coulaient en abondance sur le dos de ta chemise pour gagner de l'argent afin de payer mes études.

De la reconnaissance envers mes Maîtres et Maîtresses qui m'ont enseignée, m'ont transmis tant de connaissances pour que je devienne un bon citoyen utile à la société et au pays.

De la reconnaissance envers mes grandes sœurs, mes petits frères et sœurs, qui ont partagé avec moi, les moments les plus difficiles, mes premiers pas à l'étranger, ainsi que mes joies ; m'ont encouragée dans mes réussites ; m'ont aidée à me relever quand je trébuchais et je tombais ou quand j'échouais.

De la reconnaissance envers tous mes amis qui m'ont procuré tant de souvenirs tristes et gais. C'étaient des cadeaux inestimables qu'aucun argent ne puisse acheter. Si vous n'aviez pas été là, toute ma vie d'élève à la tunique blanche n'aurait rien eu pour aimer et pour me souvenir.

De la reconnaissance envers ma petite copine, qui m'a « nourrie » durant toutes mes années universitaires avec ces cannettes « gigo » de riz

garni tantôt de légumes tantôt d'œufs, accompagné de petits bols de soupe sucrée (chè) ou des tasses de thé avec glaçons, à la cantine certains jours.

De la reconnaissance envers mes malades qui m'ont apporté de la joie dans mon travail, y compris les malades les plus difficiles ; vous m'avez aidée à comprendre : la douleur, la souffrance d'être malade.

De la reconnaissance envers mes patrons et patronnes qui m'ont aidée à comprendre la valeur de l'argent, qu'il ne faut pas le gaspiller, que l'argent honnêtement gagné s'obtient toujours par un travail pénible et fatigant.

De la reconnaissance envers mes amoureux, y compris ceux qui m'ont quittée, qui m'ont aidée à comprendre ce que signifient : l'amour, le bonheur, la séparation, la souffrance.

De la reconnaissance envers la poésie, la musique, qui m'ont aidée à trouver la joie dans les moments mélancoliques, à oublier les soucis, les tristesses, pour me rendre compte qu'il existe encore en ce monde, quelque petites choses qui méritent d'être aimées et souvenues.

De la reconnaissance envers des hauts et des bas dans la vie, qui m'ont permis de goûter toutes sortes de douceurs et d'amertumes de cette existence ; enfin, de m'apercevoir que : tout ce qui existe en ce monde est impermanent, provisoire et éphémère ; et qui m'a poussée à diminuer « ce moi », cet égo, cette fierté du passé.

De la reconnaissance envers tous ceux qui sont entrés dans ma vie, ainsi que ceux que je ne connais pas encore, car :

« Cent ans antérieurs, je ne vous ai pas encore connus.

Cent ans postérieurs, vous connaîtrai-je ?

La vie est ainsi faite : tantôt avec « forme » tantôt « vacuité »

Contentons-nous de vivre avec tout notre cœur »

C'est ainsi que, chaque année, quand arrive la fête de Thanksgiving, j'achète des cartes postales, ou cadeaux pour offrir à ma mère, à ma sœur, à ceux qui me sont chers, ou qui m'ont aidée.

Durant notre existence, nous devons, parfois, manifester nos sentiments, à travers un geste quelconque : ne serait-ce qu'une simple parole telle que : « Je t'aime, maman », ou une carte postale, ou

tout simplement : une rose. L'amour c'est quelque chose qu'il faut donner et recevoir, car, un jour, ceux que nous aimons, disparaîtront. Alors, la fête de Thanksgiving aura-t-elle encore un sens ? Donc, permettez-moi de dire, une dernière fois, une parole de reconnaissance : « Merci infiniment, merci à la vie ... »

Hoàng-Thanh

# Si j'avais encore ma mère

17/11/2009 Nguyễn Thảo

**J**e suis un orphelin. Mon ami est plus chanceux que moi, car il a droit à une rose rouge, alors que moi, je dois me contenter d'une rose blanche, car j'ai perdu ma mère. Regardant la petite rose blanche, je ne peux m'empêcher de formuler, du fond de mon cœur, le vœu : « Si j'avais encore ma mère ».

Je suis un petit orphelin, orphelin de père et de mère ! Depuis tout petit, j'avais déjà perdu mon père ; il était mort dans une explosion de mine, sur le chemin menant à son entreprise où il travaillait pour nourrir la famille. Ma mère pleurait la mort de mon père et s'occupait de moi, à l'époque, âgé de trois mois. Ma présence en ce monde, ne faisait qu'apporter des malheurs à mon père, à ma mère et à moi-même personnellement. Ma mère avait beaucoup de mal pour m'élever ; elle se démenait toute seule pour me nourrir. J'ai grandi grâce à ses immenses sacrifices.

A trois ans, j'étais encore très innocent. Je ne me rappelle pas très bien les traits du visage de ma mère. Je me souviens vaguement d'une silhouette mince, de grands yeux, d'une bouche toujours souriante, d'un visage extrêmement doux, surtout d'un nez, un nez qui attirait des éloges de tout le monde, d'un corps légèrement maigre, probablement pour avoir trop travaillé pour m'élever. Je n'avais pas encore gravé ces images dans ma mémoire que ma mère fut morte d'une grave maladie de courte durée. C'était alors que je suis devenu un petit orphelin de père et de mère !

Le jour de ses obsèques, je n'en avais aucune connaissance. C'était mon oncle qui s'occupait de tout. On m'a entouré la tête d'une bande de tissus blanc en guise de deuil. Ma mère me manquait, je demandais autour de moi : « Où est ma mère ? ». On ne me répondait pas, mais on pleurait, puis on me regardait longuement. Tout le monde me chérissait. Pourquoi me serrait-on souvent dans les bras, me caressait-on la tête et se remettait-on à verser des larmes ? Toutes ces attitudes, j'en comprenais le sens seulement après avoir atteint ma majorité.

Je me souviens de cet après-midi des obsèques, le ciel automnal était nuageux. J'étais sûr que ma mère, en quittant ce monde pour rejoindre la terre, avait profondément regretté de m'avoir laissé seul au monde. Son chagrin se répandait dans la douceur de la brise du crépuscule. En silence, elle suivait les nuages qui s'éloignaient doucement dans le ciel. Tout le monde me regardait longuement, puis poussait des soupirs, hochant légèrement la tête.

A l'époque, j'étais très innocent ! Je ne pleurais pas, alors qu'autour de moi, tout le monde pleurait pour moi. Je ne savais pas pleurer, alors que ma mère me quittait pour toujours ! Je ne pleurais pas à l'époque parce que « je ne savais pas pleurer » pour que plus tard, je pleure abondamment, je pleure pour ma mère et je pleure pour moi-même, pour mon propre sort.

« Autrefois, j'étais encore si jeune  
Quand ma mère mourut.  
Pour la première fois, je comprenais  
Le sort d'un orphelin.  
Autour de moi, tout le monde pleurait  
En silence, je souffrais  
Laisant couler mes larmes  
Ainsi s'apaisaient mes douleurs  
Le crépuscule recouvrait la tombe  
Doucement, tintait le carillon d'une cloche  
Je réalisais qu'en perdant ma mère  
J'ai perdu toute la terre ».

En lisant le poème ci-dessus écrit par Thanh-Tịnh, dans un petit recueil intitulé : « Bông Hồng Cài Áo » (Une rose pour ma mère) du Vénérable Nhất-Hạnh, au fond de mon cœur, je souffre, je pleure pour moi-même. Mais à l'époque, j'étais si jeune encore, je ne pouvais que « En silence je souffrais, laissant couler mes larmes. Ainsi, s'apaisaient mes

douleurs ». Tout ce que je savais c'était seulement : « En perdant ma mère, j'ai perdu toute la terre ». Cette terre, chaque année, je la revois encore, mais ma mère, elle m'a quitté pour toujours, même dans mes rêves, je ne l'ai jamais revue. Je ne puis revoir mon père et ma mère qu'à travers des photos pas très grandes posées sur l'autel des ancêtres.

Après avoir inhumé ma mère, mon oncle m'a ramené à la maison. La maison était devenue trop vide. Ma mère n'était plus là, assise sur le bord du lit, où, plus d'une fois, elle avait tiré la couverture pour me couvrir, me serrant dans ses bras, doucement, elle murmurait à mes oreilles : « Mon fils adoré, est-ce que tu as froid ? » Aujourd'hui, je ne la revois plus, elle me manque terriblement.

Ensuite, Je ne savais pas ce dont avaient discuté mon oncle et les membres du côté de mon père, mais après cette discussion, j'étais confié à mon oncle. J'allais vivre avec sa famille. Il m'a transporté avec son fils sur sa mobylette. Mon oncle et ma tante m'aimaient beaucoup. Les premières nuits, je pleurais souvent, car ma mère me manquait terriblement, elle ne venait plus se coucher à mes côtés, je réclamaï ma mère en pleurant. Pour remplacer ma mère, mon oncle venait se coucher à mes côtés, lui aussi pleurait.

On dit que le temps pansé toutes les blessures, à la longue, on s'habitue à tout. Je grandissais au fur et à mesure, dans la famille de mon oncle, dans l'amour de mon oncle et ma tante, et l'affection de mes cousins et cousines, leurs enfants.

Comme je n'étais pas de nature contrariante, pas gourmande mais au contraire : sincère, résigné, et laborieux, grâce à quoi, durant ces longues années, mon oncle et ma tante ne cessaient de m'aimer ; mes cousins et cousines ne se fâchaient jamais contre moi. Tout le monde disait que j'étais très sage. Je ne connaissais toujours pas ce qu'est d'être sage.

Le jour de la rentrée des classes s'approchait. Les élèves s'apprétaient à revenir à l'école. Souvent, j'ai vu que mon oncle et ma tante se réunissaient, et discutaient longuement, à propos d'un sujet dont je n'étais pas au courant. Ensuite, un beau jour, mon oncle m'a posé une question :

« A la prochaine rentrée des classes, est-ce que tu veux aller à l'école ? Si tu veux, je t'y emmènerai »

J'ai répondu : « Oui, j'accepte ». J'ai accepté car j'ai vu que, souvent, les élèves, en allant à l'école, passaient devant la maison, causant et riant gaiement. Tout cela me plaisait énormément. Mais, en réalité, je ne comprenais rien au fait d'aller à l'école. Ensuite, mon oncle m'a acheté des cahiers, des stylos, et m'a amené m'inscrire à l'école. Ainsi, j'ai pu aller à l'école avec mes cousins, cousines et d'autres camarades du village.

Le jour de la rentrée, les enfants de mon âge, s'accrochaient, en pleurnichant, aux jambes de leurs parents, réclamant sans cesse : « Papa, maman ». Quant à moi, j'ai suivi mon oncle et je me suis contenté d'appeler : « Mon oncle ». Les deux mots « papa, maman » je les ai perdus depuis longtemps ! Ces deux mots résonnaient dans mes oreilles, me donnaient une grande envie d'appeler aussi « papa, maman » ou « père, mère » mais à côté de moi, il n'y avait que mon oncle, j'ai ressenti, dans mon cœur, une profonde tristesse tout en souhaitant : « Hélas ! Si je pouvais encore avoir ma mère ! »

Durant toutes ces longues années d'études à l'école communale, mon oncle et ma tante s'occupaient beaucoup de moi comme si j'étais leur propre enfant, depuis des vêtements jusqu'aux fournitures scolaires, aux nourritures sans aucune distinction avec leurs propres enfants. A mesure que je grandissais, j'ai pu réaliser ce dévouement à mon égard, et pourtant, j'éprouvais toujours dans mon cœur, une profonde tristesse. C'était malgré moi, je n'y pouvais rien. C'est pourquoi, je me suis lancé dans mes études, j'ai travaillé de toutes mes forces pour faire plaisir à mon oncle et ma tante. A l'époque, je n'avais que très peu d'amis, car en les écoutant raconter : mon père m'a emmené en excursion par-ci, par-là, ma mère m'a confectionné ce vêtement, mes parents m'ont emmené faire des courses, ils m'ont fait ce cadeau etc. A chaque fois, je restais, silencieux, à écouter « mon cœur pleurer ». C'était simple ! Parce que, je n'avais plus ni père, ni mère. C'était la seule raison qui m'empêchait de rester longtemps à papoter avec eux. Si j'avais eu encore ma mère, mon attitude aurait-été différente !

Parfois, pendant des jours mélancoliques, je m'asseyais, essayant de toutes mes forces, de me rappeler certains traits du visage, la silhouette de ma

mère. J'entendais l'écho de sa voix, son doux visage apparaissait, puis disparaissait confusément dans mes souvenirs. Je me rappelle des rares moments, où, me regardant jouer, ma mère me souriait, parfois faisait semblant de se mettre en colère quand je perturbais trop, ou bien, affectueusement, mettait dans mes mains, un gâteau ou un bonbon qu'elle avait acheté après avoir fini ses petits commerces au marché. Toutes ces images sont, aujourd'hui, devenues floues, presque effacées dans ma mémoire, non pas à cause des larmes que j'ai versées chaque fois que je pensais à ma mère, mais parce que je ne les avais pas bien gravées dans mon esprit innocent. Néanmoins, je me rappelle encore quelque peu l'image de ma mère, c'est déjà une chance pour moi.

Il n'est pas vrai que je ne pense pas à mon père. Je n'aurais pas commis cette injustice ; seulement, en grandissant, je n'avais pas l'habitude d'appeler « papa » ; en plus, je ne me souviens d'aucune image, d'aucune silhouette de mon père, en dehors de la photo posée sur l'autel des ancêtres. On dit que je suis « le portrait craché de mon père ». C'est tout ce qui me reste de mon père.

Les cinq années d'études à l'école communale s'achevaient. J'ai grandi aussi, ainsi que ma façon de penser. J'ai pris plus de conscience, grâce à quoi, j'ai réalisé que, pour me prendre en charge, mon oncle et ma tante avaient dû travailler dur. Alors j'ai pris la décision d'arrêter mes études pour leur permettre de réunir toutes les conditions afin que mes cousins et cousines puissent pousser plus loin leurs études. Les sacrifices qu'ils se sont donnés pour m'élever jusqu'à ce jour, s'avèrent déjà très précieux.

Je commençais à entrer dans la vie active. J'assistais mon oncle et ma tante dans les tâches ménagères et dans les travaux des champs. Des moments libres, je descendais dans les rizières, attrapais des poissons, des crevettes, des crabes, ou suivais, par plaisir, les pêcheurs au large, pour pêcher des poissons avec leur filet. Par ailleurs, j'étais prêt à apporter mon aide à qui en avait besoin, en échange de quelques pièces afin de subvenir à mes besoins personnels, ou faire des économies pour aider mon oncle et ma tante en cas de besoin.

Ma vie continuait ainsi jusqu'à ma majorité. J'arrêtais mes études à l'école ; mais je continuais

à m'instruire dans la vie courante. Je m'instruisais auprès des agriculteurs, des pêcheurs, à partir des incidents, des faits réels dans la vie quotidienne. On me disait souvent : « Tu es vraiment un orphelin ». A l'époque, je ne comprenais pas le sens de cette phrase, mais après j'ai compris : étant orphelin si jeune de père et de mère, j'ai dû me débrouiller tout seul pour m'en sortir. C'est pourquoi, je paraissais plus mûr que les autres garçons de mon âge.

Ainsi s'écoulait mon enfance, arrivait ensuite ma jeunesse. Je n'osais pas rêver des rencontres amoureuses. J'ai laissé passer outre des jeunes filles, car j'étais un orphelin, ainsi, c'était mon destin ! Je devais tâcher de bien travailler, gagner une petite somme d'argent, il m'en faudrait, pour fonder un foyer, avoir des enfants. Je ne connaissais rien à propos des relations amoureuses, ni des rêves de jeunesse. Au fil du temps, ma mère me manquait beaucoup moins. Trop de temps ont passé depuis son décès. D'ailleurs, j'étais trop occupé pour rester là à penser à elle et à broyer du noir.

Néanmoins, il existait des après-midi quand des rayons jaune-doré du soleil couchant se répandaient sur les vagues à la surface de l'eau, je marchais le long du fleuve, comme « la grue pataugeant par monts et par vaux dans le fleuve » à la recherche de quelques poissons ou quelques huîtres. Qu'ils sont profonds, véritablement touchants, ces vers ! Écrits par le poète : Trân-Tê-Xuong : « Traînant un maigre corps, la grue pataugeait dans le fleuve désertique ; la surface de l'eau semblait ridée. Qu'il était extrêmement triste, l'embarcadère d'hiver !! » Je marchais, je marchais seul au milieu du courant de la vie, nourrissant dans mon cœur, la tristesse, la mélancolie d'être sans père, ni mère !

Profitant d'un jour de repos, j'ai suivi un copain à la pagode pour assister à la fête d'Allambama. J'y allais uniquement par curiosité, personnellement, auparavant, je n'avais jamais été attiré par la pagode, mais ce jour-là, il y avait beaucoup de monde, je m'y plaisais. Il y avait des jeunes filles bien habillées, charmantes accompagnées de leur mère. A ce moment, l'image de ma mère apparut dans ma tête. Par moments, je chancelais, je me sentais abandonné, solitaire au milieu d'une foule de gens. J'étais un orphelin ! On a offert à mon ami une rose rouge accrochée sur sa poitrine, quant à moi, je me suis contenté seulement, d'une rose

blanche, car j'ai perdu ma mère. Regardant la petite rose blanche fixée sur ma poitrine, je ne pouvais m'empêcher de souhaiter : « Ah ! Si je pouvais avoir encore ma mère ! »

Mais en regardant autour de moi ceux qui portaient des roses blanches comme moi, je me sentais quelque peu encouragé. Je n'étais pas le seul qui ait perdu sa mère ! Je ne me sentais plus triste, car, aujourd'hui, j'ai compris et j'ai prié pour ma mère. Pour une fois, j'ai pu témoigner de la piété filiale pour ma mère. J'étais certain que ma mère aussi était ravie et en train de me sourire, car je pensais encore à elle et prié pour elle, lors de ce grand jour d'Allambama, avec toute la Communauté des moines et disciples du Bouddha.

Je voyais ma mère se pencher et poser légèrement un baiser sur le front du petit garçon en murmurant : « Maman t'aime tellement ! Mon pauvre petit enfant malheureux ! » Puis la silhouette de ma mère s'éloignait puis disparaissait dans le lointain comme dans un rêve, je suivais du regard, la silhouette jusqu'à ce qu'elle disparaisse, en formulant de nouveau mon souhait : « Ah ! Si je pouvais encore avoir ma mère ! »

## un point noir sur une feuille blanche

Comme tous les jeunes garçons, je grandissais, baigné dans l'amour, la joie, la colère, la haine de tout être humain. Je savais aimer, détester, mais jamais, je ne savais pardonner à qui que ce soit. Je regardais le monde à travers mes propres lunettes ! J'avais un regard très perspicace, ce qui m'a permis de repérer immédiatement le mauvais côté de mon interlocuteur, c'était la raison pour laquelle, je n'avais pas beaucoup d'amis.

J'avais de l'estime pour tout le monde, mais je ne pardonnais jamais à celui qui m'avait joué un mauvais tour, que ce soit volontairement ou involontairement et je cherchais par tous les moyens à lui rendre la monnaie de sa pièce. C'était, probablement, la raison pour laquelle,

j'étais devenu le garçon le plus difficile à vivre, et à s'approcher dans le village.

Et un jour ... Tout a basculé, toutes mes pensées ont changé, quand un moine est venu s'installer à la pagode. Dans mon village, il y avait une petite pagode isolée au milieu des champs. Construite avec des murs de feuilles séchées, un fondement de terre battue, entretenue par un vieux moine.

En dehors du travail des champs, du potager, et après mes études, j'aimais bien me rendre à cette pagode, et y passer la plupart de mon temps libre. Au milieu de l'atmosphère paisible, le carillon de la cloche, le son de la crécelle, mélangés à la voix du moine récitant les prières, retentissaient dans

l'espace infini, coulaient, s'infiltraient dans mon âme, provoquant une sensation infiniment paisible et sereine.

Un jour, un jeune moine est venu s'installer à la pagode. Il avait des yeux très brillants, à tel point qu'on a l'impression qu'ils pourraient éclairer votre chemin dans la nuit noire. Il avait un sourire extrêmement doux, un sourire rempli de bonheurs infinis.

J'aimais bien discuter avec lui, car en lui, je n'ai trouvé aucun défaut. Comme s'il lisait dans mes pensées, un jour, à la sortie de l'école, au lieu de rentrer à la maison, j'ai couru directement à la pagode, j'avais hâte de réciter la prière avec lui lors de la séance de prières de l'après-midi. Je ne voulais, pour rien au monde manquer cette séance. En silence, j'écoutais ses prières, car, il avait une voix extrêmement merveilleuse, capable d'entraîner notre âme dans chacune de ses paroles, dans chacun de ses immenses vœux, quand il pratiquait la cérémonie d'offrandes aux défunts.

Après avoir terminé la cérémonie, et rangé les coussins, tenant ma main, il me conduisait dans le jardin derrière la pagode, m'installait à une table en bois, me versait une tasse de thé très dilué et me posait une question :

« Est-ce que tu as beaucoup d'amis ? Dans le village il y a pas mal d'enfants, et pourtant, il n'y a que toi qui vas à la pagode, pourquoi les autres ne viennent pas avec toi ? »

« Non Maître, Je n'ai pas beaucoup d'amis, car ils sont tous mauvais »

« Pourquoi dis-tu ainsi ? » L'air surpris, demanda-t-il.

## Les huit mensonges habituels de ma mère

1. Quand il n'y avait pas suffisamment de riz à la maison, ma mère disait : « Maman n'a pas faim »
2. Quand on était pauvre, ma mère disait : « Maman n'aime pas les nouveaux habits »
3. Quand il n'y avait pas suffisamment de nourritures ma mère disait : « Maman n'aime pas le plat »
4. Quand elle devait veiller tard et se réveiller tôt, ma mère disait : « Maman n'est pas fatiguée »
5. Quand elle était exténuée, ma mère disait : « Maman va bien »
6. Sortie dans la rue, et n'ayant pas d'argent pour s'acheter une boisson, ma mère disait : « Maman n'a pas soif »
7. Quand je voulais envoyer de l'argent à ma mère, elle disait : « Maman ne manque pas d'argent »
8. Quand elle tombait malade et s'alitait, ma mère disait : « Maman se porte bien ».

« Car, ils sont grossiers, insolents, fainéants dans les études comme dans leur esprit ».

Caressant ma tête, mon Maître me disait :

« Laisse- moi te montrer quelque chose ».

Il sortit une feuille de papier blanc, du papier qu'utilisent les élèves. Se servant d'une plume très fine il laissait couler sur la feuille de papier immaculé, un point noir, très noir. Il leva la feuille et me demanda :

« Qu'est-ce que tu vois ? »

Sans réfléchir, je répondis immédiatement :

« Un point noir Maître ! »

Toujours souriant mon Maître répéta la question :

« Est-ce que tu as bien vu ? »

»

« Oui, Maître ». J'affirme.

Mon maître souriait toujours, un doux sourire qui semblait gorgé des bonheurs infinis contenus dans les trois milliers de mondes.

« Pourquoi tu ne vois que le petit point noir sur la feuille de papier blanc, sans voir la feuille immaculée que je tiens dans ma main ! »



Je restais là, silencieux, perplexe. Mon maître continua :

« Concernant l'être humain, c'est pareil ! Personne n'est parfait. C'est la raison pour laquelle, Bouddha est apparu en ce monde pour aider l'être vivant à ouvrir son esprit, à bien faire, pour pénétrer la Nature du Bouddha, car la nature de l'être vivant est identique à celle du Bouddha, les êtres vivants sont des Bouddhas en puissance (Je suis un Bouddha accompli, les êtres vivants seront des Bouddhas dans le futur). Si tu fixes ton regard sur un mauvais côté, tu risques de ne pas voir leurs bons côtés. Comme tu ne vois que le point noir sur une feuille de papier blanc, au lieu de voir la feuille blanche avec un point noir ! Si tu fixes ton regard sur leurs bons côtés tu verras qu'ils méritent tous d'être aimés, d'être respectés. C'est précisément la Nature du Bouddha toujours présente en chacun d'entre nous ».

Le Bonheur, l'Amour personne ne peut vous en procurer, c'est vous qui en êtes l'auteur.

## Drôle demande d'argent à sa mère

Un jeune garçon d'environ quinze ans, pour avoir de l'argent de poche, au lieu de demander directement, comme d'habitude, à sa mère, cette fois-ci, il lui vient à l'esprit une idée de lui écrire la liste suivante :

1. Aider Mère, le matin, à ranger le lit : 1.00 \$
2. Aider Mère à préparer le petit déjeuner : 2.00 \$
3. Garder mon petit frère après école : 3.00 \$
4. Aider Mère à préparer le dîner, ensuite laver et ranger la vaisselle : 4.00 \$

Total : 10.00 \$

Temps de paiement : demain matin, avant mon départ pour l'école.

Le lendemain, sa mère pose sur sa table de chevet un billet de 10.00 \$, et après son départ pour l'école, sa mère écrit au dos de la feuille ces lignes :

1. Temps de grossesse, 9 mois et 10 jours : gratuit
2. Frais des couches, de l'hôpital, de lait à ta naissance : gratuit.

3. Te nourrir depuis ta naissance jusqu'à aujourd'hui : gratuit.

4. Frais d'études, de soins médicaux, quand tu tombes malade : gratuit.

5. M'occuper de ton futur mariage, ou de toi durant toute ta vie si par malheur tu étais infirme ou attrapais une maladie incurable : gratuit.

6. Tout autre frais non énuméré : gratuit également pour mon fils adoré

Temps de paiement : toute ma vie.

Au retour de l'école, le garçon court dans sa chambre, lit la feuille écrite par sa mère, sort une autre feuille et écrit ces lignes suivantes :

« Maman, je te demande pardon ». Dorénavant :

1. Aider ma mère : gratuit.
2. Étudier de toutes mes forces pour réussir : gratuit.
3. Prêt à aider tout le monde : gratuit.
4. Sans cesse, prendre soins de ma mère : gratuit.
5. Frais de vieillesse pour ma mère : gratuit.

Temps de paiement : Toute ma vie

Le lendemain, pendant que son fils est encore au lit, en posant, comme d'habitude, le billet de 10.00 dollars sur la table, voyant la feuille écrite par son fils, la mère la prend et la lit. Des larmes coulent sur ses joues, et un sourire s'épanouit sur son visage, elle pense que c'est le sourire le plus satisfaisant depuis la naissance de son fils.

## Une émouvante histoire d'amour paternel

Un père, pauvre, a puni sa petite fille de trois ans pour avoir gaspillé un rouleau de papier d'emballage. Serré dans ses dépenses, faute d'argent, le père s'est mis en colère en voyant sa petite fille découper le précieux rouleau de papier pour confectionner une boîte en carton. Malgré les réprimandes de son père, la petite fille apportait la boîte, et disait à ce dernier : « Papa, je te l'offre ». Celui-ci se sentait gêné, pour s'être emporté la veille. Et cette fois-ci sa colère s'envenima à nouveau lorsqu'il ouvrit la boîte et vit que la boîte était vide. Il la réprimanda encore une fois sévèrement. La petite fille regarda son père, les yeux pleins de larmes, toujours respectueusement dit à son père :

- « Papa ! La boîte n'est pas vide, elle est remplie de baisers que j'ai soufflés dedans pour te faire cadeau ! »

Extrêmement surpris et ému, le père ouvrit ses bras, embrassa sa petite fille, la serrant fortement, et s'excusa pour l'avoir réprimandée injustement.

Peu de temps après, la petite fille mourut dans un accident. Durant plusieurs années, le père gardait toujours précieusement la boîte à ses côtés, chaque fois qu'il rencontrait quelque chose qui le décourageait, il en sortait un baiser imaginaire que sa petite fille adorée lui avait soufflé dans la boîte.

Durant notre existence, nous avons sûrement reçu et nous recevrons aussi des boîtes tout autant précieuses remplies d'amours et de baisers venant de nos enfants, de nos amis, de nos familles. En ce monde, il n'existe aucun trésor qui soit aussi précieux que ces boîtes pleines d'amour et d'innocence.

## LE PARDON

L'histoire américaine a enregistré un acte de pardon bien connu de leur célèbre président Abraham Lincoln. Pendant sa campagne présidentielle Abraham-Lincoln a été victime de toutes sortes de diffamations mensongères.

Malgré cela, il a été élu président, le 16ème Président de l'histoire américaine. Au moment de la nomination des ministres de son gouvernement, il a commencé par nommer les moins importants, enfin arrivait le poste le plus important équivalent à celui du ministre de la Défense à l'heure actuelle.

Tout le monde s'attendait à ce qu'il choisisse celui qui s'est démené le plus durant sa campagne présidentielle. Erreur ! Il a choisi, précisément,

celui qui l'avait insulté, son redoutable ennemi : Mr Edwin McMaster Stanton. Ses collaborateurs, extrêmement surpris, l'ont discrètement dissuadé :

« Mr Le Président, n'auriez-vous pas oublié que Mr Edwin Stanton vous avait critiqué et calomnié durant la campagne présidentielle ? Il pourrait saboter vos projets dans l'avenir. Avez-vous bien réfléchi, Mr le Président ? »

Le président Abraham-Lincoln répondit :

« Exactement, je connais très bien Mr Stanton. Qui il est et ce qu'il a fait à mon égard. Mais je lui ai déjà pardonné. Je reconnais qu'il est le plus talentueux, le plus digne d'occuper ce poste ».

Par la suite, Mr Stanton était devenu son collaborateur le plus efficace, le plus dévoué de son gouvernement. Malheureusement, peu de temps après, le Président Abraham Lincoln a été assassiné. Parmi les condoléances prononcées lors de ses obsèques, celles de Mr Stanton étaient les plus touchants, méritant le plus de valeur. Mr Stanton avait qualifié Le Président Abraham Lincoln comme étant un Grand-homme, l'être le plus honorable, laissant une brillante renommée éternelle dans l'histoire américaine, pour avoir pardonné à son ennemi et l'avoir transformé en ami, en collaborateur.

- Si on souffre, c'est parce qu'on persiste à poursuivre ses erreurs.
- Si vous ne voulez pas vous infliger des ennuis, personne d'autre ne pourrait vous en infliger, à moins que vous ne vouliez pas vous en débarrasser.
- Remerciez toujours ceux qui vous apportent des obstacles indésirables.

### **ỦNG HỘ BÁO PHẬT PHÁP DÀI HẠN, GÓP PHẦN VÀO VIỆC TRUYỀN BÁ PHẬT PHÁP JE FAIT UN DON POUR LA REVUE BOUDDHADHARMA.**

Họ và Tên / Nom et prénom : .....

Địa chỉ / Adresse : .....

Điện thoại / Téléphone : .....

Ủng hộ tùy hi : .....

Votre don : .....



lễ Phật Đản 2557-2013





Chùa/Pagode Kim Quang  
75, Allée Circulaire  
93600 Aulnay Sous Bois-France  
Tel. : 01.48.69.01.24  
e-mail: kimquangtu@gmail.com  
website : chuakimquang.com

### Phật Pháp/Bouddhadharma 46

- Tờ Phật Pháp/La revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ vào những ngày lễ lớn trong năm/Edition les grandes fêtes dans une année.
- Chủ Nhiệm: vén. Thích Minh Định-Hằng Lý.
- Những bài dịch tiếng Pháp và đánh máy : Cô Lý Thị Minh Nguyệt.
- Ban phát hành: Thích Nữ Đàm Như, cô Giác Vân, cô Diệu Hải, cô Giác Hào, cô Yên, Bé Huyền Trân, Bé Sylvie, cô Đồng Thu, anh chị Phát, cô Nuôi, cô Liên, Chú Thiện, Chú Giác Đạo, Chú Giác Luân, Cô Khánh Linh, bé Cécile, Cô Nisha, Cô Vi, Cô Hồng....
- Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng Tuyên Hoá, để chúng ta nghiên cứu, tu học, lợi mình, lợi người.
- Mọi sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, là góp phần nhỏ vào việc truyền bá Phật pháp, công đức vô lượng.
- Mọi chi tiết xin liên liên lạc về :

Chùa/Pagode Kim Quang  
75, Allée Circulaire  
93600 Aulnay Sous Bois-France  
Tel : 01.48.69.01.24-06.25.05.03.89  
e-mail: kimquangtu@gmail.com  
website: chuakimquang.com

### Trong số này/Sommaire

Kinh Hoa Nghiêm giảng giải	3
Kinh Pháp Hoa giảng giải	6
Phật pháp khó nghe	9
Chú Lăng Nghiêm giảng giải	11
Giáo huấn của các vị Tò tịnh độ	13
Mẹ ơi xin thứ lỗi	14
Chú Đại Bi giảng giải	15
Kinh Bát Nhã	17
Xin tiền tiêu xài	18
Pháp ngữ thiền sư Hư Vân	19
Hám Sơn đại sư tự truyện	20
Cuộc đời H. T Tuyên Hoá	24
Điện thờ đẹp nhưng không thấy Phật	27
Phải chi con còn có mẹ	28
Bài học vô giá	31
Dấu chấm đen trên tờ giấy trắng	33
Những lời dạy cuối cùng của đức Phật	33
Ròng cũng muốn quy y Tam Bảo...	35
Hào quang toả sáng khi niệm Phật	36
Tích chuyện cô gái quay tơ	37
Vie et oeuvre prédicante du Vén...	39
Un grand merci à la vie	41
Si j'avais encore ma mère	44
Un point noir sur une feuille blanche	47
Drôle demande d'argent à sa mère	49
Une émouvante histoire d'amour...	49
Le pardon	50

## ĐẠI LỄ VU LAN

### chủ nhật 01/09/2013

#### Chương trình như sau :

- 09 h 30 : Chư Phật tử tề tựu.
- 10 h 00 : Khoá Lễ Vu Lan chính thức.
- 11 h 15 : Thuyết pháp.
- 12 h 00 : Cúng hương linh thờ tại Chùa.
- 12 h 15 : Thọ trai.
- 13 h 30 : Lễ thọ quy y Tam Bảo.
- 14 h 00 : Thí thực cô hồn.
- 16 h 00 : Hoàn mãn.

### LA GRANDE FÊTE DE PITIÉ FILIAL

#### dimanche 01/09/2013

#### Programme de la journée.

- 09 h 30 : Arrivée des invités.
- 10 h 00 : Récitation du Sutra d'Ullumbana.
- 11 h 15 : Explication du Dharma.
- 12 h 00 : "Offrande aux morts".
- 12 h 15 : Déjeuner végétarien.
- 14 h 00 : Offrandes aux esprits.
- 16 h 00 : Cérémonie de clôture.

### LỄ Trung Thu tối thứ bảy 21/09/2013

#### từ 18 giờ đến 21 giờ, tại Chùa Kim Quang

Kính mời các phụ huynh đưa các em đến dự buổi lễ Trung Thu vào tối thứ bảy nói trên.

**Gồm nhiều tiết mục hấp dẫn:** - Múa lân mở màn, ca, múa, hài kịch, rước đèn .v.v... với sự tham gia của ban nhạc và các anh em nghệ sĩ Phật tử Chùa Kim Quang.